

NGƯỜI KINH BẮC

Số ra 1 tháng/kỳ

TẠP CHÍ SÁNG TÁC - NGHIÊN CỨU - THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Số 184

NĂM THỨ XXVII



THÁNG 5 - 2024

TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ BÁO LÊ THANH HUYỀN

THAM GIA BIÊN TẬP
HOÀNG GIÁ
NGUYỄN NHƯ HẠO
NGUYỄN ANH THUẤN
NGUYỄN THÁI SƠN
LÊ VIỆT NGÀ
NGUYỄN TRỌNG TÌNH
KIM PHÚC

THƯ KÝ TÒA SOẠN
HOÀNG YẾN

Email tòa soạn
tapchinguoinhbach@gmail.com
Website: nguoinhbach.vn
Điện thoại: 0222.3875.551

Giấy phép xuất bản
Số: 138/GP-BTTTT

Bộ Thông tin - Truyền thông
Cấp ngày 19/4/2023

Tòa soạn
Số 01 Lý Thái Tổ - TP. Bắc Ninh

In 1000 cuốn, KT 19 x 27cm,
100 trang, in và nộp lưu chiểu
tháng 5 - 2024
In tại:
XÍ NGHIỆP IN/NHÀ MÁY Z176

KỶ NIỆM 70 NĂM CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ (7/5/1954 - 7/5/2024)

- * Nhớ mãi lần gặp Đại tướng Võ Nguyên Giáp ở
mặt trận Điện Biên Phủ
Duy Đắc 3
- * Người công binh kể chuyện "Khoét núi, mở hào"...
70 năm về trước tại Điện Biên Phủ
Xuân Me 6
- * Nguyễn Thế Lợi - Người chỉ huy dũng sỹ Đỏ Xanh
năm ấy
Phạm Huy Chương 9
- Trang thơ 14-15

KỶ NIỆM 134 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (19/5/1890 - 19/5/2024)

- * Hồ Chí Minh - Con người của mọi người
BBT 16
- * Yêu trẻ, kính già, trọng phụ nữ
BBT 21
- * Bác Hồ với phong cách nêu gương
Đoàn Mạnh Tiến 28

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

- * Được gặp Bác Hồ lúc nửa đêm
Trần Vọng 30

Truyện ngắn: Vua Hồ
Hoàng Giá 33

Tản văn: Những bữa cơm chiều
Nguyễn Thanh Nga 40

Trang thơ Người Kinh Bắc 42-43

VĂN HIẾN BẮC NINH - KINH BẮC

- * "Giữ lửa" cho làng nghề đậu Trà Lâm
Văn Hoàn - Hồng Nhung 44



NGƯỜI Kinh Bắc

* Dòng Tiêu Tương huyền tích

Đặng Lợi 50

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

* Ngô Sở Ngọc và các vị đại khoa làng Văn Xá

Lê Việt Nga 53

* Nguyên Phi Ý Lan - "Vị Quan Âm Bồ Tát" trong lòng dân chúng

Đỗ Hữu Bằng 57

* Từ Vũ Tổng đại toán và tấm bia đá ghi khắc về các vị văn tài võ lược tiêu biểu của quê hương, đất nước

Nguyễn Văn An 60

Trang thơ Người Kinh Bắc

62-63

LÝ LUẬN PHÊ BÌNH

* Một bài thơ hay của Nguyễn Phan Hách

Nguyễn Anh Thuấn 64

* Cảm xúc băng quơ mà đông đầy trong bài thơ "Bên bờ ao cũ" của Vũ Anh Đức

Vũ Tuấn Anh 66

Truyện ký: Cánh hoa đứng mũi chịu sào

Nguyễn Xuân Tường 68

Trang thơ biển đảo

74

Tản văn: Tản mạn mưa

Lương Thìn 75

Ghi chép: Tiếng hát Chèo từ một làng nghề mây tre đan

Nguyễn Huy Bách 77

Trang thơ cộng tác viên

80-81

Truyện ngắn: Cô Út

Tổ Quyên 82

Chuyên trang Văn - Thơ CLB Cây bút tuổi hồng trường THCS

Vũ Kiệt TX Thuận Thành - Bắc Ninh

86-89

Truyện ngắn: Sự thật và truyền thuyết

Thái Sơn 90

ÂM NHẠC

* Hương sắc Thiên Thai

Nhạc: Quý Thăng Lời thơ: Xuân Vẽ 98

* Thương câu Quan họ

Nhạc: Chiêu Thanh Thơ: Thanh Tâm 99

MỸ THUẬT

* Bìa 1: Đinh Thị Thu Mai

* Bìa 4: Lưu Quang Lâm, Trọng Thủy, Nguyễn Văn Triền
Nguyễn Bá Sơn, Nguyễn Văn Hưng

NHIẾP ẢNH

* Bìa 2: Thanh Huyền

* Bìa 3: Trần Phan, Sơn Thủy, Trung Kiên, Trọng Hiếu,
Kim Đài, Quốc Tuấn

* Bìa 3: Lý Việt Dũng, Nguyễn Văn Điệp,
Nguyễn Văn Trường, Hải Đăng, Hoàng Anh



NHỚ MÃI LẦN GẶP ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP Ở MẶT TRẬN ĐIỆN BIÊN PHỦ

DUY ĐẮC

Thấy hỏi chuyện Điện Biên, cụ nở nụ cười tươi, ánh mắt sáng lên niềm vui khó tả. Hồi ức ứa về đầy ắp, cụ bắt đầu kể chuyện Điện Biên. Câu đầu cụ nhấn đi nhấn lại: “Tôi được Đại tướng nói chuyện nhé. Tình huống rất bất ngờ nhưng tôi nhớ mãi”.

Người Cựu chiến binh già đầu bạc ropy là cụ Nguyễn Văn Thát, sinh năm 1926 quê Thụ Đôi, Nguyệt Đức, Thuận Thành, Bắc

Ninh. Trong kháng chiến chống Pháp, làng quê Thụ Đôi là căn cứ địa của các huyện Thuận Thành, Văn Lâm. Cụ Thát tham gia cách mạng, công tác ở cơ quan địch vận. Năm 1953 cụ được chọn đi học lái xe ở Nam Ninh (Trung Quốc). Với tầm quan trọng của những nhân tố lập lên binh chủng mới, đoàn học viên trước khi lên đường đã vinh dự được gặp Bác Hồ ở Tân Trào. Bác mặc bộ áo cánh vải bạc màu, đi dép cao su.



Bác hỏi thăm từng người và động viên mọi người phải đoàn kết, học tập tốt để về nước phục vụ nước nhà, phục vụ nhân dân. Bác nhấn mạnh: “Các cháu phải giữ đạo đức làm đầu, phải đoàn kết, đại đoàn kết, cần kiệm liêm chính chí công vô tư”. Suốt cả khóa học, cụ Thát đã làm đúng những lời Bác dạy, vượt qua bao khó khăn trở thành tay lái giỏi. Về nước cụ được biên chế về trung đoàn 367 phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ. Quân địch lập tập đoàn cứ điểm ở vùng rừng núi xa xôi nhưng đã có đường hàng không tiếp tế. Còn bộ đội ta chỉ có đôi vai gánh hoặc chiếc xe đạp thồ chuyển lương thực, vũ khí. Đoàn xe ô tô về thật đúng lúc. Có ô tô thì pháo mới băng ngàn lên Điện Biên được. Đó là điều bất ngờ nhất với quân địch. Nhưng đường đi rất gian nan, kể cả thương vong nữa. Trên trời các loại máy bay khu trục quần đảo sẵn sàng cất bom, nã pháo dưới đất đường đi cheo leo bên bờ vực mặt đường trải cấp phối lầy lội nhất là những đoạn đường trước đây ta đã phá để ngăn cản quân địch nhưng chỗ nào khó khăn đã có thanh niên xung phong và dân công hỏa tuyến giúp sức cái lần xe cụ Thát bị xa lầy ở đỉnh đèo Pha Đin ấy đã làm cho một cô thanh niên xung phong lấy được chồng là anh lái xe Thát trong lúc cất lực chống lầy. Mọi người hò hơ hợp sức lái xe Thát nhận ra ngay giọng hò quê nhà mới lân la hỏi thăm cô gái trẻ đẹp đúng là gái quê Quan họ Bắc Ninh thật đến khi tiểu đội xe thông đường ra trận cũng là lúc họ trao nhau ánh nhìn đắm đuối chỉ ánh nhìn ấy

thôi mà đủ cho họ tin tưởng chờ đợi nhau đến ngày gặp lại và nên vợ nên chồng. Mỗi tình Điện Biên trao nhau qua ánh mắt như vậy đây.

Qua đèo Pha Đin hiểm trở là đến huyện Tuần Giáo, cửa ngõ Điện Biên rồi. Quân Pháp hiểu rõ yết hầu Pha Đin nên thường xuyên tổ chức đánh phá. Từ khi phát hiện bộ đội ta có đoàn xe ô tô vận tải thì chúng càng tăng cường máy bay đánh phá hơn. Đã có lần tiểu đội xe của cụ Thát đang đổ đèo thì bị máy bay địch phát hiện đuổi theo bắn. Cụ cho anh em lẩn vào ven đường nấp, còn một mình lái xe tiếp tục đổ đèo thu hút máy bay địch. Bằng kinh nghiệm trò chơi đuổi bắt, cụ cho xe lúc nhanh lúc chậm, lúc ngoặt phải, lúc ngoặt trái khiến cho những phát đạn đều trật khác hết. Khi lái xe vào được khu rừng cây um tùm ven đường an toàn, cụ xuống kiểm tra thấy vỡ một miếng to tướng ở thành xe. Hú vía. Phát đạn lệch một chút vào thùng đạn thì cả người cả xe có lẽ thành bụi hết. Chiến trường thì tồn thất bao nhiêu nữa chứ.

Một lần tiểu đội xe vượt Đồi Cháy đang ăn đường bon bon, những cánh hoa ban bên đường như người con gái đẹp vậy chào nhưng không ai còn tâm trí thưởng ngoạn. Bỗng cụ nghe thấy từng hồi còi của xe con phía sau xin đường. Nhưng đường hẹp quá nên cả tiểu đội vẫn cứ cản đuôi nhau lao lên phía trước chưa cho vượt. Phải đến mấy cây số mới có khoảng trống để nhường đường. Không ngờ chiếc xe com măng ca vượt lên hết đoàn xe thì dừng lại giữa đường chắn cả tiểu đội lại. Một sĩ quan



quân phục chỉnh tề bước xuống. Gay go to rồi. Nhưng không, người sĩ quan vẫy tay về thân mật gọi các lái xe đến. Mọi người nhận ngay ra Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Cụ Thát lúc đó là tiểu đội trưởng vô đầu gối tai xin lỗi vì chậm nhường đường. Đại tướng tươi cười nói: Tôi tưởng các đồng chí đổ tại đường hẹp cơ đây. Biết nhận lỗi thế là tốt. Cấp trên đi chiến trường là việc rất cấp bách, chậm một phút có thể làm hỏng cả chiến dịch. Tuy nhiên, vai trò của đoàn xe vận tải cũng vô cùng quan trọng. Các đồng chí lái xe thi đua tăng chuyển nhưng cũng phải thi đua giữ an toàn cho người, xe và hàng hóa. Mặt trận có thắng lợi hay không phụ thuộc rất nhiều vào lượng hàng đoàn xe đang vận chuyển. Sau đó Đại tướng bắt tay từng người động viên. Riêng với tiểu đội trưởng Thát dường như Đại tướng bắt lâu hơn, chặt hơn và trong ánh mắt Đại tướng như sáng lên niềm tin vào chiến sĩ của mình.

Cuộc gặp gỡ bất ngờ với Đại tướng Tổng Tư lệnh đã động viên cả tiểu đội

lao vào công việc và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Suốt cả chiều dài chiến dịch, xe không bị hỏng hóc, không bị địch đánh phá trúng và hàng vận chuyển vượt khoán nhiều.

Đang kể chuyện mà cụ Thát bất ngờ hát bài hát Điện Biên năm nào: *“Giải phóng Điện Biên, bộ đội ta tiến quân trở về, giữa mùa hoa nở miền Tây Bắc tung bừng vui. Bản mường xưa nương lúa mới trồng, kìa đàn em bé giữa đồng nắm tay xòe hoa. Dọc đường chiến thắng ta tiến về đoàn dân công tiến tuyến vẫy chào pháo binh vượt qua. Súng đại bác quân lá ngọc trang từng đàn bướm bướm trắng rờn lá ngọc trang...”*. Cụ hát say sưa quá khiến mọi người cùng vỗ tay hòa theo. Ngày chiến thắng Điện Biên như mới nóng hổi đang diễn ra vậy. Không khí Điện Biên thật kì lạ trong mỗi người chiến sĩ Điện Biên năm xưa, và không khí ấy lại chuyển sang những thế hệ con cháu hôm nay.

Cụ Nguyễn Văn Thát phục viên năm 1958. Đến năm 1962 tái ngũ. Năm 1969 phục viên. Cụ tích cực tham gia lao động sản xuất ở quê với các cương vị đội trưởng sản xuất, tổ trưởng máy bơm nước, tổ trưởng hòa giải và cũng là người vận động thành lập quỹ khuyến học của dòng họ. Cụ luôn là người cựu chiến binh gương mẫu ở địa phương dù tuổi đã cao, xứng với những phần thưởng cao quý Nhà nước trao tặng và xứng với danh hiệu “Bộ đội Cụ Hồ”/.

NGƯỜI CÔNG BINH KỂ CHUYỆN “KHOẾT NÚI, MỞ HÀO” ...70 NĂM VỀ TRƯỚC TẠI ĐIỆN BIÊN PHỦ

XUÂN ME



già và răng cũng già nhưng đầu óc thì vẫn còn minh mẫn anh ạ. Hoàn thành nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao, năm 1984 tôi trở về địa phương. Song đều như đêm, ngày nào trước khi đi ngủ và sáng dậy tôi cũng

Đã ở tuổi xưa nay hiếm song ông Nguyễn Văn Bao, thôn Phù Cầm, xã Dũng Liệt, Yên Phong - người chiến sĩ công binh chiến trường Điện Biên Phủ năm xưa vẫn còn khá khỏe mạnh, giọng nói còn rất vang. Mến khách, đón khách đầu ngõ với các bắt tay thật chặt, ông cười vui: Mắt

tập bài võ cổ truyền của dân tộc 32 động tác. Sau đó là sinh hoạt cá nhân buổi sáng, rồi cập nhật tình hình thời sự trên báo giấy được cấp miễn phí và cả báo mạng trên smartphone... Nhờ vậy mới dẻo dai thể đấy anh bạn!

Ngược dòng quá khứ, năm 1953 khi ấy chàng trai trẻ Nguyễn Văn Bao mới tròn



đôi mươi, theo tiếng gọi của Tổ quốc và được một người chú trong gia đình sớm đi theo cách mạng động viên, một đêm tháng 7/1953, Bao đã cùng một thanh niên trong làng âm thầm vượt sông Cầu sang vùng tự do Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang để gia nhập quân ngũ, biên chế vào Trung đoàn 151 và tham gia huấn luyện chính trị, quân sự, binh khí, kỹ thuật... Sau đó nhận lệnh cấp trên, đơn vị khẩn trương hành quân qua các tỉnh lên tham gia vào Chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử (khi tới Điện Biên, Trung đoàn 151 sáp nhập với Đại đoàn 351 công pháo). Trong Chiến dịch, đơn vị thực hiện nhiệm vụ giải quyết trận địa như làm đường kéo pháo, đưa pháo vào trận địa, phối hợp đào giao thông hào... nhằm phối hợp, hỗ trợ lực lượng trực tiếp tham gia chiến đấu.

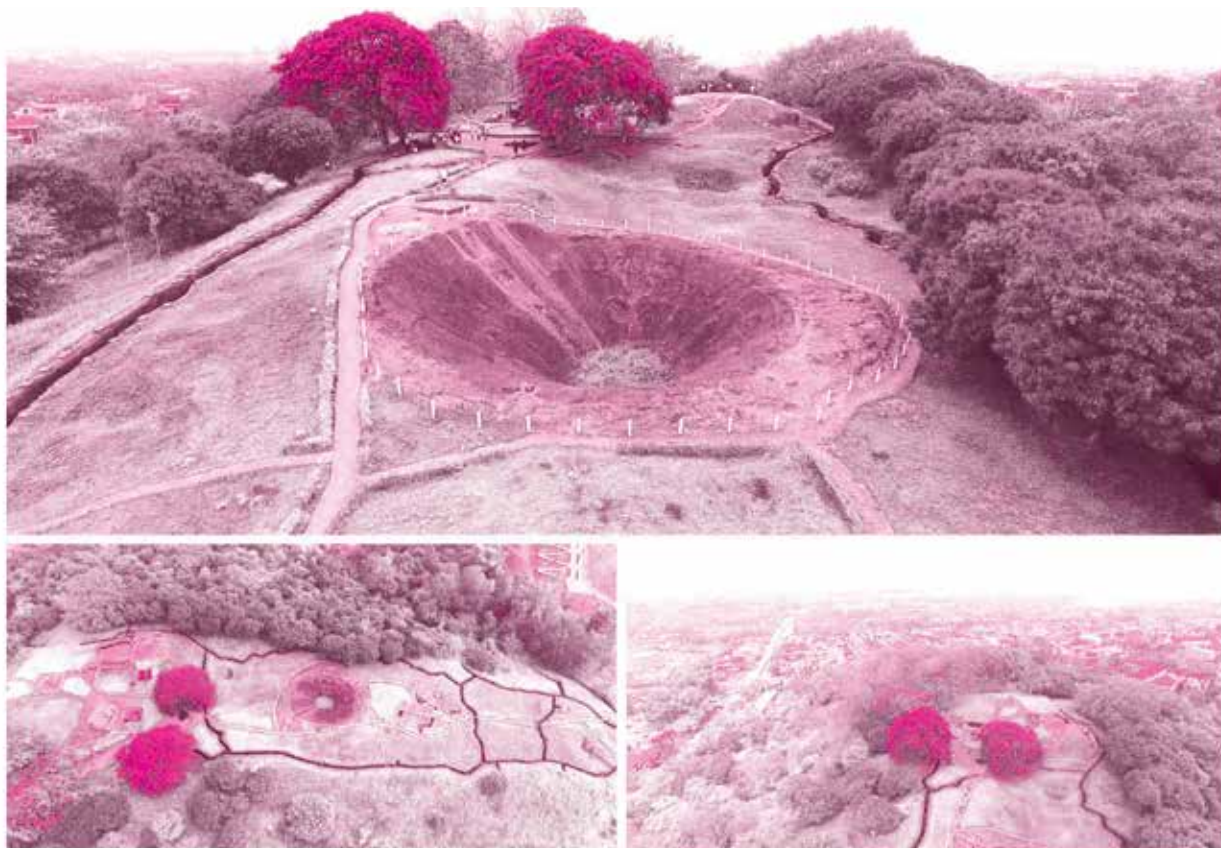
Ông Bao bồi hồi: Khi phương châm chiến dịch đòi từ đánh nhanh thắng nhanh sang đánh chắc tiến chắc như lời dặn của Bác “Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh”, một trận đánh mà “chỉ được thắng không được bại” - Đó có lẽ là quyết định khó khăn nhất trong đời cầm quân của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, thì đơn vị công binh của chúng tôi được giao nhiệm vụ đầu tiên là mở đường cho pháo binh chuyển trận địa từ hướng Tây Bắc sang hướng Đông tập đoàn cứ điểm; xây dựng công sự để pháo thủ chiến đấu dài ngày, nhất là yêu cầu phải có nơi bắn, nơi ẩn nấp, hầm chứa đạn, trận địa giả... Chiến trường khó khăn, thiếu thốn là điều đương nhiên, song cán bộ, chiến sĩ không hề nao núng tinh thần, ngược lại còn luôn nỗ lực cao nhất, làm việc thường xuyên 16 đến 18 giờ mỗi ngày để đưa pháo vào trận địa, đồng thời tạo hệ thống hào giao thông kết nối với các hầm hào vượn tỏa nhiều nhánh

từ Sở chỉ huy chiến dịch tại Mường Phăng tới tận sở chỉ huy các trung đoàn, nối liền tới trận địa như chiếc thông lọng dài hàng trăm km vây lấn, thít chặt dần “con nhím Điện Biên Phủ”.

Đặc biệt, đơn vị A1 được xem là “chiếc chìa khóa” của tập đoàn cứ điểm, chỉ có tiêu diệt được đơn vị A1, ta mới chiến thắng ở Điện Biên Phủ. Vì vậy trận chiến đấu trên đơn vị diễn ra vô cùng khốc liệt, quân ta và quân địch giành giật nhau từng tấc đất suốt gần 40 ngày đêm. Bom đạn đã làm biến dạng cả quả đồi, duy chỉ có ụ đất đỏ vẫn sừng sững trên đỉnh đồi. Thế trận giằng co đến khi quân ta, trong đó trực tiếp đơn vị công binh của ông Nguyễn Văn Bao được giao nhiệm vụ phải đào một đường hầm sâu hơn 40m vào phía nửa đồi quân ta chiếm được để đưa một khối thuốc nổ gần 1.000kg vào. Đêm mùng 6/5/1954, khối thuốc nổ được châm ngòi, làm rung chuyển trận địa, như phát hiệu lệnh tổng công kích, tạo nên một cửa mở quan trọng cho các đơn vị xung phong đánh chiếm đồi A1 và báo hiệu giờ tàn của tập đoàn cứ điểm đã đến...

“Công binh đi trước về sau”, vì vậy sau chiến thắng, đơn vị của người chiến sĩ công binh Nguyễn Văn Bao cùng đồng đội còn ở lại gần một tháng để thực hiện nhiệm vụ dò mìn từ chân đồi đến đỉnh đồi A1 giúp chuyển gia quân sự quốc tế đi thực tế; xây dựng Đài Liệt sĩ trên đồi A1; thực hiện nhiệm vụ trao trả tù binh, thương binh cho phía Pháp... Công binh là đơn vị cuối cùng rời khỏi Điện Biên vào cuối tháng 5/2024.

Sau góp công vào chiến thắng “Lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, ông Nguyễn Văn Bao còn hành quân vào mặt trận miền Nam (năm 1964), tham gia cuộc



kháng chiến chống Mỹ, rồi chiến tranh biên giới phía Bắc (năm 1979). Đến năm 1984 về địa phương, ông lại tích cực với công tác ở Hội Cựu chiến binh của xã và cấp ủy Đảng địa phương... Ở vị trí nào ông cũng đều phát huy trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Ghi nhận những cống hiến đó, ông Nguyễn Văn Bao được Đảng, Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Quân công hạng Ba; Huân chương chống Mỹ cứu nước hạng Nhất; Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang...

Lật giở những kỷ vật một thời Điện Biên năm xưa như chiếc chăn, bi đông, áo trấn thủ, dù ngụy trang... Ông Bao chia sẻ:

Năm 2022, biết được các cấp có chính sách ưu đãi, giảm tiền tàu xe cho các cựu chiến binh đi thăm lại chiến trường xưa, tôi cùng cháu ngoại đặt vé lên thăm lại Điện Biên Phủ. Thật là xúc động, bồi hồi. Mấy chục năm trôi qua mà ký ức dội về như mới ngày nào. Tôi luôn nhớ lời dạy của Bác đối với bộ đội Công binh năm 1951 với lá cờ thêu 4 chữ vàng “Mở đường thắng lợi” và nhấn mạnh: “Quân đội ta ví như cái mác. Bộ binh như mũi mác, công binh như cán mác. Cán có chắc, mũi có sắc, thì mác mới đâm được giặc”. Hành trình thăm lại chiến trường xưa để ôn lại một thời oanh liệt, song cũng là để giáo dục con cháu, thế hệ trẻ hôm nay cần noi gương cha anh đi trước để học tập, lao động, cống hiến không ngừng, dựng xây quê hương, đất nước ngày thêm giàu mạnh”./.



NGUYỄN THẾ LỢI - NGƯỜI CHỈ HUY "Dũng sỹ Đồi Xanh" năm ấy!

PHẠM HUY CHƯƠNG



Tôi còn nhớ, để thực hiện nhiệm vụ công tác tuyên truyền kỷ niệm 55 năm ngày chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954 - 7/5/2009). Đài

Phát thanh Truyền hình Bắc Ninh chúng

tôi mời 3 vị khách là chiến sỹ Điện Biên có thành tích chiến đấu tiêu biểu trở lại chiến trường xưa để kể lại với khán giả những kỷ niệm sâu sắc trên chiến trường Điện biên năm xưa. Đoàn gồm có: CCB Hoàng Đăng Vinh (chiến sỹ Điện Biên vào hầm bắt sống tướng Đờ Cát; CCB Trịnh Suru, Trung đội phó công binh đã cùng đồng đội thay nhau đào hầm

xuyên đồi A1, đánh quả bộc phá ngàn cân làm hiệu lệnh xung phong toàn chiến dịch; vị khách thứ ba là CCB Nguyễn Thế Lợi, nguyên Trung đội trưởng, người trực tiếp chỉ huy trận đánh Đồi Xanh "1 đánh 50", đã làm quân thù kinh hoàng bạt vía. Rất tiếc đến ngày chót để lên đường, do sức khỏe tuổi cao ông Lợi xin được lỗi hẹn.

Theo địa chỉ, trước ngày lên đường chúng tôi đến thăm ông tại nhà riêng. Ngôi nhà nhỏ xây một tầng nằm ngang đồi, trên ngách phố nhỏ sầm uất thuộc Khu 3, phường Thị Cầu. Cảm động đón khách, hai tay ông rung rung, nắm chặt tay tôi bằng giọng xúc động: "Cảm ơn các đồng chí, cảm ơn đài Truyền hình tỉnh vẫn nhớ đến anh em chiến sỹ Điện Biên năm xưa!" rồi ông nhìn lên 3 hàng Huân, Huy chương treo thẳng tắp trên bức tường hồi, đặt vị trí trang trọng nhất, bộc bạch với chúng tôi: Đây là những tám Huân chương Chiến

thắng Hạng nhất, Huân chương Chiến công hạng Ba, Huân chương Chiến công hạng Hai, Huân chương Quân công Hạng Ba, Huân chương Quân công Hạng Hai, Huân chương kháng chiến Hạng nhất, Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng... những tấm Huân chương này tôi được tặng thưởng chủ yếu trong chiến dịch Điện Biên Phủ”.

Nhắc về Điện Biên Phủ, nét mặt ông như bừng sáng lên, sống lại trong không khí hào hùng của một thời khói lửa cùng đồng đội làm nên chiến thắng Điện Biên, lòng lầy năm châu, trấn động địa cầu. Ông kể: Ông sinh năm 1926, gia đình nông dân nghèo nhưng yêu nước, sớm giác ngộ cách mạng. Ngay từ trước năm 1945 ông đã hăng hái tham gia thanh niên Cứu quốc, năm 1946 ông nhập ngũ vào lực lượng vũ trang nhân dân, cùng du kích bộ đội địa phương tham gia diệt ác, phá tề, đánh bắt. Sau chiến dịch Biên giới, năm 1951 ông trở thành lớp cán bộ chiến sỹ đầu tiên của Đại đoàn 316 (Đại đoàn Đồng Bằng), thuộc biên chế Đại đội 28, Tiểu đoàn 439, Trung đoàn 98, được cùng đơn vị hành quân ngược lên Tây Bắc đánh địch tại Sơn La. Trận đánh đầu tiên đại đội ông được giao nhiệm vụ đánh đồn Bản Trại vào đêm 14 tháng 10 năm 1952, chỉ trong 40 phút đại đội xung phong như vũ bão diệt gọn toàn bộ đồn địch, giải phóng các bản làng rộng lớn trong khu vực thoát khỏi ách kìm kẹp của địch.

Năm 1953 đơn vị ông nhận nhiệm vụ hành quân theo đường Quốc lộ đi qua ngã ba Cò Lèn, ngược lên Sơn La, vượt đèo Pha Đin, đèo Lũng Lô... lên tham gia Chiến dịch Điện Biên Phủ. Ngay từ mùa đông năm 1953 đơn vị của ông đã có mặt

ở những trận đánh ác liệt nhất trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Một kỷ niệm không thể nào quên, theo ông đi suốt cuộc đời. Đó là trận đánh Đồi Xanh lịch sử: Lúc đó chiến dịch Điện Biên Phủ bước vào giai đoạn ác liệt nhất, Trung đội 12 thuộc Đại đội 28, Tiểu đoàn 439 do ông trực tiếp chỉ huy, với 24 cán bộ chiến sỹ, được lệnh chốt giữ cao điểm 781, chính là Đồi Xanh, cạnh bản Tà Lèng. Đồi Xanh có vị trí quan trọng chiến lược được ví như “con mắt” của mặt trận, Đồi Xanh chỉ cách cánh đồng Mường Thanh vài cây số theo đường chim bay, đứng trên đồi Xanh có thể bao quát toàn bộ khu vực phía Đông của Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, bởi vậy trên Đồi Xanh ta đặt trạm Thông tin liên lạc. Để bảo vệ an toàn trận địa, trước khi vào chiến dịch toàn đơn vị đã phát động 10 ngày thi đua cao điểm, ngày đêm đào hầm, đào hào, đào công sự chiến đấu, từ cấp cá nhân đến cấp tiểu đội, trung đội và đại đội. Hai cái hầm nghỉ ngơi của anh em được đào sâu tới 5 mét ở phía sau, trong cao 3 mét, trên đắp dày 2 mét đất nữa, đủ mỗi hầm chứa được hơn chục người đảm bảo cho cả trung đội phòng tránh pháo kích an toàn. Thấy rõ vị trí lợi hại của cao điểm 781 này, ngay ngày đầu tiên mở màn chiến dịch mùng 3/3/1954, địch đã phát hiện ra quân ta án ngữ khu vực Đồi Xanh. Nhiều lần chúng mở đợt tấn công bằng cả pháo binh, bộ binh hòng chiếm lại Đồi Xanh nhưng đều bị các đơn vị của ta phối hợp đánh bật địch trở lại.

Đỉnh điểm diễn ra sáng ngày 5/3/1954, khác với những ngày hôm trước, mới tờ mờ sáng quân địch từ hướng Tập đoàn cứ điểm đã nã pháo dữ dội lên đồi xanh, tiếp



đó chúng cho cả máy bay ném bom phá, bom cháy hòng hủy diệt trận địa của ta, rừng cây ngút ngàn lá xanh tươi tốt như thế mà chỉ sau hơn tiếng đồng hồ, đủ các loại bom, đạn pháo trút xuống cánh rừng, đã làm cho cây cối, đất đá bật tung đổ xuống, cỏ cây cháy rụi trở nên xơ xác... cả Đồi Xanh biến thành màu đỏ, tưởng không gì có thể sống sót nổi sau đợt đánh phá ấy. Do chủ động làm sẵn hầm hào công sự kiên vững chắc, kiên cố nên toàn bộ chiến sỹ trong trung đội vẫn an toàn. Ngót trận oanh tạc bằng bom, pháo kích của địch, Nguyễn Thế Lợi nhanh chóng chỉ huy anh em toàn trung đội củng cố, tu sửa lại hầm hào công sự, chuẩn bị vào trận chiến đấu mới. Trung đội được trang bị hai máy liên lạc điện thoại, một máy điện đàm, bởi thế mà nghe qua máy của các tín báo viên, đã phát hiện được cả lệnh chuẩn bị tiến công của địch trong từng đợt. Thật lợi hại khi “dùng đài địch đánh địch”, lúc này Nguyễn Thế Lợi bình tĩnh, chủ động chỉ huy trung đội đánh địch theo quy luật như chúng đã định. Khi nào pháo của địch nã vào trận địa, anh em nhanh chóng vào nơi tránh ẩn an toàn, chỉ để tổ cảnh giới ở vị trí tác chiến bên ngoài. Khi thấy pháo địch chuyển làn, biết đây là nó sắp tấn công, trung đội trưởng Lợi lại lệnh cho tất cả ra giao thông hào vào vị trí sẵn sàng chiến đấu.

Khác với những đợt tấn công các ngày hôm trước, cả về quy mô và trang bị vũ khí. Lần này địch mở đợt phản công ta với 2 tiểu đoàn bộ binh, một đi cánh bên phải, một trực tiếp đánh thẳng vào điểm cao 781 nơi Trung đội 12 đang chốt giữ; ngoài 2 tiểu đoàn, địch còn tăng cường 3 xe tăng được trang bị hỏa lực phòng hộ

từ dưới bắn lên nhằm phá nát các đường giao thông hào, công sự và uy hiếp trận địa của ta. Trước tình thế địch đông hỏa lực mạnh, trong khi đó chỉ có một trung đội mà chặn đánh với cả hai tiểu đoàn địch. Ông Lợi hội ý chớp nhoáng phân công các hướng án ngữ đánh địch với các tiểu đội trưởng rồi quán triệt toàn trung đội: Phải bình tĩnh, táo bạo, cứ để địch kéo lên thật gần mới nổ súng. Chờ 15 phút, 10 phút, kia rồi! Phía trước anh em trong trung đội đã nhìn thấy quân địch ló nhỏ đen ngòm, dàn hàng ngang hung hăng xông lên bao vây, áp sát kín cả ba mặt Đồi Xanh. Địch lên cách ta 300 mét, rồi 200 mét, anh em giục trung đội trưởng đánh thôi, ông Lợi nghiêm lệnh: “chờ địch đến thật gần mới đánh”. Địch tiến đến càng gần, 100 m, 70 m, rồi 50 m. Ông Lợi ra lệnh nổ súng, cùng lúc 3 khẩu trung liên, và khẩu cối 60, phối hợp với AK, CKC trong đội hình trung đội thi nhau dội lửa lên đầu thù, địch chưa kịp trở tay thì lựu đạn từ các tổ nằm ở vị trí thuận lợi nhất cứ tới tấp ném thả từ trên đỉnh đồi xuống, quân địch chết nằm như ngã rạ, hàng hàng, lớp lớp địch xông lên đến đâu bị ta tiêu diệt đến đó, có lúc ta và địch như cùng đánh lẫn, giành giật nhau từng mét đất. Địch cậy đông quân, chủ quan, bị ta đánh bất ngờ, lại ở thế bất lợi (từ dốc núi lên), hàng chục lần địch rút lui rồi lại phản công nhưng vẫn không chiếm được trận địa của ta. Gần buổi sáng quân nhau với địch, ta bẻ gãy nhiều đợt phản công tiêu diệt hàng trăm tên, thu nhiều vũ khí của địch. Thấy tổn thất nhiều chúng đành tháo lui, rút ra xa trận địa chừng hơn 100 mét, rồi tiếp tục gọi pháo cấp tập bắn vào trận địa ta, ông Lợi lại lệnh anh em vào

hầm tránh ẩn, pháo địch dội vào trận địa gần nửa tiếng đồng hồ, làm cây cối gãy đổ cháy rụi như không còn sự sống. Rồi địch chuyển làn, bắn pháo về phía sau, nhận biết được ám hiệu chúng chuẩn bị tấn công tiếp lần hai, ông Lợi lại lệnh toàn trung đội ra giao thông hào, sửa sang lại công sự tiếp tục chiến đấu. Mạo hiểm hơn lần tấn công trước, lần tấn công này có một số tên dám liều mạng mang lựu đạn đột kích nhảy vào chiến hào giáp chiến quân ta. Liên ngay đó, chiến sỹ cảnh giới của trung đội là đội Hoàng Văn Tuấn từ trong công sự vọt lên lao thẳng cả khẩu tiểu liên vào tên địch, rồi cả hai lẫn lộn vật nhau trên chiến hào, không may một quả pháo địch đập bắn rơi ngay hai người đã làm cả Tuấn và tên địch đều trúng đạn, Tuấn hy sinh vẫn trong tư thế hai tay ghì chặt tên lính Lê Dương, hai hàm răng anh vẫn nghiến chặt, cắn nát mũi quân thù.

Trận đánh diễn ra suốt từ tờ mờ sáng đến mặt trời đã đứng bóng, địch dội bom, pháo kích, mở đợt tấn công; ta kiên cường phòng ngự, chốt chặn, tiêu hao sinh lực địch, bẻ gãy từng đợt phản công của chúng. Trận chiến cứ giằng co như thế, gần chục lần... nó bắn pháo thì mình vào hầm; pháo chuyển làn, địch phản công thì mình lại ra đánh. Chỉ có một trung đội, các anh vẫn quả cảm, kiên cường bám trận địa, dũng mãnh đánh địch không một phút ngơi nghỉ, kể cả anh nuôi mang cơm lên trận địa cũng tham gia đánh địch luôn, nhiều chiến sỹ bị thương băng trắng cuốn kín đầu, băng bó chân, băng cánh tay nhưng kiên quyết không một ai chịu rời trận địa. Trận đánh kéo dài suốt từ sáng đến bóng nắng quá trưa, địch vẫn không thể chiếm được điểm

cao 781 Đồi Xanh, lực lượng địch tổn thất nhiều, gần 1/3 quân số thương vong, nhiều vũ khí, trang bị kỹ thuật ta thu được. Gần 3 ngày giao tranh khốc liệt địch vẫn không chiếm được điểm cao 781, thấy đánh không được, địch buộc phải thôi kèn rút lui, cả hai tiểu đoàn địch đã thất bại ê chề, lạng lẽ rút khỏi trận địa và đã phải từ bỏ ý định đánh chiếm điểm cao 781 Đồi Xanh.

Nghe tin chiến thắng Đồi Xanh. Trong 3 ngày từ mùng 3 - 5/3/1954, Trung đội 12, đại đội 28, tiểu đoàn 439 đã đánh lui 24 đợt phản công, tiêu diệt 255 tên địch, hơn 300 tên khác bị thương, cả hai tiểu đoàn quân tinh nhuệ Pháp hơn ngàn tên, có trang bị xe tăng, pháo binh, máy bay yểm trợ, phải chịu thất bại trước 1 trung đội chỉ có 24 người. Ngay buổi chiều hôm ấy, Trung đoàn trưởng Vũ Lăng và Chính trị viên tiểu đoàn Đào Văn Xuân đã lên tận điểm cao 781 động viên khen thưởng toàn trung đội, gắn Huân chương Chiến công ngay trong chiến hào cho tất cả cán bộ chiến sỹ toàn trung đội, kể cả các liệt sỹ cũng được truy tặng Huân chương ngay tại trận địa. Đồng thời được Chính ủy Sư đoàn quyết định phong tặng danh hiệu “Dũng sỹ Đồi Xanh”. Sau trận đánh Đồi Xanh này, Chính ủy Sư đoàn 316 Chu Huy Mân đã gọi Đồi Xanh là “Đồi Huân chương”. Sau chiến thắng Đồi Xanh, Trung đội trưởng Nguyễn Thế Lợi và Tiểu đoàn phó 439 được mời về Mường Phăng báo cáo kinh nghiệm phòng thủ Đồi Xanh cho Đại tướng và Bộ Chỉ huy Chiến dịch. Ông Lợi kể: Nhớ hôm về Mường Phăng vào buổi chiều, mặc dù công việc của chiến trường đang còn bộn bề mà Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã trực tiếp đến tận nhà khách

hỏi han động viên hai anh em chúng tôi, Đại tướng khen: “các em giỏi lắm, dũng sỹ Đồi Xanh giỏi lắm!” Rồi Đại tướng ôn tồn bảo: “Các em chiều nay cứ nghỉ ngơi cho khỏe đi, ngày mai Bộ Chỉ huy Chiến dịch sẽ nghe các em báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chiến đấu đánh địch trên Đồi Xanh của đơn vị. Nhớ là suy nghĩ như thế nào, chiến đấu như thế nào thì báo cáo đầy đủ, đúng như thế nhé!...”.

Sau chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ toàn thắng, cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi. Chúng tôi lại bước vào cuộc Kháng chiến chống Mỹ cứu nước cho đến ngày toàn thắng... Và đến tận bây giờ mỗi khi nhắc về những kỷ niệm, những trận đánh trong chiến dịch Điện biên năm xưa, trong tôi lại như có một nguồn sinh lực diệu kỳ tiếp thêm sinh lực cho cho mình, vượt lên tất cả để hoàn thành mọi nhiệm vụ của Đảng, của Quân đội và Nhân dân đã giao phó - xứng với tên gọi “Bộ đội cụ Hồ”!

Kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện biên Phủ (7/5/1954 - 7/5/2024). Người chỉ huy “Dũng sỹ Đồi Xanh” - Nguyễn Thế Lợi và phần nhiều đồng đội của ông trong chiến dịch Điện Biên năm xưa hôm nay đã đi xa. Tôi xin được ghi lại đôi dòng chuyện ông đã kể về những chiến công oai hùng năm xưa của các chiến sỹ Điện Biên Anh hùng đã bền gan, chiến đấu hy sinh đã làm nên một “Điện Biên lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” cho Tổ quốc Việt Nam có được cơ đồ như hôm nay./.



NGUYỄN ĐÌNH TỰ

NGUYỄN THỊ THỦY

Xúc cảm Điện Biên

Chúng tôi về thăm “địa chỉ đỏ” Điện Biên
Xứ sở hoa ban 70 năm sau Ngày chiến thắng
Những bản mờ sương, những đèo mây trắng
Gặp điệu xòe hoa thắm tình em gái Thái
năm nào!

Mỗi địa danh đi qua cháy bỏng tự hào
Đây dốc Pha Đin, kia dòng Nậm Rốm
Cứ điểm Him Lam, đỉnh đồi A1
Mỗi tác đất còn - được trả bằng giá của hi sinh.

Năm mươi sau ngày đêm chiến chinh
Hàng ngàn người đã kiên trung ngã xuống
Bên những Anh Giót, anh Can,

anh Đan, anh Diệm¹

Là bao liệt sĩ không xác định được thông tin
Chẳng biết tên anh, không một dòng địa chỉ
Thân anh hòa đất, hồn thành linh khí
Để Điện Biên hôm nay đã hóa cội nguồn
Ôm anh vào lòng như vòng tay mẹ
Lời ru à ơi là khúc hát hòa bình
Câu nguyện ước lứa đôi anh dành lỡ hẹn
Anh nằm lại nơi này để Tổ quốc
trộn vện bốn mùa hoa.

Đây Điện Biên - mảnh đất anh hùng
Núi rừng Mường Phăng còn

in dấu chân Đại tướng

Người Tổng Tư lệnh chỉ huy

từ buổi đầu tiên đến Ngày toàn thắng

“Lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”

Chẳng phải thần tiên, không có phép màu

Nhưng cờ đỏ sao vàng đã tung bay

trên nóc hầm Đờ Cát

Hầm giặc thành hôn trường đám cưới
giữa mùa ban
Sự sống nảy mầm từ những nguy hiểm, hi sinh.

Tạm biệt Điện Biên dưới ánh bình minh
Chúng tôi đi trong hoan ca
Âm vang Điện Biên - khúc tráng ca bất tử
Trường tồn cùng đất Việt mãi ngàn năm.

Chú thích: (1) Các liệt sĩ: Phan Đình Giót,
Trần Can, Bế Văn Đàn, Tô Vĩnh Diện

NGUYỄN THÀNH HƯƠNG

Điện Biên

Mường Thanh ngày một non xanh
Him Lam, Hồng Cúm... an lành sắc Ban
Bồi xương và máu hòa tan
Cha anh đổ xuống mấy ngàn ngày đêm
Người không tên, đời không tên
Để ta có một Điện Biên lấy lòng
... Điệu xòe nay vẫn vang rừng
Lúa thơm hương nếp rộn mừng quanh năm
Trăng soi rắc bạc tơ tằm
Đôi bờ Nậm Rốm thắm đầm ngàn năm./.





BẠCH LIÊN

LÊ HOÀI MINH

Vẫn nghe

Vẫn nghe tiếng hát “Hành quân...”
 Vẫn nghe gà gáy cánh rừng thuở xa
 Tiếng “Hò kéo pháo” quân ta
 Bản hùng ca đó - Vang xa lạ lòng
 Non cao, vực thẳm chẳng dừng
 Vượt đèo, vượt núi, băng rừng pháo lên
 Vẫn nghe hò, hát hồn nhiên
 Dân công hỏa tuyến ngày đêm rộn ràng
 Vẫn nghe pháo nổ Him Lam
 “Chiến hào xuất kích...”, Tây hàng, Tây thua
 Quân reo như thác vỡ bờ
 Lấy lòng chiến thắng giữa mùa hoa Ban
 Khắp miền đất nước dậy vang
 Điện Biên giải phóng ngập tràn niềm vui
 Chúng con thấy Bác Hồ cười
 Vỗ tay cùng hát, hát bài Điện Biên./.



Tháng Năm Điện Biên

Tháng Năm trở lại Điện Biên
 Giữa mùa nếp thơm vàng nắng
 Khèn ai giao duyên bản vắng
 Cửa rừng vọng tiếng suối reo.

Hoa lau phơ phất đèo cao
 Ký ức một thời kháng chiến
 Hò dô! Pháo vào chiến dịch
 Muôn ngả đường mòn quân đi.

Gió ngàn vẫn gió ngàn xưa
 Thổi từ Mường Thanh, Hồng Cúm
 Bên bếp lửa rừng nồng đượm
 Điệu xòe như cánh hoa ban.

Kỉ niệm ủa về miền man
 Bóng áo chàm trong chớp lửa
 Bao người mãi không về nữa
 Điện Biên lấp lánh trời sao./.





(Trích trong cuốn "Hồ Chí Minh - Quá khứ, hiện tại và tương lai"
của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng)

Trong tư tưởng, tình cảm và hành động của mình, Hồ Chí Minh là người thể hiện nhất quán chân lý: Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân. Nói rõ hơn, cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Mục tiêu phấn đấu của Hồ Chí Minh là như vậy cho nên khi tìm được ánh sáng của thời đại là học thuyết Mác - Lênin, Hồ Chí Minh hướng tất cả tâm trí vào việc trở về Việt Nam để bắt đầu sự nghiệp của mình.

Sau khi về nước, từ Cao Bằng đến Hà Nội và cho tới phút cuối cùng, trừ những

lần đi công tác ở nước ngoài, Hồ Chí Minh luôn luôn sống với đồng bào, đồng chí.

Có thể nói Hồ Chí Minh luôn luôn ở giữa quần chúng nhân dân. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, Bác cũng tìm mọi cách tiếp xúc với các tầng lớp nhân dân, tiếp xúc nhiều lần, ở nhiều nơi, với nông dân, với công nhân, với nhân sĩ, trí thức, với đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, với thanh niên, thiếu niên, nhi đồng, với các chiến sĩ lực lượng vũ trang.

Lúc cần gặp bất cứ ai, Hồ Hồ Chí Minh là người đến trước, mở rộng cánh

tay và tấm lòng để đón mừng, mở đầu câu chuyện bằng những lời nói và cử chỉ làm cho người đối thoại với mình hoà ngay vào một không khí cởi mở, thoải mái, bị cuốn hút bởi những tình cảm chân thật và thân ái khiến người đó không cảm thấy một chút gì cách biệt. Người ta đã nói nhiều, viết nhiều về sức hấp dẫn, sức thuyết phục, có người nói đến sức chinh phục của Hồ Chí Minh. Đúng như vậy, đó là điều tôi vừa nêu trên đây.

Có một câu chuyện rất có ý nghĩa, ý nghĩa ngay lúc bấy giờ và ý nghĩa sâu xa về sau. Đó là lúc Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập ngày 2/9/1945 ở Quảng trường Ba Đình. Đang đọc giữa chừng, Bác bỗng dừng lại và thân mật hỏi: "Tôi nói đồng bào nghe rõ không?". Câu chuyện này đã được nói tới nhiều lần và đã đưa vào nhạc, nhưng tôi vẫn muốn kể lại ở đây, bởi lẽ sự kiện đó đánh dấu một khoảnh khắc lịch sử thiêng liêng. Chỉ qua câu hỏi ấy, Hồ Chí Minh đi ngay vào lòng những người đang nghe mình ở Quảng trường Ba Đình và bao người đang nghe mình trong khắp nước. Từ đó, Hồ Chí Minh càng nhập vào nhân dân và nhân dân càng hoà với tấm lòng bao la của Bác. Và tôi nghĩ Hồ Chí Minh sẽ mãi mãi ở trong lòng bao người thuộc các thế hệ mai sau.

Chính sách hàng đầu, trước sau như một của Hồ Chí Minh là đoàn kết dân tộc không phân biệt đẳng cấp, dòng giống, tôn giáo, đảng phái; đoàn kết toàn dân, đoàn kết quốc tế, vì nghĩa lớn cứu dân, cứu nước, xây dựng tự do, hạnh phúc cho

dân tộc mình, và hoà bình, hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới. Là linh hồn của khối đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh suốt đời chăm lo quy tụ mọi lực lượng, mọi người yêu nước và tiến bộ dưới ngọn cờ cách mạng.

Với chính sách đại đoàn kết, với tư tưởng và đạo đức trong sáng, Hồ Chí Minh có sức tập hợp và thuyết phục lạ thường đối với các tầng lớp nhân dân.

Những cuộc tiếp xúc của Bác với các giới đồng bào đã để lại cho những người gặp Bác và bao người nghe kể về các cuộc gặp ấy những xúc động sâu sắc và suy nghĩ đẹp đẽ. Bác làm giàu thêm nhiệt tình cách mạng, khơi dậy trong con người những khả năng tiềm tàng, hướng mỗi người vươn lên cống hiến cho dân, cho nước.

Ở đây, tôi nói thêm về ảnh hưởng của Bác đối với các nhà trí thức và nhân sĩ, trong đó nhiều người là quan lại, là trí thức thời trước, là đại diện các dân tộc, các tôn giáo. Lúc đến với Bác, các vị ấy biết rõ Bác là một chiến sĩ cách mạng, là một người cộng sản và Bác cũng không giấu điều đó. Tuy nhiên, các vị rất sung sướng, rất phấn khởi, rất thoải lòng là đã được gặp một con người rất thân ái và giản dị, rất cao đẹp và nhân hậu, xứng đáng tiêu biểu cho Tổ quốc, cho nhân dân.

Bác thường tranh thủ mọi cơ hội đi thăm các cơ sở: Xí nghiệp, nông trường, hợp tác xã, trường học, bệnh viện, nhà trẻ, đơn vị quân đội, cơ sở đảng, chính quyền, tổ chức công đoàn, nông hội, thanh niên, phụ nữ, viện nghiên cứu, đoàn nghệ thuật,

nhà xuất bản, toà soạn báo... Có thể nói các ngành đảng, chính, dân, quân, các lĩnh vực hoạt động chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hoá, nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật, đều có không ít những cơ sở, những đơn vị đã được Bác đến thăm, có khi thăm nhiều lần. Tôi cần nói ngay rằng những cuộc đi thăm đó không phải là hình thức. Đối với Bác, ấy là những cuộc đi thăm rất cần thiết. Bác muốn hiểu đồng bào, đồng chí, người dân và người chiến sĩ ăn, ở như thế nào, làm việc, học tập như thế nào, chuẩn bị chiến đấu và chiến đấu như thế nào. Đây là cuộc sống, là tình cảm thiết tha của Bác, là sự quan tâm không thể thiếu của người lãnh đạo, người tổ chức và của con người Hồ Chí Minh.

Bác thường đi thăm một cách bất ngờ để thấy thực chất tình hình, và ở đâu Bác cũng thăm nhà ở, nhà ăn, nhà vệ sinh, thân mật hỏi han đời sống của mọi người. Đối với đồng bào nông thôn, Bác rất chú ý đến những tháng ngày giáp hạt và đòi hỏi các đồng chí có trách nhiệm phải nắm chắc tình hình, nhìn xa thấy trước, có sẵn biện pháp đề phòng.

Trong những cuộc đi thăm, Bác thường đề ra những sáng kiến quan trọng, những ý kiến chỉ đạo sâu sắc, những gợi ý thiết thực đích đáng, đòi hỏi mọi người có liên quan suy nghĩ và tìm mọi cách thực hiện cho được.

Điều đáng chú ý là những ý kiến lớn của Bác thường được diễn đạt ngắn gọn, có khi bằng những cách nói dân gian, những quan điểm triết lý truyền thống, rất trúng,

rất hay trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, hoàn cảnh ngày nay và cả sau này nữa.

Có thể nói đối với mỗi tầng lớp nhân dân, mỗi lĩnh vực hoạt động cách mạng và đời sống xã hội, Bác đều có một câu nói đầy ý nghĩa, giúp cho mọi người nhớ mãi để làm theo.

Đối với công nhân, Bác nhấn mạnh phải xứng đáng là giai cấp lãnh đạo. Đối với nông dân, Bác dặn phải làm người đồng minh rất chắc chắn của giai cấp công nhân. Đối với cả công nhân và nông dân, Bác nói: Công nông phải trí thức hoá. Đối với trí thức, Bác nói: Trí thức phải công nông hoá. Đối với thanh niên, Bác nói: Không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền, đào núi và lấp biển, quyết chí ắt làm nên. Đối với phụ nữ, Bác nói: Non sông gấm vóc Việt Nam do phụ nữ ta, trẻ cũng như già, ra sức dệt thêu mà thêm tốt đẹp, rực rỡ. Đối với người làm công tác đào tạo, Bác nói: Vì lợi ích trăm năm phải trồng người. Đối với nhà văn và nghệ sĩ, Bác nói: Văn hoá, nghệ thuật cũng là một mặt trận. Đối với trường học, Bác nói: Dạy tốt và học tốt. Đối với bệnh viện, Bác nói: Thầy thuốc như mẹ hiền. Đối với bộ đội, Bác nói: Quân với dân như cá với nước. Đối với công an, Bác nói: Công an là bạn của dân.

Trong hai cuộc kháng chiến, Bác Hồ dành cho bộ đội sự quan tâm đặc biệt. Bác theo dõi từng bước đi của bộ đội, đón chờ thắng lợi từng cuộc hành quân. Bác hun đúc tinh thần quyết thắng, bồi dưỡng niềm tin cho cán bộ, chiến sĩ. Bác khen thưởng thành tích, nhắc nhở sửa chữa lỗi lầm, và



căn dặn: Thắng không kiêu, bại không nản. Bác thường đi thăm các đơn vị bộ đội chủ lực, tự vệ dân quân, hoặc gặp gỡ cán bộ, chiến sĩ các binh chủng, quân chủng. Bác đến với bộ đội với tấm lòng cha con, thân ái, tin yêu và hiền từ ấm áp. Bác chăm lo từng li, từng tí cho sự trưởng thành mọi mặt của các lực lượng vũ trang. Trong buổi đầu kháng chiến hết sức gian nan, Bác là người đề ra việc lập "hũ gạo kháng chiến", tổ chức "mùa Đông binh sĩ", kêu gọi đồng bào dành dụm chút chiu, giúp tổ chức hậu cần để nuôi quân đánh giặc.

Anh bộ đội Cụ Hồ, lớn lên trong lòng ưu ái bao la của Bác, được đồng bào cả nước đùm bọc, yêu thương, đã thành nhân vật thân thoai, làm nên biết bao chiến tích anh hùng, xứng đáng với lời khen của Bác: Quân đội ta "trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng".

Đối với liệt sĩ, thương binh, Bác luôn luôn tỏ lòng biết ơn và kêu gọi toàn dân đền ơn đáp nghĩa. Bác khuyến khích thương binh tùy theo sức mình cố gắng làm những việc có ích cho xã hội. Bác nói: Thương binh tàn mà không phế. Thật là một lời nói xúc động lòng người, bởi nó chứa đựng một quan điểm nhân văn sâu sắc đầy niềm tin, lòng quý trọng và tình thương yêu đối với những người đã vì nhân dân mà mang thương tích hoặc hy sinh một phần thân thể.

Mọi người ở nước ta cũng như ở nước ngoài đều biết Bác Hồ rất yêu mến

thiếu niên, nhi đồng. Bác quan tâm giáo dục cho các cháu năm điều:

- "- Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào.*
- Học tập tốt, lao động tốt.*
- Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt.*
- Giữ gìn vệ sinh.*
- Thật thà, dũng cảm"*

Bác khuyến khích các cháu tham gia cứu nước và xây dựng bằng những việc vừa với sức mình. Mỗi dịp Trung thu, Bác không quên viết thư cho các cháu; có dịp thuận lợi, Bác vui lòng đến dự những đêm văn nghệ do các cháu tổ chức. Bác kêu gọi các ngành, các cấp và toàn dân chăm lo bảo vệ bà mẹ và trẻ em, chăm sóc và giáo dục thiếu niên, nhi đồng. Bác nhấn mạnh dù đất nước còn nghèo, Nhà nước và nhân dân cũng phải cố gắng tạo những phương tiện tốt nhất trong điều kiện cho phép, để các cháu được học tập, vui chơi. Tôi còn nhớ, ở miền Bắc khi mùa đông rét đậm, Bác thường nhắc Bộ Giáo dục cho các lớp cấp I nghỉ học...

Bác Hồ với thiếu nhi, mãi mãi còn đây hình ảnh một Cụ già râu tóc bạc phơ, như một ông tiên trong cổ tích, ngồi giữa đàn cháu nhỏ, cùng các cháu vỗ tay theo nhịp một bài hát quen thuộc "*Ai yêu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh... Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng...*".

Bác dành cho đồng bào, chiến sĩ miền Nam lòng thương yêu vô hạn. Miền Nam đối với Bác là nỗi đau nhức nhối: "Ở miền Nam Việt Nam... Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng và gộp cả những nỗi đau khổ riêng của mỗi

người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi”. Bác tự cho rằng mình chưa làm tròn nghĩa vụ đối với miền Nam, vì thế Bác “ăn không ngon, ngủ không yên”; Bác không đành lòng nhận Huân chương khi nước nhà chưa thống nhất. Đồng thời, miền Nam đối với Bác luôn luôn là niềm tự hào sâu sắc. Bác nói: “đồng bào miền Nam thật là những người con anh hùng của dân tộc anh hùng Việt Nam. Miền Nam thật là xứng đáng với danh hiệu “Thành đồng của Tổ quốc”. Bác không bỏ sót cơ hội gặp gỡ, thăm hỏi đại biểu đồng bào miền Nam ra thăm miền Bắc, các cán bộ lãnh đạo, các anh hùng chiến sĩ thi đua, các bà mẹ và các em thiếu niên dũng sĩ.

Cho đến khi từ biệt chúng ta, trong trái tim Bác vẫn nguyên vẹn hình ảnh một miền Nam kiên cường, bất khuất, đi trước về sau, một nửa nước Bác ngày đêm thương nhớ, chưa một lần được vào thăm, kể từ ngày rời bến cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước.

Hồ Chí Minh tin ở khả năng tự cải tạo của con người. Đối với những kẻ phạm lỗi lầm, kể cả những người có tội với Tổ quốc, với nhân dân, Bác vẫn rộng lòng khoan dung, độ lượng. Bác tin rằng trong lương tâm họ vẫn còn một phần cái bản tính tốt của con người, của nòi giống. Nếu biết nâng con người lên, khuyến khích cái thiện, cái tốt, đẩy lùi cái ác, cái xấu, thì những người nhất thời hư hỏng vẫn có thể sửa mình trở thành những con người có ích cho xã hội.

Hồ Chí Minh rất quý trọng thiên nhiên. Trong kháng chiến cũng như trong hoà bình, khi ở Việt Bắc cũng như khi về Hà Nội, Bác luôn luôn chú ý trồng cây và hô hào mọi người trồng cây. Phong trào “Tết trồng cây” do Bác phát động đã trở thành một nếp quen tốt đẹp... Trồng cây trong vườn nhà, ven đường đi, quanh trường học, doanh trại, xí nghiệp, cơ quan, và bất cứ nơi nào còn đất trống để lấy gỗ, lấy củi lấy bóng mát và ăn trái... Trồng cây để phủ xanh đồi trọc để chắn sóng, chắn gió, để tái tạo rừng và giữ gìn nguồn nước. Càng ngày chúng ta càng hiểu việc trồng cây có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với cả nước cũng như đối với từng địa phương, từng gia đình, có tác dụng thiết thực biết bao về kinh tế và đời sống, về bảo vệ môi trường, về xây dựng thuần phong mỹ tục, về tạo khung cảnh sống có văn hoá, hài hoà giữa con người với thiên nhiên. Phong cách trồng cây của Bác thể hiện một quan điểm triết lý về xã hội rất đẹp, rất hay là hoà quyện thiên thời, địa lợi, nhân hoà.

* *
*

Bác Hồ, người luôn luôn ở giữa quần chúng nhân dân, mang lại muôn vàn tình thân yêu cho con người, mãi mãi sống trong trái tim của mỗi người và mọi người chúng ta./.

BAN BIÊN TẬP



YÊU TRẺ, KÍNH GIÀ, TRỌNG PHỤ NỮ

(Trích trong cuốn "Hồ Chí Minh - Vĩ đại một con người" của Giáo sư Trần Văn Giàu)



Yêu trẻ, kính già, trọng phụ nữ là đức tính lớn của Cụ Hồ.

Trong truyền thống dân tộc Việt Nam, kính già là một điểm quan trọng của đạo đức, phong tục xưa nay không khác mấy. Còn yêu trẻ, thân mật với trẻ em, săn sóc tuổi trẻ, đặt hy vọng vào tuổi trẻ, trông người từ tuổi niên thiếu một cách có ý thức, có hệ thống, thì có thể nói là xưa nay ở xứ ta chưa từng thấy ai bằng Cụ Hồ, cũng chưa từng thấy người Việt Nam nào được nhi đồng thương yêu, tôn kính bằng Cụ Hồ. Đến như trọng phụ nữ thì đến mấy nghìn năm Nho giáo, phong kiến, rồi thực dân đã làm suy yếu cái truyền thống tốt đẹp vốn có từ nghìn đời, có lẽ từ thời bộ tộc mới hình thành, từ khi mà Âu Cơ xuất hiện trong truyền thuyết. Trải qua thời gian dài này, bà mẹ Việt Nam vẫn được tôn trọng mà người phụ nữ nói chung thì bị xem rẻ trong xã hội phong kiến, thực dân. Mãi sau này, vị trí, vai trò của phụ nữ mới được xác định rõ trong cách mạng hiện đại Việt Nam, do Cụ Hồ mở đầu. Nếu như trong cách mạng và kháng chiến của ta, số thiếu nhi anh hùng, phụ lão anh hùng, phụ nữ anh hùng xuất hiện thật nhiều, thì cái đó là do truyền thống anh hùng của một dân tộc bất

khuất, mà cũng là vừa do tính tình gương mẫu tuyệt đẹp của Cụ Hồ yêu trẻ, kính già, trọng phụ nữ được vạn ức cán bộ và đồng bào noi theo.

* *
*

Cụ Hồ yêu trẻ lắm, yêu trẻ và sẵn sóc trẻ; tư tưởng của Cụ, nhiều lần được nói lên là “Mười năm trồng cây, trăm năm trồng người”. Trồng cây để làm rường cột cho nhà mà ai cũng phải có, trồng người để làm rường cột cho nước nhà ai cũng phải xây dựng. Trồng người còn lâu dài công phu hơn trồng cây, nhưng lại có tính khẩn cấp hơn; đời người có hạn mà thời gian thì qua nhanh. Sự nghiệp cách mạng càng khó khăn bao nhiêu, cần phải chú trọng bấy nhiêu đến sự đào tạo các thế hệ trẻ. Cụ Hồ là người thấy xa, lo xa. Cụ Hồ lại là người có lòng nhân ái mênh mông; yêu trẻ là tính vốn có, tính bản nhiên của Cụ. Cụ quên mình vì nước, vì dân, không có gia đình riêng, xem cả dân tộc, đồng bào là gia đình, thì tấm lòng yêu trẻ là điều dĩ nhiên lắm, không hạn chế ở con em ta mà bao trùm lên tuổi thơ rộng lớn. Không lạ nếu báo Dân chúng nước Paragoay ở tận Nam Mỹ nhận xét rằng: “Chủ tịch Hồ Chí Minh có trái tim bao la như vũ trụ, có lòng thương vô hạn với trẻ em”.

Trong sách Bác Hồ về nước, ở bài Bác Hồ đến bản tôi, có đoạn kể một câu chuyện nhỏ có ý nghĩa lớn, nói lên rằng Bác Hồ yêu quý trẻ em, sẵn sóc trẻ em y như cha đối với con trong nhà mình, con nhà nhiều lúc lại không được như thế:

“Ngày hôm sau ông Cụ sang ở nhà tập thể cất trong rừng sâu để tránh khủng bố, ở chung với chúng tôi. Ở lán, bữa ăn trưa chỉ có cháo bẹ loãng nấu bằng cháo nấu cám

lợn. Ai đói thì múc lấy mà ăn với quả bí đỏ luộc chín trong nồi gang. Thiếu muối phải ăn nhạt. Thấy ông Cụ ăn ít, mọi người không vui. Bữa chiều, người lớn kiếm được ít gạo, nấu riêng cho ông Cụ. Cụ bảo mình muốn ăn cháo bẹ mà thôi. Rồi ông Cụ đưa bát cơm đó cho một em bé gái nhỏ, ông Cụ tự múc lấy một bát cháo, ăn ngon lành. Bữa này ông Cụ ăn được nhiều hơn. Thấy đứa trẻ nào ăn gần hết bát cháo, ông Cụ đứng dậy múc cho.

Có một buổi trưa, ông Cụ xách một chậu than, vác cuốc ra chỗ nguồn nước. Bọn trẻ con chúng tôi chạy ra theo sau. Thấy ông Cụ quét dọn đồng lá mục rơi đầy vũng nước, có đứa hỏi:

- Ông làm gì vậy?
- Ông đào vũng nước rộng thêm.

Ông Cụ khơi một khe nhỏ cho nguồn nước chảy ra đó. Khe cũ cạn nước, ông Cụ cuốc thành một cái hồ sâu, tròn, to hơn cái đầu một tý. Phía dưới, ông Cụ đào hai cái hồ tròn, mỗi cái bằng vũng trâu nằm, hai hồ ngang nhau. Đoạn ông Cụ lấy chậu than, đổ than xuống hồ trên, dùng cán cuốc đầm nhiều lần cho chặt. Rồi ông Cụ tháo nước nguồn chảy xuống. Nước vàng nhạt được than hút vào; trẻ con chúng tôi reo ầm lên, cứ tưởng than khát nước uống mãi không biết chán. Bỗng thấy nước thấm qua lớp than, chảy xuống cái hồ bên dưới, trong veo như nước suối. Đợi đến lúc gần đầy nửa hồ, ông Cụ rủ chúng tôi ra về. Ngay chiều hôm ấy, ông Cụ vác máng đập lúa ra chỗ hồ nước, múc đầy máng, rồi cùng chị Việt Thân tắm cho các trẻ nhỏ. Những đứa trẻ trong máng đập lúa vỗ tay chân, nước bắn tung tóe vào người ông Cụ. Ông Cụ rửa mặt, kỳ cọ, tắm cho từng đứa trẻ, gội đầu cho từng đứa. Rồi cùng chị Việt Thân, ông



Cụ giặt quần áo cho cả bọn. Khi ra về, ông Cụ bế đứa nhỏ nhất. Lũ trẻ được tắm sạch thơm tho, cười như hoa nở”.

Đó là chuyện ở Cao Bằng năm 1941, ngày Cụ Hồ mới về nước.

Việc làm ấy xuất phát từ tâm lòng yêu trẻ bản nhiên của Cụ Hồ hay đơn thuần là một cách dân vận để được lòng bản làng mình ở? Câu chuyện sau đây có thể trả lời đầy đủ. Anh Hoàng Hữu Kháng là cận vệ tin cậy nhiều năm của Cụ Hồ từ những năm trước khởi nghĩa Việt Bắc đến lúc cách mạng thành công đã kể lại trong sách Những ngày đầu gần Bác:

“Tính Bác rất dễ xúc động. Có một đêm Bác ngủ trên gác một căn nhà, tới 4 giờ sáng Bác thức giấc. Ngoài trời gió vùn vút, đập vào cửa kính; ngồi trong nhà còn thấy lạnh, thế mà đã có trẻ con rao hàng dưới đường. Bác khoác áo, mở cửa sổ, ngó nhìn tới khi em bé đi khuất, mới từ từ khép cửa lại”.

Ở trong nước thì âu yếm với thiếu nhi trong nước, sang Pari thương thuyết với Chính phủ Pháp thì Cụ Hồ âu yếm với thiếu nhi Việt kiều. Đoạn hồi ký sau đây hàm chứa nhiều ý nghĩa:

“Một hôm các cháu thiếu nhi Việt Nam được một cô giáo trẻ người Việt Nam dẫn đến thăm Bác, ngày rằm tháng Tám. Các cháu được hát mừng Bác Hồ. Hát xong, cô giáo định cho các em ra về, sợ quấy phiền Bác lâu quá. Song Bác vui vẻ giữ lại. Phân phát kẹo bánh cho các cháu, Bác hỏi các cháu có thuộc bài Quốc ca Pháp không. Các cháu thưa rằng: Có. Bác bảo các cháu hát cho Bác nghe. Các cháu hát vang bài “Marseillaise”, bài hát cách mạng đã trở thành Quốc ca Pháp. Những người Pháp có mặt trong buổi họp mặt rằm tháng Tám này

rất lấy làm phấn khởi và vinh dự”.

Phải chăng, một cái biểu hiện về tình yêu trẻ em Việt kiều mà cũng là gián tiếp một bài học chính trị?

Năm 1946 là năm nổ ra toàn quốc kháng chiến. Pháp tấn công ta và ta phản công địch trong Hà Nội. Nhân dân Thủ đô sơ tán. Theo lời kể lại của đồng chí Giulapxki, Đại sứ Ba Lan, trong bài Ba lần gặp Bác thì Bộ trưởng Nguyễn Văn Tạo được Cụ hỏi ngay hôm 19 tháng 12: Vậy chớ các chú đã kịp cho các cháu rời xa chiến trường chưa? Nhớ đến các cháu thiếu nhi là ở trong điều đầu tiên Cụ nhớ. Khi tiếng đại bác nổ rồi, chẳng những các cháu thiếu nhi Thủ đô, các cháu ở những thị xã gần Hà Nội cũng phải chạy giặc. Các chiến sĩ cận vệ của Cụ kể lại rằng: “vào cuối tháng 7 năm 1947, Bác bảo chúng tôi đi gom các em ở trong tỉnh Phú Thọ chạy tránh càn, lạc cha mẹ, đưa về một chỗ để tiện nuôi dạy và bảo vệ. Cụ ở trại của các em suốt 25 ngày, trong thời gian đó Cụ cũng nằm trên giường nửa mà các em nằm, cũng làm việc trên các bàn nửa mà các em ngồi học”.

Cụ Hồ muốn “cộng khổ” với các cháu của Cụ là thế.

Đồng chí Giulapxki cũng kể rằng, năm 1954, sau chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơnevơ, “Người trở về Hà Nội không cần một nghi thức nào cả. Người trở về như bao nhiêu người khác trở về, để đỡ tốn kém. Bác kéo cháu bé tặng hoa vào lòng, rồi Bác ngồi nép lại một bên, dành chỗ cho cháu bé cùng ngồi. Hai Bác cháu ngồi vào chiếc ghế bành mà vẫn rất vừa chỗ. Hồ Chủ tịch luôn luôn có một tình cảm đặc biệt đối với thiếu nhi”.

Việc Cụ tỏ tình cảm đặc biệt đối với thiếu nhi Việt Nam thì làm sao kể xiết được:

Ở nhà trẻ, ở nhà trường, ở quảng trường, ở ngay trong vườn, ở trong Phủ Chủ tịch. Các em quần quýt xung quanh Cụ như cháu ruột xung quanh ông, chứ không phải tôn kính mà đứng xa. Các em thuộc và làm theo lời dạy của Bác Hồ. Trung thu đến các em mong đợi lời chúc Tết của Bác Hồ.

Biết bao nhiêu lần, thân mật, Cụ Hồ cho rước trẻ em vào nơi Cụ ở vui chơi với Cụ, ca hát cho Cụ nghe. Nghệ sĩ Ái Liên kể: “Đầu năm 1968, gia đình vừa ăn cơm xong thì có người tới hỏi. Đó là một chú bảo vệ của Bác; chú đến từ lâu nhưng thấy gia đình đang ăn cơm nên chưa vào. Bác cho gọi Ái Xuân, Ái Vân lên (chú bảo vệ nói đáng lẽ cho cả Ái Thanh cùng đi, nhưng hôm đó trời rét nên Bác bảo để Ái Thanh ở nhà). Hai chị em mừng quá toan đi ngay, chú bảo vệ bắt hai chị em mặc đủ quần áo ấm. Tới nơi Bác ở, chú Kỳ, thư ký của Bác, nói Bác đợi đã mười phút. Hai chị em chạy ulla vào, Bác đang rộng tay đón hai cháu nhỏ.

- Hai cháu có rét không?
- Có ạ.
- Hai cháu về Hà Nội hôm nào?
- Hôm qua ạ.
- Ở nơi sơ tán, ăn cơm có nhiều không?
- Dạ có.

Bác xoa đầu hai chị em:

- Chắc ăn vào phần tiêu chuẩn của Má phải không?

Hai chị em cười rúc rích. Bác bảo hai chị em hát cho Bác nghe. Vân và Xuân nhìn nhau chưa biết hát bài gì. (Lần trước hai chị em hát bài “Miền Nam ơi chúng tôi sẵn sàng”, Bác khen hay, nhưng đến câu: “miền Nam yêu quý ta ơi, ta hiến dâng cả...” thì hai chị em thấy Bác rút khăn lau nước mắt). Còn đang ngần ngừ, thì Bác giờ tay ra làm hiệu:

- Nào! “miền Nam yêu quý ta ơi!”, bắt đầu đi!

Hát xong, Bác cháu lại nói chuyện. Xuân thích quá kể cho Bác nghe đủ chuyện. Nào chuyện Xuân thích ăn ốc luộc, để dành tiền trong lợn đất, thêm ốc lại đập vỡ lợn, lấy tiền mua. Nào chuyện Xuân ở lớp học, có lần bị bạn trai bắt nạt, bèn gửi cặp sách đánh nhau tay đôi với bạn đó. Bác cười.

Nói chuyện rồi lại hát.

Bác cho hai cháu cùng xem phim. Ái Vân, Ái Xuân được ngồi bên Bác, cứ nắm chặt bàn tay Bác.

Xem phim xong, Bác cười, hỏi:

- Thế nào, bây giờ hai cháu muốn gì nào?

- Muốn ngồi bên Bác như lúc xem phim.

Nhưng Bác đã lấy ra một đĩa kẹo nhỏ nữa, bảo:

- Bây giờ hai cháu về nhé! Về thì phải có quà cho ba, má và cho bé Thanh.

Ái Xuân bật nói: “Cháu chưa muốn về đâu!”. Bác xoa đầu Xuân.

Kể sao hết những lần Cụ Hồ gọi các cháu nhỏ là con của cán bộ, văn nhân, nghệ sĩ dẫn đến cùng Cụ, chung vui như trong gia đình đầm ấm? Lũ trẻ con hân hạnh được gần Bác, sau lần lượt đều trở thành cán bộ, văn nhân, nghệ sĩ, chiến sĩ tràn đầy lòng nhân ái của Cụ Hồ.

Ở Cụ Hồ, lòng yêu trẻ đi đôi cùng nhịp với kính già. Kính già là kính số công lao mà người già đã hiến cho xã hội, là trọng những kinh nghiệm ở đời đã thu góp được, là đánh giá cao uy tín của các phụ lão đối với thanh niên.

Anh Dương Đại Lâm, một đồng chí ở Cao Bằng, tại một bản gần hang Pác Bó, kể rằng:



“Sau Tết ít lâu, bà tôi vừa đúng 85 tuổi (đó là vào năm 1941). Nhà có tổ chức lễ mừng thọ như tục lệ xưa nay. Nghe tin, Cụ Hồ gọi tôi lên hỏi tổ chức như thế nào, tổ chức lễ thì họ hàng gần xa có đông không, ăn mấy bữa, ở bao lâu. Người cũng hỏi: Thường thì con cháu họ hàng mấy giờ đến? Tôi thưa: Bà con họ hàng thường đến vào buổi xế chiều, ăn cơm xong thì tôi lúc lên đèn, tức là bà con họ hàng thường đến vào lúc 4, 5 giờ chiều. Tôi tưởng Người hỏi thế để cho biết; không ngờ hôm tổ chức lễ thượng thọ bà tôi, thật là hạnh phúc hiếm có cho gia đình tôi, Người đã bố trí công việc để đến chúc mừng. Chiều hôm ấy, Người đến rất sớm, lúc đó khoảng 2 giờ chiều, trong khi nhà còn vắng khách. Người làm cái đèn lồng bằng trúc, mang đến mừng bà tôi. Chuyện trò một tý, Người đã xin phép ra về. Để giữ bí mật, Người đi đâu thường không báo trước, đến đâu thường đến sớm hơn ai hết rồi cũng ra về trước để tránh những cuộc gặp gỡ đông. Người thường bảo chúng tôi: muốn làm công tác vận động cách mạng tốt thì khi vào một gia đình nào đó điều trước tiên là phải làm sao tranh thủ được lòng yêu mến của người già; mà người già đã yêu mến thì con cháu họ cũng yêu mến mình, gần gũi thân mật với mình, con cháu yêu mến gần gũi mình thì bố mẹ chúng cũng gần gũi thân mật với mình. Vậy người nào thành thật kính già, yêu trẻ thì thường là người vận động cách mạng giỏi”.

Ta dễ hiểu tại sao năm 1941, Nguyễn Ái Quốc cũng ra lời kêu gọi phụ lão lúc kêu gọi đồng bào đứng lên dưới cờ của Việt Minh.

Ta dễ hiểu tại sao Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thành công thì Cụ Hồ

thiết tha mời cụ Huỳnh Thúc Kháng, Bùi Bằng Đoàn, cụ Võ Liên Sơn, cụ Nguyễn Văn Tố, v.v. ra hợp tác để xây dựng đất nước.

Và ta cũng dễ hiểu tại sao trong kháng chiến lâu dài và gian khổ, nước Việt Nam có những đội dân quân du kích, những đội bạch đầu quân lập nhiều chiến công hiển hách.

Nữ văn sĩ J.Stern tham dự một Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua tại Hội trường Ba Đình kể lại rằng: "Trước mặt Cụ Hồ là cả một gian phòng rộng lớn tụ hội đến hai ngàn người già trẻ, gái trai, có người mặc quân phục, có người mặc quần áo công nhân – những Anh hùng Lao động và Anh hùng Quân đội. Hồ Chủ tịch nói chuyện với họ thân tình, đầm ấm như trong không khí gia đình. Chợt, Người phát hiện ra hai cụ bà ngồi ở hàng thứ nhất hội trường. Người cầm hai bó hoa mà các cháu đã dâng lên Người, đi thẳng tới tặng hai cụ bà, rồi nói chuyện với hai cụ bà một lúc rồi trở lên chủ tịch đoàn. Người nhìn xuống, hỏi: các đồng chí có biết tôi vừa nói chuyện với ai không? Và Người kể về bà mẹ Suốt 62 tuổi, quê Quảng Bình, ngày đêm chèo đò qua sông Nhật Lệ để chuyển quân, chuyển vũ khí đạn dược (vào Nam đánh Mỹ) chẳng kể mưa nắng, bom đạn. Và bà cụ ngồi bên mẹ Suốt là người mẹ có sáu con gia nhập bộ đội hiện đang chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.”.

Cụ Hồ mỗi năm gửi nhiều món quà, huy hiệu, bằng khen, áo lụa cho các cụ ông, cụ bà ở các địa phương mà lập được nhiều chiến công, hoặc gương mẫu trong sinh hoạt ở xóm làng. Cụ Hồ còn tạo ra cho đoàn thể này đoàn thể khác điều kiện để tỏ lòng tôn kính người già. Sách Theo Bác đi kháng chiến có đoạn viết: “Một hôm, Bác mang

đến ba cái áo len cho Hội Liên hiệp Phụ nữ. Chị Hoàng Thị Ái bấy giờ phụ trách cơ quan, không dám nhận và thưa để Bác cho chiến sĩ có công. Bác bảo: Bác có cho các cô đâu mà các cô từ chối; đây là Bác cho các cô để các cô biết cách trọng người già: Một cái các cô đem biếu bác Tôn gái, một cái các cô biếu mẹ liệt sĩ Bùi Thị Cúc, còn một cái để dành đây khi cần thì sẵn tặng phẩm mà dùng”.

Cụ Hồ kính già và muốn cho cán bộ, đoàn thể cũng đều kính già, cũng đều có đức tính cao quý ấy.

Câu chuyện nghĩa tình quốc tế cộng sản sau đây cũng là câu chuyện kính già. Trong bài Hồ Chí Minh niềm hy vọng lớn nhất, văn sĩ Blaga Dimltrova, người Bungari kể lại rằng:

“Khi đồng chí bác sĩ Andrây Bansep, bác sĩ của chúng ta hy sinh ở Việt Nam trong khi làm nghĩa vụ quốc tế của mình, thì Chủ tịch Hồ Chí Minh đích thân đến sứ quán Bungari, không cầm được nước mắt, Cụ hỏi: “Chúng ta sẽ báo tin cho mẹ đồng chí ấy thế nào?”. Và khi tới thăm Sophia, Hồ Chủ tịch muốn được gặp mẹ đồng chí Bansep. Những vấn đề quốc gia quan trọng không làm Người quên sự quan tâm đến một bà mẹ đau thương. Chính mẹ đồng chí Bansep đã kể lại cho tôi kỷ niệm rất cảm động về cuộc gặp gỡ ấy và sự thông cảm qua giọng nói ấm áp của Bác Hồ.”.

* *

*

Trọng phụ nữ là một đức tính của Cụ Hồ mà các ký giả quốc tế nhiều lần ca ngợi và chị em trong nước rất cảm phục.

Giáo sư Phạm Huy Thông có kể lại câu chuyện xảy ra trong một cuộc họp báo

tại Pari vào năm 1946: “Cuộc họp báo khi vẫn, nhân trên bàn có trang trí mấy bông hồng, Cụ Hồ đứng dậy lấy một bông hồng tặng chị Francoise de Corriffe vì chị là nhà báo phụ nữ”. Tuần báo Regard đã đăng tấm hình Cụ Hồ tặng hoa nữ ký giả Pháp với lời chú thích hóm hỉnh: “40 năm đấu tranh cách mạng mà vẫn lịch thiệp như thường!”. Hơn 20 năm sau, khi nghe tin Hồ Chủ tịch qua đời, nhà báo và nhà thơ Francoise de Corriffe đã ôm một bó hoa hồng đến trước Đại sứ quán ta tại Pari mà khóc.

Một phiên dịch viên người Đức, Iréan Mod, đã ghi trong cuốn nhật ký của mình viết năm 1968: “Cụ Hồ cùng Thủ tướng Grottehol đi chào mừng những người có mặt trong lễ đón tiếp ở sân bay. Đến chỗ quần chúng, Người càng vui. Bác chợt thấy một phụ nữ trên đầu có hai màu tóc. Người bước lại gần, thân mật hỏi:

- Cô đấy à! Cô Rosa?

- Vâng, xin kính chào đồng chí Chủ tịch”.

Người phụ nữ ấy chính là đồng chí Rosa Michel, phóng viên báo L' Humanité (Nhân đạo) ở Béclin, đã từng gặp Bác Hồ ở trụ sở Đảng Xã hội Pháp trước năm 1920 và nhiều lần ở trụ sở Quốc tế Cộng sản. Mùa hè năm 1968, Rosa Michel về Pháp nghỉ nhưng vừa được tin Bác Hồ sang thăm Cộng hòa Dân chủ Đức, đồng chí trở lại ngay vị trí chiến đấu của mình. Được Bác Hồ nhận ra mình, đồng chí Rosa rất sung sướng nói với mọi người: “Bác Hồ có một trí nhớ rất đặc biệt”. Cuộc gặp gỡ bất ngờ chắc cũng làm Bác Hồ cảm động nhiều. Dọc đường từ sân bay về thành phố, Người vẫn còn nhắc đến cô Rosa bé nhỏ ngày xưa. Bác nói với tôi: “Cô Rôsa bé nhỏ thế ấy mà



bây giờ đã có cháu kêu bằng bà rồi đấy. Tôi còn nhớ như in hình ảnh của cô Rôsa tại một cuộc họp cách đây 33 năm, cô từ Pari đến, mặc chiếc áo lụa màu hồng óng ả, lúc cô lên diễn đàn, người ta chú ý đến cả dáng đi nhẹ nhàng của cô và có cảm tưởng như trước mặt mình là một con bướm hồng, chứ không phải là một chiến sĩ! Nhưng rồi cô ấy đã nói và nói rất hay, ai cũng lắng nghe và đều nhận ra rằng đó là tiếng nói của một chiến sĩ thực sự”.

Nếu không trọng phụ nữ, nhất là chiến sĩ phụ nữ, thì làm sao có thể nhớ rõ người và chuyện ở một thời xa xưa như vậy? Chúng ta có thể nói rằng đó thuộc vào một trường hợp đặc biệt, còn thường thường trong việc hàng ngày thì sao? Rudolf Plátzner, Đại sứ Cộng hòa Dân chủ Đức nhận xét: Trong Bác Hồ như tôi đã biết có ghi: “Những năm ấy, Bác Hồ nhiều lần tổ chức chiếu phim trong Phủ Chủ tịch và cho mời Đại sứ các nước xã hội chủ nghĩa đến xem. Bác dặn chúng tôi mang cả vợ con đi. Một lần tôi không đưa vợ đi cùng, Bác hỏi tôi bằng tiếng Đức: “Còn cô nàng của chú đâu?”- “Thưa Bác! Nhà cháu mệ”. Bác không tin, bèn cho gọi xe đi đón ngay. Quả thật Bác quý nhà tôi, cứ gặp đâu là cũng cho ngồi gần. Sau này đối với vợ chồng đồng chí Eduard Clouđiut cũng vậy. Tôi được nghe kể rằng có lần chị Clouđiut đau chân, bị bó bột, nhưng phải có mặt trong buổi đón tiếp nguyên thủ quốc gia. Giữa đám đông người mà Bác Hồ vẫn nhận ra chị ấy bị đau chân, Bác liền nhắc ghế đến cho chị ngồi. Ai cũng cảm phục sự quan tâm hết sức chu đáo của một vị Chủ tịch nước”.

Có lẽ từ ngàn xưa ở nước Việt Nam ít có nhân vật văn hóa hay chính trị nào trọng

người phụ nữ như Hồ Chí Minh, không ai đánh giá tầm quan trọng của phụ nữ trong lịch sử như Hồ Chí Minh, không ai ân cần bồi dưỡng phụ nữ như Hồ Chủ tịch.

Bước vào thời kỳ lịch sử hiện đại, người đầu tiên trình bày trước thế giới nỗi khổ và nguyện vọng của phụ nữ Việt Nam là Nguyễn Ái Quốc trong Bản án chế độ thực dân Pháp ở thuộc địa và trong diễn văn đọc tại Đại hội Nông dân thế giới. Cũng Nguyễn Ái Quốc là người đầu tiên ở xứ này nêu lên khẩu hiệu nam nữ bình đẳng, nêu lên một tư tưởng chính trị cơ bản là nếu không có hàng triệu phụ nữ tham gia cách mạng thì cách mạng không thành công được.

Cụ Hồ là vị lãnh tụ chủ trương rằng trong mỗi cấp ủy, đoàn thể, trong mỗi ủy ban nhân dân nhất định phải cố gắng đạt một tỷ lệ phụ nữ nhất định. Dự các cuộc hội nghị lớn, Cụ Hồ lần nào cũng hỏi: Hội nghị có bao nhiêu đại biểu nữ? Và Cụ lúc nào cũng mời đại biểu phụ nữ lên ngồi ở những hàng ghế trên.

Chị Hồ Thị Bi kể lại: Đoàn đại biểu các anh hùng, chiến sĩ thi đua miền Nam ra thăm miền Bắc, khi chụp ảnh, Bác biểu chị Hồ Thị Bi và cô Tạ Thị Kiều ngồi hai bên Bác, còn đồng chí Võ Nguyên Giáp cùng các đồng chí cán bộ cao cấp khác ngồi hàng trước. Nữ phóng viên báo Phụ nữ là Tuyết Thanh kể rằng: ở Hà Nội, Tết năm nào Bác Hồ cũng đến thăm cơ quan Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trước tiên và Cụ ghét nhất những người đàn ông đánh vợ./.

BAN BIÊN TẬP

BÁC HỒ VỚI PHONG CÁCH NÊU GƯƠNG

ĐOÀN MẠNH TIẾN

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: “Một trăm bài diễn thuyết hay không bằng một tấm gương sống”, và trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Người thường xuyên yêu cầu các cán bộ, đảng viên phải là tấm gương cho quần chúng nhân dân noi theo và chính bản thân Người là một tấm gương sáng.

Thứ nhất, theo Người, “Nêu gương gắn liền với chủ thể và hành động của chủ thể, tạo ra ảnh hưởng tích cực đối với các chủ thể khác, từ cá nhân tới xã hội, từ đó thúc đẩy việc noi gương, học tập và làm theo các tấm gương điển hình, các tấm gương sáng” (*Hồ Chí Minh toàn tập/tập 6, trang 103*). Việc nêu gương sẽ làm cho con người tốt lên, công việc tốt, tốt lên một cách thực chất, tốt lên một cách thường xuyên, lâu dài chứ không phải tốt lên một cách nhất thời. Việc nêu gương phải đem đến tác dụng một cách thiết thực, đem đến hiệu quả cao chứ không phù phiếm, khoa trương.

Thứ hai, theo Người, “Cần phải nêu gương trên ba mối quan hệ đối với mình, đối với người, đối với công việc” (*Hồ Chí Minh toàn tập/tập 6, trang 110*).

Đối với mình không được tự cao, tự đại, tự mãn, bởi vì tự cao, tự đại, tự mãn là

căn bệnh rất nguy hiểm, bởi vì nếu cán bộ, đảng viên mắc phải căn bệnh này thì sẽ luôn luôn đề cao cá nhân mình, coi thường quần chúng, mù quáng, thiển cận, do đó sẽ không thể tiến bộ. “Tự cao, tự mãn là co mình lại, không cho mình tiến bộ thêm (*Hồ Chí Minh toàn tập/tập 7, trang 93*).

Đối với người phải luôn luôn có thái độ chân thành, thật thà, gần gũi, khiêm tốn, đoàn kết, bao dung độ lượng. “Cán bộ, đảng viên phải thật thà, yêu thương, hết lòng giúp đỡ đồng bào, đồng chí, phải kiên quyết đấu tranh chống lại những người, những việc có hại đến nhân dân” (*Hồ Chí Minh toàn tập, tập 7, trang 96*).

Đối với việc thì phải có tinh thần trách nhiệm cao, phải tận tụy, nhiệt tình, gương mẫu, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, phải biết đặt việc chung lên trên hết, phải “chí công vô tư”, biết hi sinh lợi ích cá nhân cho lợi ích đất nước, nhân dân.

Thứ ba, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, nêu gương có nhiều nội dung, trước hết là phải nêu gương về mặt đạo đức, nêu gương về mặt đạo đức đòi hỏi người nêu gương phải công tâm, phải “chí công vô tư”, mọi việc lớn nhỏ đều chỉ có một mục đích là hướng tới lợi ích của nhân dân, của cộng



đồng, với tinh thần đặt việc nước, việc dân lên trên hết, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân, việc gì có lợi cho dân thì quyết tâm làm cho bằng được. Người khẳng định: “Trong quan hệ với dân, người nêu gương về đạo đức là người luôn luôn gần dân, kính trọng lễ phép với dân, không quan liêu, không lãng phí, tham ô, tham nhũng gây nên những tổn hại, thiệt thòi cho dân, nêu gương về đạo đức còn là nêu gương về lòng trung thực, sự chân thành, nó đối lập với thói giả dối, với những khuất tất, mờ ám, bất minh, bất chính” (*Hồ Chí Minh toàn tập/tập 7, trang 115*).

Thứ tư, theo Người, “Bên cạnh việc nêu gương về đạo đức, còn phải nêu gương về mặt chính trị”. Nêu gương về mặt chính trị đòi hỏi người nêu gương phải đấu tranh không khoan nhượng, đấu tranh triệt để và liên tục chống lại những biểu hiện suy thoái về mặt chính trị, tư tưởng, đấu tranh chống lại những kẻ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, những kẻ nói và làm trái với đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng gây tác hại đối với xã hội, người nêu gương phải có lập trường tư tưởng vững vàng, quan điểm đúng đắn, chính kiến rõ ràng trước những vấn đề mới, khó, phức tạp, nhạy cảm, phải chủ động ngăn chặn, phản bác các thông tin có tính chất xuyên tạc, sai trái, thù địch.

Ngoài ra Bác còn yêu cầu nêu gương ở một số nội dung khác.

Thứ năm, theo Người, muốn nêu gương được thì người nêu gương phải tuân thủ nguyên tắc: “Nói đi đôi với làm”. Đây là vấn đề quan trọng, là nguyên tắc đầu tiên của sự nêu gương, bởi vì chỉ có nhất quán giữa nói và làm thì người cán bộ, đảng viên mới giành được lòng tin của quần chúng. Nếu người cán bộ, đảng viên nói mà không làm, hoặc nói một đằng làm một nẻo thì nhất định

sẽ mất uy tín trước quần chúng. Sự thống nhất giữa lời nói và việc làm là một yêu cầu khách quan của phẩm chất người cán bộ, đảng viên. Người giải thích: “Nói miệng thì ai cũng nói được, nhưng vấn đề là nói phải đi đôi với làm, chẳng hạn muốn xây dựng đất nước, người lãnh đạo kêu gọi nhân dân phải cần kiệm, nhưng bản thân người lãnh đạo tự mình phải cần kiệm trước đã. Trước hết mình phải làm gương cho dân. Muốn làm gương được, phải quyết tâm. Quyết tâm thì sẽ thành công” (*Hồ Chí Minh toàn tập/tập 7, trang 119*).

Thứ sáu, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, để giáo dục bằng nêu gương đạt kết quả cao, người lãnh đạo phải lấy gương người tốt, việc tốt hàng ngày để nêu gương cho quần chúng nhân dân học tập và làm theo, giúp nhân dân nhìn vào đó để làm những điều hay, điều đúng, điều thiện, qua đó giúp họ chống lại những thói hư, tật xấu.

Thứ bảy, theo Người: “Nêu gương phải được coi là bổn phận, nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên” (*Hồ Chí Minh toàn tập/tập 7, trang 123*). Người cán bộ, đảng viên phải tự mình nêu gương để tự mình làm gương cho người khác noi theo, làm theo. “Người biết nêu gương là người đạt đến những phẩm chất của nhân cách văn hóa, luôn mong muốn mình càng trở nên tốt đẹp để tự hoàn thiện mình.

Trên đây là bảy vấn đề quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về phong cách nêu gương. Suốt cuộc đời mình, Bác luôn yêu cầu các cán bộ, đảng viên, người đứng đầu phải nêu gương cho quần chúng nhân dân noi theo và chính bản thân Người chính là một tấm gương ngời sáng./.

ĐƯỢC GẶP BÁC HỒ LÚC NỬA ĐÊM

TRẦN VỌNG

Đại tá, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Hoàng Đăng Vinh là 1 trong 4 chiến sĩ dưới sự chỉ huy của đồng chí Tạ Quốc Luật, Đại đội trưởng Đại đội 360, Trung đoàn 209, Đại đoàn 312 đã trực tiếp bắt sống toàn bộ Bộ Tham mưu của quân đội Pháp và Tướng De Castries trong chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ ngày 7/5/1954. Bảy mươi năm trước, trong lần sinh nhật thứ 64 của Bác Hồ (19/5/1890 - 19/5/1954), ông đã vinh dự là 1 trong 5 chiến sĩ được gặp Bác để báo cáo thành tích trong chiến dịch lịch sử ấy.

Cùng trong đoàn chiến sĩ ấy, ông kể: Có chiến sĩ Bạch Ngọc Giáp ở Đại đoàn Công pháo 351, Đại đội trưởng Đại đội 397 Lê Thế Nhân, chiến sĩ Nguyễn Quang Thuận ở Trung đoàn Pháo cao xạ, đồng chí Sáng và tôi. Tôi nhớ rất rõ là trước hôm sinh nhật Bác mấy ngày, cả 5 anh em chúng tôi đã được xe ô tô chiến lợi phẩm đưa chúng tôi đến cơ quan Tổng cục Chính trị. Là đoàn chiến sĩ có thành tích xuất sắc từ Điện Biên Phủ chiến thắng trở về nên

chúng tôi được ưu tiên mọi thứ: Nào khăn mặt bông, chậu sắt tráng men, bánh mỳ kẹp thịt, bánh bích quy... Cứ tưởng rằng sau những ngày đi đường mệt mỏi, lại được ăn uống, bồi dưỡng đầy đủ thì đêm về sẽ ngủ ngay được, nào ngờ suốt đêm cả 5 anh em chúng tôi thao thức đến tận gần sáng vẫn không tài nào chợp mắt được. Trong lúc cả 5 anh em buông màn đi ngủ nhưng vẫn trần trọc thì thảo to nhỏ, tôi bỗng thấy một cụ già đi vào nhưng tôi không biết đó là Bác Hồ.

Cụ giắt lại màn cho các chiến sĩ rồi lặng lẽ đi ra. Bây giờ tôi mới dám ngồi dậy và thổ lộ: Này các anh ơi! Có một cụ già vừa vào giắt màn cho chúng mình đấy, thế là tất cả đều choàng tỉnh dậy và mới vỡ lẽ: “Bác Hồ đấy!”. Chúng tôi định ulla theo nhưng Bác đã giơ tay ra hiệu và nói rằng: “Biết các chú về nhưng Bác bận nên bây giờ mới đến thăm các chú một chút, các chú cứ ngủ đi cho khỏe”. Chúng tôi quay lại giường mà vẫn thì thảo với nhau: Không biết ngày mai được gặp Bác Hồ anh em



mình sẽ báo cáo với Bác như thế nào nhỉ? Thấy vậy đồng chí phụ trách nhắc nhở:

- Các đồng chí cứ ngủ đi, sáng mai chúng ta sẽ bàn bạc cụ thể!

- Vậy đồng chí phụ trách là ai? Tôi hỏi! Ông Vinh trả lời:

- Đó là đồng chí Hoàng Cầm, lúc đó là Trung đoàn trưởng Trung đoàn 209, Đại đoàn 312, là người được giao nhiệm vụ phụ trách anh em chúng tôi và đi cùng chúng tôi từ Điện Biên Phủ qua đường 46, đường số 6 rồi về căn cứ ở Tuyên Quang.

- Như vậy ngồi trên xe từ Điện Biên Phủ về Tuyên Quang có tất cả mấy người? Tôi hỏi!

Ông Hoàng Đăng Vinh cho biết:

- Trên xe có đồng chí Hoàng Cầm, 5 anh em chúng tôi và lái xe, tất cả 7 người!

Khi đến căn cứ được gặp Bác Hồ và được chụp ảnh thì chỉ có 5 anh em chúng tôi, còn đồng chí Hoàng Cầm đã báo cáo với Bác qua điện thoại sau đó phải quay trở lại nhận nhiệm vụ gấp nên không ở lại cùng anh em chúng tôi, do vậy trong ảnh chỉ có 5 chiến sĩ được chụp ảnh với Bác, đồng chí Trường Chinh, đồng chí Võ Nguyên Giáp và đồng chí Nguyễn Chí Thanh, đó cũng là bức ảnh chụp trước.

Sau khi nghe chúng tôi báo cáo thành tích trong chiến dịch Điện Biên Phủ, Bác có hỏi đồng chí Nguyễn Chí Thanh:

- Các chiến sĩ Điện Biên lập công xuất sắc có được thưởng Huân chương không? Đồng chí Nguyễn Chí Thanh trả lời: Thưa Bác tất cả đều được thưởng ạ!

Bác nói ngay: Vậy các chú đứng thành hàng ngang để Bác gắn Huân chương và Huy hiệu của Bác nào! Tất cả 5 anh em chúng tôi xếp thành một hàng ngang ngay

ngắn, tôi thấy Bác đứng dậy lấy Huy hiệu, còn chúng tôi đứng nghiêm chờ đợi. Trong số những người được thưởng tôi vinh dự là người được đứng gần Bác nhất nên đã được Bác gắn Huy hiệu trước. Thoáng nhìn mái tóc bạc và hơi thở của Người, tôi thấy Bác vô cùng gần gũi, tim tôi đập dồn dập khi bàn tay của Người gắn tấm Huy hiệu mang hình ảnh của Người lên ngực áo mình, tôi cứ đứng ngây ra, thấy vậy Bác nhắc:

- Chú Vinh chào đi chứ!

Tôi vội vàng làm theo lời Bác, các đồng chí đứng ở trong hàng cũng làm theo nhưng động tác chào của tôi chậm nhất và có lẽ vụng về nhất. Lý do thật đơn giản vì sau 2 năm nhập ngũ, tôi đã được học chào khi nào đâu, chỉ nhìn các đồng chí cấp trên chào nhau rồi bắt chước.

Sau khi gắn Huy hiệu cho chúng tôi, Bác nói:

- Bác và các đồng chí Trung ương rất bận, các chú còn phải làm việc, vì vậy cho Bác gửi lời thăm hỏi sức khỏe các cô, các chú thương binh, cán bộ, chiến sĩ ngoài mặt trận. Chú nào đạt được nhiều thành tích, Bác sẽ khen thưởng tiếp.

Bác tạm biệt chúng tôi trong nỗi niềm băng khuâng da diết. Nửa đêm được nhìn thấy Bác mà chưa được gặp, đây là lần đầu tiên được trực tiếp gặp Bác Hồ, tôi cứ đinh ninh mãi lời dạy của Người là: “Chiến thắng nhưng không bao giờ được chủ quan khinh địch”, đó cũng chính là bài học cho mỗi cán bộ, chiến sĩ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Một kỷ niệm sâu sắc trong đời là được gặp Bác Hồ lúc nửa đêm và được Người trực tiếp gắn Huy hiệu cho mình có lẽ là những kỷ niệm không bao giờ có thể quên được trong cuộc đời quân ngũ của mình.



Đại tá Hoàng Đăng Vinh sinh năm 1935, quê ở huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên, nhập ngũ tháng 2 năm 1952 vào Đại đội 360, Trung đoàn 290, Đại đoàn 312. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ tại chiến trường Điện Biên Phủ, ông được đi học văn hóa và đi học đào tạo sĩ quan Công binh. Sau đó ông lại trực tiếp tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và chiến đấu tại Quảng Bình - Vĩnh Linh (1967 - 1969),

Cánh đồng Chum - Lào (1971 - 1972), Chiến dịch Điện Biên Phủ trên không tháng 12 năm 1972. Năm 1990, sau gần 40 năm phục vụ trong quân đội, ông được nghỉ hưu về cư trú tại Khu phố Công Binh, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Về với cuộc sống đời thường nhưng ông liên tục tham gia công

tác xã hội: Bắt đầu từ Bí thư Chi bộ rồi Đảng ủy viên phường, Chủ tịch Hội CCB phường, từ tháng 6 năm 1996 đến tháng 7 năm 2007 ông được tín nhiệm bầu làm Chủ tịch Hội CCB thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Ngày 19/8/2015, ông vinh dự được Chủ tịch nước tặng danh hiệu: “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”. Ngày 22 tháng 10 năm 2019, ông đã từ trần sau một cơn đau tim, hưởng thọ 85 tuổi và ông là người cuối cùng trong số những người đã bắt sống Tướng De Castries tại chiến trường Điện Biên Phủ ngày 7 tháng 5 năm 1954 đã về cõi vĩnh hằng. Tấm gương chiến đấu dũng cảm Đại tá - AHLLVTND Hoàng Đăng Vinh nói riêng và các chiến sĩ Điện Biên Phủ năm xưa nói chung vẫn còn sống mãi với mai sau./.



VUA HỔ

HOÀNG GIÁ

Khi đầu tên tướng giặc cuối cùng rơi xuống cũng là lúc vị Quân Vương trẻ tuổi nghe văng vẳng tiếng người gào thét. Ngài vội tra thanh kiếm vào vỏ, rồi phi ngựa về lên đồi. Qua một con dốc, Ngài nghe rõ tiếng gào thét là của một người đàn bà. Ngài phi ngựa lên đỉnh đồi. Trước mặt Quân Vương là một thung lũng lồng lộng gió, vô cùng tươi đẹp. Tiếng gào thét, chửi rủa âm vang. Hướng mắt về phía ấy, Ngài nhìn thấy trên ngọn một cây nêu, một cô gái bị treo lơ lửng, vành khăn trắng vắt ngang đầu, mái tóc ánh đen bay dài theo chiều gió, hai tay bị trói quặt ra sau, để lộ chiếc yếm trắng và hai vạt áo xẻ tà. Chiếc váy màu đen xẫm bị dây trói chân quần chặt vẫn lộ những hoa văn xinh đẹp nơi gấu, nhất là trên cặp váy. Dưới cây nêu chất đầy củi khô, lúc nào cũng có thể bùng cháy dữ dội. Bao quanh cây nêu là hào nước rộng, xanh biếc. Trên

bờ hào là hàng trăm quân lính gươm đao loạn xạ, hò hét điên cuồng. Không biết cô gái bị trói từ bao giờ mà tiếng thét gào có lúc đã khản đặc. Tuy nhiên thanh âm cao vút của nàng vẫn át đi tiếng hò hét của bọn lính ô hợp:

- Giết đi. Chúng bay cứ châm lửa thiêu sống tao đi. Tao chết. Nhưng Vương quốc của tao không chết, bởi chúng bay là quân xâm lược trái với đạo trời, bởi chúng tao có thánh thần linh thiêng phù hộ, có non sông điệp trùng che chở, có lòng dân chất chứa căm thù... Và nhất là chúng tao có Quân Vương nhân từ, tài ba lỗi lạc...

Bọn lính ré lên cười. Một tên cười con bạch mã (có lẽ là tướng chỉ huy), cất giọng ồm ồm như sấm, quát:

- Quân Vương tài ba lỗi lạc ư? Hắn đã chết ở thung lũng bên kia rồi. Và lại, nếu chưa chết thì liệu hắn làm gì được bọn ta? Chúng ta chưa thiêu chết người là vì

chúng ta nghe nói Quân Vương của các người rất thích cứu thần dân của hắn dù thần dân ấy chỉ là một con mọi, một kẻ khố rách áo ôm. Người sẽ là cái mồi nhử để tên Quân Vương ngu ngốc ấy - nếu còn sống sẽ về đây chui đầu vào rọ...

Bọn lính lại giơ cao các loại binh khí, hò hét vang trời. Cả trong các khe núi, cũng rùng rùng tiếng hò, tiếng hét.

Vì Quân Vương hiểu rằng, bọn giặc này không chỉ có mấy trăm mà còn rất nhiều nấp trong khe núi. Chúng muốn dụ Ngài. Nếu dám tới, chúng sẽ giết Ngài, sẽ chuyển bại thành thắng, sẽ trở lại nô dịch đất nước này. Còn không dám tới thì chúng đã hạ được uy danh, sẽ khiến Ngài thân bại danh liệt. Nhưng... chưa bao giờ Ngài bỏ mặc thần dân, bởi Quân Vương coi thần dân là “Vị quý”, đặt con người lên trên mọi thứ. Dân là gốc. Cây không có gốc hỏi cây nào sống nổi. Vì thế Ngài nhất định phải cứu cô gái này. Nhưng Ngài cũng hiểu rằng, nếu chỉ dùng sức thì không ai dù võ nghệ cao cường đến mấy có thể thoát khỏi vòng vây trùng điệp kia. Vì thế Ngài phải đắn đo suy tính, phải tìm ra diệu kế.

Còn đang phân vân lựa chọn các phương án, Quân Vương chợt thấy một nhóm binh sỹ khoảng hơn chục tên, đang đi về phía ngọn đồi Ngài đang đứng. Đôi mắt Ngài bừng sáng. Ngài vội vỗ nhẹ lên lưng ngựa. Con ngựa chiến tinh khôn nằm xuống. Ngài lặng lẽ biến vào những lùm cây rậm rạp. Lúc sau, đám lính hơn chục tên quay lại, tiến về phía tên tướng chỉ huy vẫn đang chễm chệ trên lưng con

bạch mã. Mười trượng, bảy trượng, năm trượng... Và khi đám lính cách tên tướng chừng ba trượng thì một cái bóng vút lên, nhóe một ánh chớp, đầu tên tướng rơi tõm xuống hào.

Cái bóng ấy chính là Quân Vương.

Ngài đoạt lấy con bạch mã, vung gươm, xông dục hô lớn:

- Ta là Quân vương của Đại Nam Quốc. Mười mấy vạn quân ta đã bao vây chặt khu rừng này. Kẻ nào hàng thì sống, kẻ nào chống thì sẽ như tên tướng không đầu này. Tùy các người lựa chọn.

Dứt lời, mấy trăm tên giặc đồng loạt quỳ xuống. Từ trong các khe núi, hàng ngàn binh sỹ giặc cũng kéo ra, nhất loạt quăng khí giới, quỳ dưới chân bạch mã.

Lúc ấy, quân của Quân Vương mới rùng rùng kéo đến. Ngài thở phào. Thì ra, tên tướng bên kia thung lũng không phải là tên tướng cuối cùng. Ngay cả tên cuối con bạch mã này cũng chưa chắc đã phải là tên tướng xâm lược cuối cùng. Nhưng thắng lợi của cuộc kháng chiến chống xâm lăng là nhất định và người thiếu nữ kia được cứu là đã quá rõ ràng.

Bằng thế “Lão hổ thượng sơn” tinh luyện, Quân Vương quắp mười đầu ngón chân, bật lên lưng ngựa, lấy đà, bay vút về phía cây nêu. Hàng ngàn binh sỹ, cả ta, cả địch kinh ngạc hét lên: “Hồ. Quân Vương là Hồ. Vua Hồ”. Rồi không ai bảo ai, đồng thanh hô lớn:

- Hồ Vương vạn tuế, vạn tuế, vạn tuế!

Tiếng hô vang khắp núi rừng, nhưng

Quân Vương thì lại chẳng nghe thấy gì. Ngài sững sờ khi giáp mặt thiếu nữ. Ôi! Khuôn mặt rực sáng như trăng rằm. Đôi mắt tròn đen láy lóng lánh như mặt hồ dưới ánh trăng rằm. Hàng mi cong vút như dải mây sa... Ngài không tin ở mắt mình, không tin cả lý trí của mình, nên ngập ngừng hỏi:

- Nàng là ai? Là người hay là tiên? Hay là...

Thiếu nữ dịu dàng, e ấp trả lời:

- Thiếp chỉ là thần dân của Ngài.

- Không. Không phải. Ta là Quân Vương của đất nước này, ta đã đi khắp mọi nơi, gặp mọi thần dân. Thần dân ta không có ai đẹp như nàng. Nàng nói thật đi. Nàng là tiên nữ phương nào? Hay nàng là dị nhân tu đạo?

Nàng chỉ nhoen cười. Hàm răng. Ôi! Hàm răng! Và đôi môi mọng đỏ tạo nên khoe miệng như hoa. Người Tàu quen thói nói ngoa, chứ Tây Thi, Chiêu Quân, Điều Thuyền, Dương Quý phi... làm sao có được hàm răng ngà ngọc này? Làm sao có được đôi môi kết tinh của ngàn vạn loài hoa tươi thắm này? Chả vậy mà nàng bị trói ở tít trên cao, ở nơi núi rừng hoang dã mà tiết nhiên không có con chim, con bướm, con ong nào bén mảng. Chúng tự biết, làm sao chúng có thể độ nổi hương sắc với nàng. So với nàng, chim trời, cá nước, hoa tươi, lá thắm chẳng qua chỉ là những thứ tầm thường, những thứ quà vật thiên nhiên thừa bừa quăng đi. Còn nàng. Nàng là Hằng Nga, là Giáng Tiên, là tinh cốt ngọc ngà... nơi cung Hàn, điện Quảng...

Càng nhìn, Quân Vương càng đắm đuối, đến nỗi nàng phải kêu lên:

- Kìa! Ngài hãy mau giải thoát cho thiếp, cho thiếp về Mùong Lát bên kia dãy núi này.

Mùong Lát. Quân Vương bừng tỉnh. Hình như đã có lần Quân Vương thoáng thấy nàng bên Mùong Lát. Hình như... Tên tướng mà Ngài làm tướng là tên tướng cuối cùng bị giết cũng chính là tên tướng chỉ huy trận huyết chiến bên Mùong Lát. Đây là trận quyết chiến cuối cùng sau mấy ngàn ngày gian truân kháng chiến. Hàng vạn kẻ thù đã bị giết. Nhưng cũng ngàn ấy chiến sỹ thân yêu của chúng ta ngã xuống. Ấy là chưa kể những người dân vô tội. Cái giá của cuộc chiến chẳng gì có thể sánh so, chẳng gì có thể đắp bù. Họa chẳng chỉ có độc lập cho Vương quốc, tự do của thần dân mới phần nào lấp đầy nỗi đau mất mát...

Sau cuộc chiến ấy, cô gái bản Mùong Lát quê quệch được cứu sống trở thành Vương Phi. Quan quân Đại Nam Quốc gọi Quân Vương của mình là “Hổ Vương”, dân gian trêu mếu gọi Ngài là “Vua Hổ”, các nước láng giềng cúi đầu thần phục. Hòa bình phủ màu xanh no ấm lên khắp bản làng.

Nhưng...

Bì kịch dần dà xô tới.

Đầu tiên là việc Vương phi hạ sinh Hoàng tử. Hoàng tử vừa mang khí chất uy dũng của Vua Hổ, vừa mang vẻ đẹp tiên sa của Vương phi. Không chỉ Quân Vương, Vương phi mà cả triều đình, cả Vương quốc

vui mừng. Đâu đâu cũng cất lên những lời ca ngợi. Vương phi thấy mình đang sống những ngày tuyệt vời hạnh phúc. Nhưng rồi, dần dần Quân Vương cảm thấy như mình sắp mất Vương phi. Ngài như một gã trai làng ghen tuông mù quáng. Khi Hoàng tử ba tuổi, không nhận được, Ngài ra lệnh đưa Hoàng tử ra khỏi cung để Vương phi không mất thời gian chơi đùa, âu yếm nó, bởi Ngài không thể thiếu Vương phi, dù là một khắc.

Oái oăm thay. Năm sau Vương phi lại sinh một nàng công chúa. Khỏi phải nói, công chúa hoa nhường, nguyệt thẹn như thế nào. Vương phi ra lệnh đóng cửa không cho bất cứ ai vào cung để âu yếm, ngắm vuốt thiên thần bé bỏng. Quân Vương cố dần lòng. Nhưng được vài tuần trăng thì Ngài không thể chịu thêm được nữa. Ngài bắt phải mở cửa cung, hằm hằm ra lệnh cho bọn cung nữ:

- Hãy đem đứa bé này ra khỏi cung ngay. Vương phi là của ta. Ta không cho phép ai cướp mất nàng.

Vương phi quỳ xuống van xin. Nhưng vô hiệu. Đã vậy, Ngài còn bắt Thái y cho Vương phi uống thuốc đoạn thai để nàng mãi mãi không sinh nở, mãi mãi thanh xuân, xinh đẹp. Vương phi buồn lắm. Ác thay. Nàng càng buồn thì lại càng xinh đẹp, càng làm Quân Vương mê mẩn, ở hẳn hậu cung, quên hết mọi thứ trên đời.

Thời gian cứ lặng lẽ trôi. Hoàng cung chìm trong yến tiệc, phủ lên bóng đêm rờn rợn viển cảnh đau thương, đổ vỡ...

Một hôm, Thái úy tính nóng như lửa

đốt, xông vào cung Vương phi, đòi gặp Quân Vương. Vua Hồ giận lắm. Vương phi phải khéo léo can ngăn mãi, rồi lựa lời xin cho Thái úy tâu bày. Thái úy ôm mặt khóc, thưa rằng:

- Phía Tây, quân Oa Oa đã chiếm cả vùng Tây Bắc, Mường Lát bị tàn phá, giết sạch không một người sống sót. Phía Đông, giặc Cha Cha, con nước triều nào cũng đưa hàng chục chiến thuyền vào cướp bóc, giết hại dân lành. Phía Bắc tỏ vẻ hữu nghị, thân thiện. Nhưng quân thám của ta phát hiện chúng tập trung tới sáu mươi vạn quân dọc theo biên giới, chắc chắn bao lâu sẽ phát động cuộc chiến tranh xâm lược...

Nghe vậy, Vương phi thì đau đớn, hoảng hốt. Còn Quân Vương thì đập tay xuống sập, gay gắt hỏi:

- Thế Trẫm phong khanh chức Thái úy là để làm gì? Nếu sau một tuần trăng mà không đuổi được bọn Oa Oa, nhân chìm bọn Cha Cha, không dám “Tiên phát chế nhân” bọn phương Bắc thì khanh hãy đem đầu về nộp. Thôi, đi đi...

Nhưng chưa hết tuần trăng thì Quân Vương lăn ra ốm. Ngày thứ ba thì sốt ly bì, mê man bất tỉnh, luôn kêu thét, oằn oại, toàn thân nổi những vết đỏ đen vằn vằn như loài hổ. Các ngự y thay nhau thăm khám, không phát hiện ra bệnh gì. Vương phi đành ban chiếu trong toàn vương quốc. Nếu ai chữa khỏi cho Quân Vương thì sẽ phong cho đứng đầu Thái y viện, con cháu mãi mãi được tập quyền. Chiếu đã ban cả tháng mà chẳng thấy danh y nào xuất hiện. Khốn nạn, bao nhiêu thầy thuốc giỏi trong

thiên hạ đều đã vào cung thì còn đâu danh y mà triệu?

Cũng may. Vận Đại Nam Quốc chưa tận. Vào một đêm ba mươi, tối như hũ nút, có một cụ già rách rưới, hôi hám, quê tận vùng Tây Bắc, tự xưng là danh y xin yết kiến Vương phi. Vương phi vội vã mời vào. Vị danh y bắt mạch, lắc đầu, bảo:

- Bệnh này quả là kỳ lạ, giống như bị trừng phạt chứ không phải bệnh. Ta có thể làm cho Hoàng thượng tỉnh lại. Còn bệnh có lui hay không là tùy thuộc mệnh trời, tùy thuộc vào sự thức tỉnh. Ta chịu.

May sao, sau khi uống thuốc, Quân Vương bừng tỉnh, cơn sốt cũng lui dần. Ngài gắng gượng ngồi dậy, nắm chặt tay Vương phi mà khóc. Nước mắt Ngài chảy qua những vết vằn ngang dọc, xèo xèo thành khói sương trắng lảng. Ngay đêm ấy, Ngài ra lệnh thiết triều. Vương phi dìu Ngài lên ngai vàng, định lui xuống thì Ngài kéo lại, nói với bá quan văn võ rằng:

- Đất nước này đang lâm nguy. Trẫm sẽ cùng các khanh, cùng thần dân trăm họ tìm cách giải nguy. Nhưng, mối nguy lớn nhất vẫn là mối nguy từ chính lòng mình. Trẫm muốn kể cho các khanh một câu chuyện. Mà không. Một giấc mơ - giấc mơ trong những ngày Trẫm lâm trọng bệnh.

Trẫm mơ Trẫm đã băng hà. Bọn quý sứ dẫn Trẫm tới trước một phán quan, mặt đen như tro, mắt sáng như đuốc, miệng đỏ lừ, phà hơi như bể lò rèn. Phán quan đập bàn, quát hỏi:

- Người dưới kia có phải là “Vua Hồ”?

Hừ. Phán quan thì chỉ là một chức quan, sao dám vô lễ với Trẫm. Nghĩ vậy, Trẫm không thèm trả lời, còn quay lưng lại. Túc thì hàng trăm chiếc roi kết bằng sợi những cây Tầm Ma chứa đầy chất độc vút tới, quất lên cơ thể Trẫm bồng rạt. Chưa bao giờ Trẫm lại đau đớn như lúc ấy. Nhưng Trẫm là Vua một nước, dễ gì khuất phục. Bằng bản lĩnh của mình, Trẫm quơ tay tóm lấy những chiếc roi. Lạ thay, những chiếc roi tan biến thành nước, vẩy lên những vết bong xèo xèo rất buốt. Những vết bong lồi lên, đen đỏ, vằn vện, giống như da của loài hổ dữ. Không thể chịu đựng, Trẫm đành khâu đầu quy phục.

Phán quan tiếp tục hỏi:

- Người có biết vì sao người bị bắt xuống đây không?

Trẫm lắc đầu.

-Vậy ta nói cho người biết. Người làm Vua nhưng ham mê tử sắc, không ngó ngàng tới triều chính, để tham quan lộng hành, cậy chức, cậy quyền, kết bè, kết đảng, tham ô, những nhiều đến nỗi kho tàng trống tuếch, quân đói, dân khổ, tạo cơ hội cho lân bang xâm lấn, nước có nguy cơ mất, dân có nguy cơ trở lại làm nô lệ. Thế mà người chỉ biết có Vương phi. Người đáng tội gì?

Trẫm bừng tỉnh. Một bản thống kê tội danh hiện ra trước mặt. Trẫm chăm chú đọc. Càng đọc, Trẫm càng run lên. Trẫm không ngờ mình sắp trở thành tội danh thiên cổ. Trẫm xấu hổ, cúi đầu, xin được tha thứ để trở lại củng cố triều đình, chấn hưng đất nước, đánh đuổi quân xâm lược.

Phán quan gật gật cái đầu, rồi dịu giọng hỏi tiếp:

- Bây giờ về, việc đầu tiên ngươi sẽ làm gì?

- Sai từ đâu sẽ sửa từ đó. Tôi ham mê tử sắc, để triều cương rối loạn, quốc gia lâm nguy, thần dân khổ cực... thì việc đầu tiên tôi sẽ không uống rượu và... và đuổi Vương phi về bản của nàng.

Chát. Phán quan giận dữ, đập bàn thét lớn. Mấy chiếc roi Tầm Ma lại vun vút bay tới. Trẫm nghĩ vị phán quan này không tin mình, cho rằng mình không thể dứt bỏ Vương phi, họa sau còn to hơn họa trước, bèn cố chịu đau, thưa rằng:

- Xin Ngài hãy tin tôi. Tôi sẽ giết Vương phi, sẽ diệt tận gốc mối họa quốc gia, sẽ...

Những chiếc roi Tầm Ma lại vun vút quất vào da thịt. Trẫm quần quai trong vũng máu. Một lần nữa đành khầu đầu chịu mệnh.

Phán quan lúc ấy mới hạ giọng mà nói rằng:

- Tội là của ngươi, sao ngươi dám đổ cho người khác? Ngươi có biết vì ngươi mà Hoàng hậu oán hận Vương phi, đã mấy lần cùng bọn phi tần lập mưu ám sát? Ngươi có biết vì ngươi mà Vương phi mất con, khổ đau khóc không thành tiếng. Tại ngươi ích kỷ, không kìm nổi ham muốn, chứ tại sao lại đổ cho Vương phi xinh đẹp? Đàn bà đẹp là do trời ban cho họ, cho cả giới đàn ông, cho cả loài người. Họ đâu có tội tình gì. Nếu đẹp mà có tội thì cả vũ trụ này chỉ toàn là tội. Ngươi đòi đuổi Vương phi

về quê. Quê nàng ấy đã bị bọn Oa Oa triệt hạ, tất cả người thân của nàng ấy đã bị sát hại dã man. Ngươi định đuổi nàng ấy về đâu? Ngươi với Vương phi bao nhiêu năm môi ấp má kề, tình nghĩa phu thê tưởng ghi xương, khắc cốt. Thế mà ngươi định giết nàng. Ngươi đâu xứng là người, đâu xứng là Quân Vương một nước, đâu xứng với nàng. Cái mà quốc gia đang cần, triều đình đang cần, Vương phi đang cần là lương tâm ngươi, là sự thật lòng hối cải, là danh tiếng “Vua Hổ” ngày nào...

Trẫm như kẻ ngu mê bừng tỉnh, nhận ra tất cả lỗi lầm. Hôm nay, đông đủ văn võ bá quan, Trẫm xin được tạ tội với tổ tiên, với sơn hà xã tắc, với tất cả các khanh và... với Vương phi...

Đúng lúc ấy, có tin báo người mang lệnh phù của Thái úy hồi triều. Quân Vương cùng bá quan văn võ vừa vui mừng, vừa hồi hộp ra tận cửa điện nghênh đón.

Một đôi thiếu niên nam nữ vận võ phục cùng một vị tướng già rạp đầu cúi lạy, rồi vị tướng già thưa rằng:

- Bẩm Bệ Hạ. Nhờ hồng phúc tổ tiên, nhờ hồn thiêng sông núi, nhờ quân dân anh dũng, trên dưới một lòng mà giặc Oa Oa đã bị đánh tan. Bọn Cha Cha không còn dám lớn vồn ngoài khơi. Sáu mươi vạn quân phương Bắc đã vội vã rút lui. Đất nước đã trở lại thanh bình.

Quân Vương và bá quan văn võ không ai tin ở tai mình. Quân Vương bần khoản truyền hỏi:

- Sao đã thắng trận mà Thái úy không về? Thái úy đang ở đâu?

Vị tướng già nghẹn ngào ôm mặt, nước nở thừa:

- Bẩm. Bẩm Bệ hạ. Thái úy đem đội thân binh đi do thám để lập kế “Tiên phát chế nhân”, chẳng may rơi vào ổ phục kích, bị bọn phương Bắc bắt sống. Chúng ra sức dụ dỗ, hứa hẹn. Ngài đã hiên ngang vạch trần dã tâm xâm lược và những thủ đoạn dê hèn của chúng. Không đạt được mục đích, chúng tra tấn, hành hạ Ngài vô cùng dã man, rồi vu Ngài là “xâm lược”, xử ngũ mã phanh thây. Ngài đã anh dũng hy sinh.

May mà...

Quân Vương bật lên tiếng kêu đau đớn, rồi hướng lên phía Bắc, ngẩng cổ than rằng:

- Trẫm đã hại Ngài. Ở triều Ngài là thần. Trong nhà Ngài là cậu, là Thầy của Trẫm. Làm sao Trẫm có thể tha thứ cho mình.

Nói rồi, Quân Vương ra lệnh mang roi “Đả Vương” từ thời Thái Tổ ra, sai quan chấp hình đánh Ngài năm mươi roi. Bá quan văn võ rập đầu can ngăn không được. Bấy giờ, vị tướng già mới thông thả thừa rằng:

- Bẩm Bệ hạ. Lúc xã tắc lâm nguy. Thái úy đã ra công chèo chống. Thái úy không còn, mỗi nguy lại càng gấp bội. Nay giặc tan, lòng người quy về một mối, thiên hạ thái bình... Sao Bệ hạ không hỏi lúc ấy ai là người đứng ra cứu dân, cứu nước? Ai là người bình Tây, dẹp Đông, đe Bắc? Chiến tranh thì phải có hy sinh, mất mát. Thái úy không hổ với lòng mình, đem thân bọc trong da ngựa. Bệ hạ là Quân Vương,

đau nỗi đau dân nước, nhưng không thể khăng khăng làm theo ý của riêng mình, bởi Người là Quân Vương, là chỗ dựa cho thân dân cả nước...

Nghe vị tướng già nói lời gan ruột, Quân Vương bừng tỉnh, chân thành bảo:

- Trẫm cảm ơn khanh. Tội của Trẫm không thể tha, nhưng hãy tạm thời gác lại. Phiền khanh chỉ cho người anh hùng cứu dân, cứu nước để Trẫm tạ tội và cảm ơn Người.

- Xin Bệ hạ cho phép hai thiếu niên, hai dũng tướng, cũng là hai đại công thần được ngẩng cao đầu, yết kiến Quân Vương.

Được Đức Vua cho phép, hai thiếu niên đứng dậy, thông thả bước tới trước mặt Quân Vương. Quân Vương bàng hoàng ngơ ngác, văn võ bá quan thì vô cùng kinh ngạc. Chàng trai kia há chẳng phải là Quân Vương thời trai trẻ? Còn cô gái kia chẳng phải là Vương phi khi mới tiến cung?

Nhà Vua nhìn vị tướng già, vị tướng già thông thả kể hết sự tình. Nghe xong, bá quan văn võ quỳ rạp xuống, hô vang:

- Hoàng tử, Công chúa thiên tuế. Đại Nam Quốc vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế...

Từ trên ngai vàng, Vương phi vội vã bước ra. Đã bao tháng ngày nàng phải giấu đi nước mắt, bây giờ mới thả sức tuôn trào. Ôi! Những giọt nước đắng cay mặn chát sau bao nhiêu lỗi lầm, bao nhiêu khổ đau, chia ly, mất mát. Nước mắt của sự hối hận, của những niềm tin. Và đương nhiên đó là những giọt nước mắt của hạnh phúc tận cùng!



NHỮNG BỮA CƠM CHIỀU

NGUYỄN THANH NGÀ

Đã bao mùa đi qua, những cơn gió thổi từ nơi này tới nơi kia có khi nào là ngọn gió mùa đã cũ? Tôi theo đồng mà nướng nấu, theo gió mà lớn lên. Chiều khói vương như màn sương giăng ngoài sông, ngoài bãi. Tôi lần theo lối cũ trở về nhà. Ngôi nhà ba gian cũ kỹ, không gian vẫn còn đây mà mọi thứ im lặng như tờ. Chiều nắng muộn, sao lòng tôi giăng mắc, nhưng nhớ về bữa cơm chiều ngày xưa!

Những bữa cơm chiều, liêu xiêu cái liếp tre của bà hé mở. Tôi chân trần nhón gót để với cái kiềng sắt, đặt xuống giữa nhà. Chị Gái bắc cái mâm bằng đồng đi từ dưới bếp, đặt vào cái kiềng. Bao giờ cũng vậy, mâm cơm không có cao lương mỹ vị, chỉ có bát canh rau tập tàng, bát cà muối và mấy con cá khô. Vậy mà ngọt ngon đến

lạ. Rau tập tàng chị tôi hái khi buổi chiều làm cỏ trên cánh đồng xa, mây la đà như muốn giữ sợi nắng còn sót lại. Mấy ngọn rau muối, rau rệu, rau rền... Những thứ rau chúng thấy đất là mọc lên nhú đều và xanh non mơn mớn. Chị hái cho đầy nón lá, còn vương vít hương thơm của lúa đang trở đồng đồng.

Bà quét sân bằng chiếc chổi nan ông làm. Ông pha tre thành từng giống, chẻ tư, chẻ tám. Rồi lại chẻ ngang, chẻ dọc. Bà đem phơi nan rải đầy trên trên. Lạt cũng từ cây tre non dẻo dai mà tự bện anh em nhà tre của mình để thành chiếc chổi nan xoèn xoẹt trên nền đất. Làng tôi, ai cũng làm chổi từ tre, tre hong đầy dưới nắng, tre đan trắng trên sân và đợi tới buổi chiều, bà gom lại thành từng đống đã khô vừa đủ. Bà tôi bao mùa tảo tần trên đồng rồi lại thoăn

thoắt trên chiếc lưng còng gánh chổi lên buổi chợ phiên để bán. Hình ảnh của bà trong chiếc áo nâu màu gụ, cứ ngân ngấn trong đôi mắt tôi như muốn nhào ngay về những ngày đã cũ mà gặp bà trong đó. Bà ra đầu ngõ, gọi tôi về ăn bữa cơm chiều.

“Na ơi!”, tôi nghe giọng của bà nhưng vẫn còn la cà với đám bạn chơi trò bịt mắt bắt dê chưa muốn về. Tôi chỉ đáp lại bà một câu: “Dạ!” rồi lại khúc khích cười vì cái Quỳnh bị tôi túm gấu áo, nằm gọn trong nắm tay tôi không chạy được nữa. “Mang cái ‘dạ’ về ăn cơm Na ơi!”. Nghe tới đây, tôi biết, tôi phải lẩn về thật nhanh bởi có thể bó nan chổi của bà sẽ hạ xuống mông tôi vì tội ham chơi không chịu về bắc kiềng cho chị Gái dọn mâm, dọn bát.

Cả nhà tôi ăn cơm, bà lấy mẫu cháy dưới đáy nồi để ông nhắm rượu. Cháy giòn như bánh đa, tôi cũng bảo bà cạo cho tôi xin một mẫu cháy. Răng tôi sắc nên cháy giòn rụm trong miệng. Ông móm mém, khen tôi còn nhỏ, răng chắc khỏe chứ không như ông. Tôi mỉm cười mong ước sao mình chẳng bao giờ lớn lên nữa, cứ mãi qua tuổi lên tám rồi lại vòng xuống tuổi lên năm. Tôi hỏi ông, người ta có thể sẽ mãi nhỏ tuổi được như thế không? Ông cười khà khà, chỉ lên trời, ông bảo có mỗi trăng là tuần hoàn từ lưỡi liềm rồi tròn vành giữa tháng. Tôi phải lớn lên và ông phải già thôi. Chòm râu bạc và nước da ông đồi mồi, bên bữa cơm chiều tiếng bát đũa xô nhau nghe vui tai vội vội.

Tôi thích nhất là nơi khoảng sân nhà, khi vương nắng trải đầy, lay rây trên cành lá ổi bên vườn. Những trái ổi còn xanh, tôi rủ lũ bạn cùng chơi bấm nát dấu móng tay, chỉ để mong mỗi khi nào chúng chuyển

ưng rồi chín. Chiều bịn rịn, bố mẹ tôi đi công tác trên thị trấn trở về, trong chiếc làn của mẹ, vài gióng mía và những quả hồng xiêm màu nâu trầm chưa chín. Chị Gái dạy tôi thái bí ngô hình ô vuông dưới bếp. Bà mua thêm râu cá diếc về kho dưa. Mẹ vo gạo nấu cơm, khi đàn gà mái mơ vừa dất diu lũ con vào chuồng đi ngủ. Tôi đếm vừa đủ mười chú gà con lông vàng. Khói bếp nhà nhà bay lên, những mái ngói màu nâu nhuốm thời gian bạc thếp.

Buổi chiều đầm ấm trong tôi, cả nhà tôi quây quần trên chiếc chiếu hoa bà trải giữa nhà thay cho chiếc kiềng bằng sắt. Mâm cơm chị Gái dọn lên, tôi chia bát, so đĩa và nghe râm ran những câu chuyện ở cơ quan của bố mẹ vui như ngô rang, pháo nổ. Ánh đèn bên hiên nhà vàng vọt bầy những con thiêu thân lao vào ánh sáng. Trăng lưỡi liềm đầu tháng ngẫu nhiên trên nền trời. Buổi chiều vừa trôi qua, hoàng hôn vừa buông màn khép mắt.

Tôi đi qua bao bữa cơm chiều mà lớn khôn qua tuổi lên tám và đến tuổi lên mười. Từ cái ngày tôi phải kiềng cao chân mới với tới cái kiềng sắt. Cho tới khi tôi mười tám, lúc ấy chiếc kiềng sắt treo trên tường cao ngang ngực tôi. Ông bà tôi đã về với mây trời, ngày cưới chị Gái, mọi người đặt lên bàn thờ mâm cơm qua làn khói nhang để ông bà tôi biết. Tôi lớn lên, như con chim đủ lông cánh bay cao, bay xa. Chiều nay men theo lối cũ về thăm lại căn nhà. Đâu đây tiếng bà gọi tôi vang xa ngoài ngõ, dáng ông ngồi vè diều thuốc bên hiên và cả nhà tôi lại quây quần đoàn viên, bên buổi chiều nồi cơm canh ấm nóng.

NGUYỄN NHƯ HẠO

Ký ức sông

Bài thơ mà sông viết
Là lời thơ văn xuôi
Bức tranh mà sông vẽ
Màu cần lao một đời.

Thơ viết về mùa thu
Nghĩêng một trời thương nhớ
Chiếc lá nào vừa rơi
Sáng hồng lên sắc lửa.

Bức tranh họa về bến
Có bóng con đò trôi
Có dáng người hôm trước
Cháy tình yêu mặt trời.

Khi mang hình lưỡi cày
Khi thanh gươm, ngọn bút...
Trong đêm tối một vùng
Sông hóa thành ngọn đuốc.

Giữ bình yên đất nước
Chả lụy phiền cho ai
Như tấm lòng của sóng
Chả làm đau sông dài.

Dọc theo dòng sông xuôi
Làng quê yêu biết mấy
Có người ở bên này
Thả sóng... về bên ấy./.

NGUYỄN ĐỨC THÌN

Linh khí rồng lên

Đền Đô linh khí Rồng lên
Chiếu dời đô dựng xây nền văn minh
Đại Việt đất nước bình minh
Thăng Long hào khí dân mình khát mong
Xứng danh con cháu Lạc Hồng
Lý triều cường thịnh thái bình dân an
Nghìn năm truyền nổi giang sơn
Trường Sơn hùng vĩ nước làng kết thân./.

NGUYỄN HÀ HẢI

Con vào quân ngũ

Mẹ ơi con phải đi rồi
Hai năm nghĩa vụ, cuộc đời tân binh
Xuyến xao nhớ lắm gia đình
Nhớ vòng tay mẹ, nhớ tình quê hương.

Nắng mưa rèn luyện thao trường
Bước vào quân ngũ lòng con đông đầy
Người thân, bè bạn chia tay
Chúc anh bộ đội hăng say luyện rèn.

Anh đi chân cứng đá mềm
Có hình Tổ quốc trong tim tự hào
Rộn ràng dưới lá cờ sao
Quyết tâm thì nhiệm vụ nào cũng xong./.

ĐÀO QUANG VINH

Những trái tim tình nguyện

Những trái tim tình nguyện
 Hay mang nỗi ưu tư
 Gặp đứa trẻ bơ vơ
 Đêm vẫn vợ khó ngủ.

Những trái tim tình nguyện
 Không hẹn mà gặp nhau
 Dựng xây những cây cầu
 Thông đôi bờ ngăn cách.

Thương vùng xa, vùng sâu
 Đâu nỗi nghèo hiểu biết
 Xót rưng nhiều... đáng tiếc
 Mà tình nguyện tới đây.

Cắm con lũ về đêm
 Cuồng điên vui bản nhỏ
 Chung tay dựng nhà cửa
 Lấp dần cảnh tang thương.

Xóa bóng đêm bằng đèn
 Hiến dân làng cái chữ
 Bà con cất mình lên
 Hồn rừng ra sức giữ./.

THÁI KHOÁT

Bóng dáng làng quê

Mãi còn bóng dáng làng quê
 Nơi ta nung nấu đi về sớm hôm
 Người quê nức tiếng thảo thơm
 Bát canh cua bầy, lưng cơm quả cà.

Tép riu kho lá chanh già
 Trám bùi, sung chát mà ra hồn làng.
 Bới đào đất tìm hạt vàng
 Đổi mồ hôi lấy mùa màng bội thu.

Trông trắng sáng, ngấm trắng lu
 Biết trời giông bão, lời ru càng buồn.
 Người quê vẫn vít rạ rơm
 Rách lành đùm bọc nặng ơn nghĩa tình.

Quê giờ đã hóa thị thành
 Máy ai mang nặng bóng hình làng quê?
 Cỏ non xanh mượt triền đê
 Xuống sông giữ sạch tái tê cõi người./.



“Giữ lửa” CHO LÀNG NGHỀ ĐẬU TRÀ LÂM

VĂN HOÀN - HỒNG NHUNG

Làng Trà Lâm, xã Trí Quả, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh nằm trong vùng văn hóa Dâu cổ kính, gần với thành cổ Luy Lâu, là trị sở của quận Giao Chỉ đầu công nguyên. Chính vì vậy, làng Trà Lâm xưa sớm đã chịu sự ảnh hưởng của trung tâm văn hóa, chính trị, kinh tế Luy Lâu tạo nên những nét đẹp văn hóa truyền thống đặc sắc với nhiều công trình văn hóa cùng các phong tục tập quán truyền thống được hình thành trong cộng đồng. Đậu Trà Lâm là sản phẩm nổi tiếng, có lịch sử lâu đời của cộng đồng dân cư thôn Trà Lâm. Làng nghề này đã được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh kiểm kê và lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể năm 2020.

1. Truyền thuyết tổ nghề và quy trình sản xuất đậu truyền thống của làng Trà Lâm

Bàn về lịch sử làng nghề đậu Trà Lâm, nhà nghiên cứu Phạm Cẩm Thượng trong sách **Văn minh vật chất của người Việt** (2011) cho rằng: “Làng Trà Lâm ở Thuận

Thành có nghề làm đậu phụ lâu đời, có lẽ được vài thiền sư Trung Hoa từng ở chùa Bút Tháp gần đó, trong thế kỷ 17, truyền cho”. Cho đến nay, không còn ghi chép nào nói đến vị tổ nghề của làng đậu Trà Lâm. Theo các cụ cao niên ở địa phương được nghe và được truyền lại thì tổ nghề chính là thiền sư Chuyết Chuyết. Tương truyền vào khoảng nửa đầu thế kỷ XVII, ven dòng sông Dâu, thiền sư đi từ chùa Phật Tích sang chùa Bút Tháp đã truyền nghề làm đậu cho bà con Trà Lâm và được kế tục từ đó đến giờ.

Chuyết Chuyết (1590 - 1644) sinh ra tại Chương Châu, tỉnh Phúc Kiến trong gia đình họ Lý. Các tài liệu gần nhất với thời đại ông ở Đại Việt như Tổ sư xuất thế thực lục Minh Hành biên soạn, Kế đăng lục của Như Sơn thiền sư, văn bia Hiến Thụy am Báo Nghiêm tháp bi minh, Vạn phúc Đại thiên tự bi, Chuyết Chuyết cúng tổ khoa... đều cho biết, ông tên hiệu là Chuyết Chuyết, tên húy là Viên Văn, là người Tiệm Sơn, Hải Trừng, Thanh

Chương, đất Mân Việt, nay thuộc huyện Long Hải tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc). Đây là địa điểm ngay sát thị trấn Nguyệt Cảng, một trong những bến cảng lớn nhất ở Phúc Kiến và Nam Trung Quốc, đầu mối cho các thương nhân người Hoa di cư buôn bán ra nước ngoài. Chuyết Chuyết lớn lên trong không khí buôn bán sầm uất của phố cảng, tôn giáo và văn hóa Phật giáo thịnh hành. Khi còn nhỏ, cha mẹ Chuyết Chuyết đã sớm mất, khiến ông phải ở với người thím, ông thường đến chùa chiêm đọc sách cho yên tĩnh và một lần như thế được Tiệm Sơn trưởng lão khai mở tâm pháp và quy y cửa Phật. Chuyết Chuyết xuất gia khi còn nhỏ khi mới 15 tuổi (đồng chân nhập đạo) và tu hành tại chùa Nam Sơn là một trong những ngôi chùa nổi tiếng của huyện Thanh Chương. Sau khi xuất gia, thụ giới Tỳ khưu (1607 - thời Vạn Lịch), nhận tên húy trong nhà chùa là Viên Văn, tên hiệu là Chuyết Chuyết. Tên húy Viên Văn là cách được đặt theo bài kệ truyền thừa dòng Trí Bản Đột Không. Viên Văn là đệ tử của Tăng Quán đức Đà Đà thiền sư đời thứ 33 dòng Lâm tế chính tông tại chùa Nam Sơn. Tuy nhiên, Chuyết Chuyết không ở lại chùa Nam Sơn, không kê đăng và đã du hóa tha phương. Ông sang Cổ miên quốc, rồi trở về Phúc Kiến và lần thứ 2 dời quê hương, ông trở lại Thuận Hóa. Tại Thuận Hóa, ông bôn du ra Bắc và ở lại Thăng Long cũng như Kinh Bắc cho đến cuối đời. Sự nghiệp của ông, không dừng lại ở bôn du, mà dừng lại ở truyền đạo nơi đất Bắc, tông môn rộng mở, chúng đệ tử mấy chục người, hàng pháp tôn hàng trăm người, tông phong với tổ đình chính là Phật Tích và phụ là Bút Tháp. Chuyết Chuyết đã ghi lại dấu

ấn với đời, với đạo, với văn hóa Việt Nam bằng truyền đạo Lâm tế, từ bài kệ Trí bản đột không đến bài kệ truyền phái 48 chữ của chùa Nam Sơn cũng như dòng thiền Lâm tế ở miền Nam - Trung Quốc. Đệ tử thượng thủ của ông có nhiều, tiêu biểu các thiền sư: Minh Huyền, Minh Lương, Minh Hành... Trong đấy, Minh Hành tiếp nối chí thầy xây dựng chùa Bút Tháp rồi chung thân đất đó. Minh Lương là đệ tử gần như cuối cùng, còn trẻ, truyền cho Chân Nguyên và Chân Nguyên nối chí mở rộng tông phong toàn bộ Lâm Tế tông miền Bắc cho đến ngày nay. Chuyết Chuyết, với con đường từ Phúc Kiến sang Cổ Miên, trở về Phúc Kiến rồi lại sang Thuận Hóa và ra Bắc Việt, tạo nên dòng chảy, nốt thăng nốt trầm trong sự biến động của xã hội. Điều đó phần nào lý giải, con đường ông đã đi qua, sóng và gió, người Hoa và thương thuyền, di cư và tông giáo trên vùng biển Á Đông.

Nếu như truyền thuyết về tổ nghề đậu Trà Lâm gắn liền với vị thiền sư Chuyết Chuyết thì nghề làm đậu của người dân nơi đây lại không tách rời các ngôi chùa, các vị sư tăng. Điều này không lạ, bởi làng Trà Lâm - xã Trí Quả nằm ở vị trí trung tâm Phật giáo đầu tiên của nước ta Bút Tháp - Luy Lâu - Dâu, là nơi tập trung các tăng ni Phật tử, nguồn thực phẩm chính trong các bữa ăn hàng ngày của họ là đậu phụ, vừng, lạc... Có lẽ đây là yếu tố quan trọng để cho ra đời một làng nghề truyền thống - làng đậu Trà Lâm.

Đậu Trà Lâm có từ xưa, nổi tiếng gần xa, được nhiều người biết tới nhưng muốn cho sản phẩm được thơm ngon, mịn và bảo quản được lâu thì người làm đậu cần tuân

thủ các công đoạn khá phức tạp.

Trước tiên là loại bỏ các tạp chất cơ học trong đậu tương: làm sạch các tạp chất cơ học trong đậu tương như: hạt sâu mọt, hạt mốc, hạt lép, rơm hay đất đá có lẫn trong nguyên liệu. Sau đó tiến hành ngâm hạt. Công đoạn này rất quan trọng, tùy theo thời tiết, nếu mùa nóng thì ngâm đỗ chừng khoảng 3 đến 4 giờ đồng hồ, nếu mùa lạnh thì ngâm độ 5 đến 6 giờ. Nếu ngâm quá lâu sẽ khiến đỗ tương lên men, sủi bọt giảm độ ngậy của sản phẩm. Mục đích của việc ngâm hạt giúp cho hạt đậu mềm hơn, dễ tách vỏ, tăng được hiệu suất nghiền, đồng thời cũng cải thiện màu sắc và mùi vị sản phẩm.

Công đoạn tiếp theo là đãi vỏ và xay ước: Khi đãi vỏ cần phải loại bỏ những hạt đỗ ngâm mà không nở, tục gọi là hạt “nhon”, nếu lẫn phải những hạt này sẽ làm tanh mùi của đậu. Sau khi ngâm, vỏ đậu tương tách khỏi hạt thì tiến hành đãi vỏ để thu về phần lõi hạt. Sau khi đãi vỏ xong thì cho vào xay ước để cho kích thước hạt đậu giảm đáng kể thành các hạt mịn. Trước đây khi chưa có máy móc, người dân Trà Lâm thường xay đậu bằng những chiếc cối đá, xay bằng cối đá sẽ mịn hơn xay bằng máy.

Sau khi đã xay ước xong phải lọc thêm một lần qua túi lọc để loại bỏ bã lọc, giúp cho sản phẩm được mịn và màu sắc trắng hơn. Vải lọc cũng phải chọn loại vải có mắt lưới vừa phải, không khít quá cũng không được thưa quá. Nếu mắt lưới quá khít sẽ khiến nhựa của hạt đậu tráng thành một lớp trên bề mặt khiến nước đậu không lọt xuống được; nếu mắt lưới thưa quá thì bã sẽ lẫn xuống theo mắt lưới. Tám vải được khâu thành một chiếc túi, người làm



cho đậu xay xong vào rồi cho thêm nước vào vắt, vắt đến khi thấy nước hơi trong thì thay lần mới.

Một công đoạn quan trọng trong quá trình làm đậu là đun và kết tủa. Sau khi vắt xong nước đậu, người làm đậu sẽ đem đun và theo dõi đến lúc thấy nước đậu sôi lăn tăn thì bắc ra ngay, tuyệt đối không để nước đậu sôi bùng lên, đậu sẽ bị giảm độ ngậy. Kết tủa đậu là bước phức tạp và cần sự dụng công nhất của người làm đậu. Công đoạn này thường dùng nước chua tự nhiên. Lượng nước chua cần dùng từ 20 - 22% lượng nước đậu cần kết tủa. Giai đoạn đầu cho ½ lượng nước chua, sau 3 phút cho ½ lượng nước chua còn lại, sau 3 phút nữa thì cho hết số lượng nước chua còn lại. Cuối cùng, vừa cho nước chua vừa khuấy nhẹ, đến khi thấy nhiều hoa bông kết tủa thì ngừng cho thêm nước chua.

Công đoạn cuối cùng của nghề làm đậu ở Trà Lâm là ép khuôn. Khi nước đậu đã kết tủa, người làm phải khéo léo gạn bớt nước trong đi. Nước gạn ra được đổ riêng vào một chiếc chum khác để gậy chua, tạo nước chua để thực hiện công đoạn kết tủa

cho mẻ đậu sau. Sau đó cho vãi gạt vào trong khuôn, vuốt cho phẳng phiu rồi mức nước đậu đã kết tủa vào, đóng nắp khuôn lại rồi dùng một chiếc đòn ngang được buộc đá hay vật nặng ở 2 đầu và bắt đầu ép. Công đoạn này diễn ra trong khoảng 10 phút thì được. Khi hoàn thành việc ép khuôn, người làm sẽ nhấc khuôn đậu vừa ép xong ra bàn để nắn lại cho đậu vuông vắn, đẹp mắt, chờ đậu nguội thì cắt thành từng miếng đậu nhỏ. Nếu muốn bảo quản đậu được lâu thì cần ngâm đậu vào nước và phải thay nước liên tục.

2. Vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị di sản làng nghề đậu Trà Lâm

Sản phẩm đậu do người dân Trà Lâm sản xuất được gọi là “đậu gù Trà Lâm”. Đậu gù Trà Lâm khiến người ta ấn tượng bởi kích thước của mỗi bìa đậu thường rất to, dày. Đây là món ăn dễ chế biến, có thể ăn sống, rán giòn ăn với rau kinh giới, cầu kì hơn thì có món đậu nhồi thịt sốt cà chua ... Khi thưởng thức thì đậu có vị thanh mát, bùi và ngọt. Ngoài ra, làng nghề đậu Trà Lâm còn có hai sản phẩm phụ là tào phớ và sữa đậu nành cũng được nhiều người ưa chuộng. Đậu Trà Lâm nức tiếng một vùng nên có một thị trường tiêu thụ khá rộng. Không chỉ cung cấp cho nhân dân địa phương mà còn cung cấp cho thành phố Hà Nội và các vùng lân cận như: Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Giang...

Ở mỗi làng nghề xưa nay, tự nó đã có sẵn hai yếu tố cơ bản: truyền thống văn hóa, truyền thống nghề nghiệp. Hai yếu tố ấy hòa quyện, không tách rời tạo nên văn hóa làng nghề. Văn hóa làng nghề đậu Trà Lâm hội tụ tất cả những thuần phong mỹ tục,

sinh hoạt làng xóm, đoàn kết cộng đồng, tinh hoa nghề nghiệp, tài năng nghề nhân. Trên bình diện kinh tế, xã hội nghề làm đậu Trà Lâm cũng không kém phần quan trọng. Bởi vì những người làm nghề sống bằng nghề nghiệp của mình. Sản phẩm làm nghề là sản phẩm hàng hóa; mang lại hiệu quả kinh tế rất lớn cho người dân.

Làng nghề đậu Trà Lâm cũng như nhiều làng nghề khác, trong quá trình vận hành và phát triển đều có hai mặt: tích cực và hạn chế. Vấn đề cần đặt ra là ta phải đánh giá, nhìn nhận khách quan mặt được, mặt chưa được để có những phương án phù hợp đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản này.

- Về mặt tích cực: Tuy được coi là nghề phụ nhưng thực chất làm đậu lại mang về hiệu quả kinh tế rất lớn cho người dân. Hiện nay, ở Trà Lâm có gần 400 hộ làm nghề đậu, chiếm hơn 80% số hộ. Mỗi gia đình nấu từ 15-40 kg đậu tương/ngày, trừ chi phí thu lãi từ 100 - 150 ngàn đồng/ngày. Làm đậu phụ thu lãi, phần bã còn lại là nguồn thức ăn tiện tích, kích thích tăng trưởng đối với chăn nuôi lợn thương phẩm. Có thời điểm cả thôn nuôi đến 6.000 con lợn các loại, trung bình mỗi hộ nuôi từ 10-50 con, đem lại nguồn thu nhập cao cho người dân.

- Về mặt hạn chế: Phát triển làng truyền thống kết hợp chăn nuôi gia súc đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống nhân dân. Thế nhưng câu chuyện về bảo vệ môi trường sinh thái trong khu dân cư đang trở thành nỗi âu lo, bức xúc của chính quyền địa phương. Quanh thôn, cống thoát nước đặc quánh một màu đen đặc, ô nhiễm nghiêm trọng. Tình trạng ô

nhằm chủ yếu là người dân đồ nước thải chăn nuôi ra cống tràn lan, kéo dài. Tình trạng trên đã gây ra không ít phiền toái với nhân dân địa phương và du khách ngoại tỉnh khi đến thăm làng nghề.

Trước những mặt tích cực và hạn chế ấy, vấn đề đặt ra là chúng ta cần phải làm gì để bảo tồn, phát huy làng nghề truyền thống nhưng vẫn đảm bảo giữ vệ sinh, môi trường. Làm sao để không chỉ đậu Trà Lâm nổi tiếng mà bản thân làng nghề, những người thợ cần cù nơi đây cũng được nhiều người biết tới.

Một số giải pháp chúng tôi đề xuất như sau:

* Cần có định hướng phát triển sản xuất theo quy mô lớn: Đa phần việc sản xuất đậu Trà Lâm đều là nhỏ lẻ, tự phát. Chính quyền địa phương nên có những định hướng sản xuất tập trung theo quy mô lớn, xưởng sản xuất, tìm đầu ra ổn định cho sản phẩm.

* Kết hợp sản xuất gắn với chăn nuôi: Để tránh lãng phí nguyên liệu thừa khi sản xuất cần có biện pháp tận dụng thức ăn cho chăn nuôi. Ví dụ đối với nghề sản xuất đậu phụ, người dân có thể tận dụng bã thừa khi xay hạt để làm thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia súc. Như vậy vừa đạt hiệu quả về kinh tế lại giảm thiểu ô nhiễm môi trường xung quanh.

* Áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất: Đa phần số hộ dân ở hai làng nghề nêu trên sử dụng phương pháp sản xuất thủ công truyền thống nên năng suất thấp, cung không đáp ứng cầu. Ngày nay khoa học kỹ thuật đã phát triển, địa phương nên có những chính sách khuyến khích các hộ dân làm nghề nên trang bị máy móc hiện

đại để giảm bớt thời gian, giản tiện các khâu trong quá trình sản xuất và giảm chi phí để nâng cao năng suất cũng như chất lượng sản phẩm.

* Kết hợp văn hóa du lịch với văn hóa ẩm thực: Thuận Thành là vùng đất cổ với mật độ các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh dày đặc như: Đền thờ Kinh Dương Vương thuộc thôn Á Lữ, xã Đại Đồng Thành, chùa Dầu - xã Thanh Khương, chùa Bút Tháp - xã Đình Tổ, đền Sĩ Nhiếp - xã Gia Đông, thành cổ Luy Lâu - xã Thanh Khương, làng tranh Đông Hồ - xã Song Hồ... Tất cả những địa điểm trên đây đều là những điểm đến lý tưởng của du khách yêu thích khám phá di sản văn hóa. Đây cũng là cơ hội để thị xã Thuận Thành quảng bá những sản phẩm đặc trưng của địa phương đến các du khách như: đậu Trà Lâm, nem Bùi, tương Đình Tổ... những món ăn nhẹ nhàng mà mang đậm hương vị hồn quê. Khách du lịch có thể mua các sản phẩm này về làm quà cho người thân và gia đình sau mỗi chuyến đi, thương hiệu đậu gù Trà Lâm cũng nhờ thế mà bay xa.

* Xây dựng mô hình du lịch làng nghề: Sau khi thực hiện được những giải pháp nêu trên, địa phương cần chú ý đến việc xây dựng mô hình du lịch làng nghề gắn liền với du lịch văn hóa, thương mại. Gần đây, ngành du lịch nước ta đặc biệt quan tâm đến loại hình du lịch làng nghề. Một số công ty, trung tâm du lịch của nhà nước hay liên doanh với nước ngoài đã bắt đầu hình thành và đi vào hoạt động các tour du lịch làng nghề theo những tuyến du lịch văn hóa và thương mại. Khách trong nước và quốc tế trong những chuyến đi ấy đã tận mắt chứng kiến quá trình sản

xuất, tạo ra các sản phẩm ẩm thực theo lối truyền thống. Không chỉ ngạc nhiên, thán phục trước sự khéo léo, tài hoa của người thợ, mà họ còn hiểu sâu hơn về văn hóa, con người Việt Nam. Đối với khách du lịch thì họ sẽ mua một vài sản phẩm về làm quà cho người thân, bạn bè. Còn đối với các nhà doanh nghiệp, các thương nhân thì tại đây họ có thể tìm được các cơ hội đầu tư, đối tác, bạn hàng.

* Cần chú trọng đến việc truyền nghề cho thế hệ kế cận: Trên địa bàn thị xã Thuận Thành hiện có 6 khu công nghiệp được quy hoạch đã và đang đi vào hoạt động: KCN Thuận Thành 1, KCN Thuận Thành 2, KCN Thuận Thành 3, cụm công nghiệp Thanh Khương, cụm công nghiệp Xuân Lâm, cụm công nghiệp Hà Mãn - Trí Quả. Ngoài ra trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh cũng mọc lên rất nhiều khu công nghiệp do vốn đầu tư cả trong nước và ngoài nước. Việc hình thành các khu công nghiệp đã giải quyết được việc làm cho rất nhiều lao động địa phương, chủ yếu là lao động trẻ. Với sức hút về kinh tế từ thu nhập ở mức lương được nhận ở các khu công nghiệp nên hiện nay số lao động trẻ có xu hướng chuyển dần từ các nghề sản xuất truyền thống làng xã sang làm ở các khu công nghiệp. Chính vì vậy cần có những chính sách cụ thể giúp các làng nghề giữ vững và phát triển một cách ổn định, bền vững.

Do bối cảnh toàn cầu hóa, xu thế hội nhập quốc tế và ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nên hiện tượng đô thị hóa đang diễn ra nhanh chóng. Điều này ảnh hưởng rất lớn đối với các làng nghề thủ công truyền thống. Hiện nay, Trà Lâm là một trong số ít địa phương

của tỉnh Bắc Ninh nói chung, thị xã Thuận Thành nói riêng còn duy trì được nghề thủ công truyền thống. Đậu Trà Lâm cùng với các sản vật khác của thị xã Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh như: gà Hồ, nem Bùi, bánh cuốn Mão Điền... đã tạo nên vẻ đẹp văn hóa ẩm thực độc đáo cho địa phương này. Đồng thời đây sẽ là nguồn lực quan trọng góp phần thúc đẩy phát triển du lịch địa phương, phát triển kinh tế bền vững. Do đó, việc bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề sản xuất đậu truyền thống Trà Lâm nói riêng và các làng nghề ẩm thực truyền thống nói riêng của thị xã Thuận Thành là việc làm rất cấp thiết và có ý nghĩa lâu dài đối với địa phương./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nhật Thanh, Đất lề quê thói, Nxb Hồng Đức, 2020.
2. Phạm Cẩm Thượng, Văn minh vật chất của người Việt, Nxb Tri thức, 2011.
3. Trần Quốc Vượng (chủ biên), Cơ sở văn hóa Việt Nam, Nxb Giáo dục, 2011.
4. Nguyễn Quang Khải, Thích Nguyên Đạt, Chuyết Chuyết Tổ sư ngữ lục, Nxb Thanh Hóa, 2017.
5. Nguyễn Quang Khải, Làng xã tỉnh Bắc Ninh (tập II), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
6. Trần Quang Nam (Chủ biên), Khu di tích Luy Lâu, Giá trị lịch sử văn hóa và vấn đề bảo tồn, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh, 2016.
7. Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Bắc Ninh, Du lịch văn hiến Bắc Ninh – Kinh Bắc, 2015.

▷ ĐỒNG TIÊU TƯƠNG HUYỀN TÍCH ◁

ĐẶNG LỢI

Sông Tiêu Tương là con sông huyền tích của quê tôi. Nó đã uốn lượn từ thuở Hùng Vương. Đến thời An Dương Vương, nó còn làm hào lũy tự nhiên, vòng ngoài cho quân thành Cổ Loa. Nhưng con sông duyên dáng đắp bồi nên màu mỡ cho miền châu thổ Quan họ ấy đã tắt dòng lâu rồi, theo sách sử và dân gian có lẽ đến mấy trăm năm. Song trong tâm thức của người dân quê tôi, nó vẫn còn dạt dào chảy mãi. Nó ẩn hiện trong các ngọc phả, thần phả của các làng, các đền; trong các câu ca dao và điệu hát của quê tôi; đặc biệt là trong câu chuyện tình truyền thuyết bi thương của chàng Trương Chi - người thanh niên đánh cá trên sông, có giọng hát kỳ hay làm mê đắm lòng người với nàng My Nương con quan Thừa tướng. Nó cũng còn ẩn hiện dấu tích trong các tên làng, tên xóm, tên bến, tên hồ, ao, đầm quê tôi: như làng Sậy, làng Tương Giang, Bến Vót (ở Đình Bảng), Loa Hồ (đầm Phù Lưu)...

Sông Tiêu Tương là một con sông nổi vùng chảy qua miền Từ Sơn, Tiên Du, rồi hòa vào sông Cầu. Phía cuối của sông Tiêu

Tương là như thế, còn về phía đầu sông thì đến nay vẫn có hai giả thuyết: một là, được bắt nguồn từ cái Loa Hồ rộng đến hàng trăm mẫu, mà bây giờ còn lưu dấu lại là cái đầm Phù Lưu; hai là, từ một nhánh của sông Hồng là sông Đuống được tách ra ở Đông Anh, rồi chảy tới Đình Bảng, rồi mới vào Loa Hồ.

Thời An Dương Vương, sông Tiêu Tương là hào lũy vòng ngoài của quân thành Cổ Loa. Hồi ấy, những tên quân do thám của Triệu Đà hay lén lút trong các đám lau sậy bên sông để tìm đường vào xâm lược. Sau này thời Bắc thuộc ngàn năm nó lại là một quan lộ, thông sứ sang Trung Quốc rất đắc dụng.

Và phải chăng sông nước Tiêu Tương từ bao thuở đã bồi đắp cho tâm hồn dân quê tôi được trữ tình sâu lắng và duyên dáng làm vậy? Còn tiếng hát quyến rũ của chàng Trương Chi đó có phải là cội nguồn nguyên thủy hay chung cảnh nghệ thuật với làn điệu Quan họ đặc sắc mà người dân quê tôi đã hằng gửi bao tâm tình vào đó, từ thuở trước? Dẫu thế nào thì cũng lấy làm

vui lắm lắm, tôi thăm cảm ơn sông nước Tiêu Tương. Tôi thật tự hào về tâm hồn người dân quê tôi.

Vùng trăn, xứ Kinh Bắc xưa kia luôn có đặt các phủ, huyện ở Từ Sơn. Từ Sơn quê tôi là một vùng đất cổ có từ thời các vua Hùng. Di chỉ khảo cổ cho biết cách đây 2.500 - 3000 năm đã có dân đến sinh sống. Trong Ngọc phả có ghi Triệu Đà đóng quân ở núi Tam Sơn để tiến đánh Loa Thành của Âu Lạc. Trong Thần phả của làng Diềm Quan họ thì công chúa con vua Hùng đã dạy dân trồng lúa, trồng dâu và hát Quan họ. Mơ màng, tưởng tượng về cái thuở xa xưa ấy, quê tôi thật là còn hoang vu lắm: những là núi Tam Sơn ba gò, núi Tiêu Sơn chót vót cạnh sông, núi Lim một dải cùng những rừng lim, rừng báng, rừng thông... Lại thì là bao đầm sậy, đầm lau, đầm sen sừng bên dòng Tiêu Tương loang loáng ánh chiều tà có trâu rừng, nai, hoẵng... lội bơi qua.

Theo sách **“Tiêu Sơn tráng sĩ”** của nhà văn Khái Hưng thì phong cảnh Từ Sơn thời cuối Lê Mạt, đầu Tây Sơn, sông Tiêu Tương đã không còn nguyên dạng. Nhiều chỗ đã nên đồng, nên vườn, nhiều chỗ thành xóm làng xanh tươi; dấu vết còn lại của nó là các đầm, khúc sông, cái ao, con mương ở nơi này chỗ nọ trong vùng. Qua truyện ta được thấy rừng Báng (Đình Báng), rừng Sặt (Đồng Quang), cánh đồng



Cẩm, cánh đồng Sặt, làng Tam Lư, Làng Sậy, chùa Tiêu Sơn... thường thấp thoáng có bóng đi về của chàng Phạm Thái yêu vua và các tráng sĩ phò Lê.

Loa Hồ, cái rốn chứa nước, nuôi sông Tiêu Tương rộng bát ngát ấy, hồi tôi còn học cấp 1 (1964) nó còn khá rộng, nằm giữa ba làng Nội Trì, Lã, Phù Lư, luôn có bạt ngàn sen nở thơm mát rì rào ca khúc mùa hạ đồng quê, bây giờ còn lại chỉ là cái đầm nhỏ bé bên làng Phù Lư.

Cư dân cổ vùng Từ Sơn xưa có cả nghề săn thú, đánh cá vì có con sông Tiêu Tương chảy qua bên những cánh rừng, đồng ruộng mà phù sa của nó đã đắp bồi. Sau này rừng mất, sông hết, người dân quê tôi chỉ làm ruộng, thủ công và buôn bán. *“Từ Sơn là đất trăm nghề/ Cho loan với phượng vẫn về gặp nhau”* là vậy. Hội hè của xóm làng quanh vùng sông Tiêu Tương chảy qua vào mùa xuân sầm uất lắm, đình làng luôn thơm hương cúng lễ thần hoàng làng. Các thần Hoàng làng có thể là các tổ nghề hoặc các danh nhân tuần kiệt đã hóa thánh, hóa thần. Như làng Diềm Quan

họ thờ công chúa Nhữ Nam, con vua Hùng làm thần hoàng làng vì đã dạy dân làng trồng lúa và hát Quan họ. Như làng Đình Bảng thờ 3 vị đại vương và thờ lục tổ có công dựng làng. Làng Phù Lưu, Dương Lô và nhiều làng khác đều thờ thánh Tam Giang là tướng của hai bà Trưng...

Vùng đất Từ Sơn quê tôi là vùng lúa tốt bởi bởi, chiêm mùa hai vụ đều ngon ăn. Thời “công nghiệp làm then chót, nông nghiệp là cơ bản và quan trọng” thì Từ Sơn là vùng đất quý của tỉnh. Thời chống Mỹ, làng Lã (cạnh Loa Hồ xưa đấy) đã dẫn đầu năng xuất trồng lúa, đạt 6 tấn/ héc ta để góp phần thắng giặc Mỹ. Phải chăng vùng đất quê tôi vẫn còn thơm ngọt phù sa của dòng Tiêu Tương huyền tích đầy thương nhớ ấy?

Hồi còn dòng Tiêu Tương chắc là sầm uất bán mua trên bến dưới thuyền lắm... Đấy, có dinh quan Thừa tướng, có Mỵ Nương lá ngọc cành vàng đã nhớ trộm thương thầm tiếng hát Trương Chi đến quên ăn quên ngủ. Còn một chứng cứ rất thú vị nữa là: làng Phù Lưu xưa còn có tên là Thị Thôn. Thị Thôn có bến nước bên Loa Hồ, đã gọi lên một cảnh thị thành trên bến dưới thuyền cho ta?

Ôi sông Tiêu Tương, ôi sông huyền tích, ôi sông thương nhớ của lòng người dân quê tôi!

Tôi thường thù người ra suy tư về quang cảnh sống của nó, thuở còn dạt dào với gió mây bao thuở trước: Sông Tiêu Tương như các con sông thuở ấy đều không có đê, chảy uốn lượn thơ mộng và hoang sơ bên rừng, bên núi, bên bãi, bên đồng. Có bóng các con thú ra sông uống nước.

Có những cái mắng, cái bẻ do tay người chèo lái là anh ngư dân đánh cá, chị nông phu trồng dâu trồng lúa, vui hát đối sớm chiều. Có các quan đi kinh lý bằng thuyền trên sông, ngược nhìn lên đôi bờ hữu tình xinh tươi mà sinh tình đọc thơ, làm phú, thật yêu sao! Và tôi cũng thường tự hỏi: kỳ lạ thật, một con sông không to rộng, một con sông nội vùng và đã tắt dòng cách nay đã mấy trăm năm mà sao vẫn nhớ, vẫn yêu và vẫn thương thế trong tâm trí người dân quê tôi? Phải chăng cuộc sống của nó khi trước ấy, đã chan hòa thân thiết và sâu đậm vào với cuộc sống quê tôi? Và chính điều ấy, đã thực sự làm nên phần nào văn hóa đặc sắc cho vùng quê tôi Từ Sơn, Bắc Ninh, Kinh Bắc?

Tiếng hát Trương Chi có phải là làn điệu Quan họ hay không thì chưa biết thế nào, song đích thị nó là niềm cảm xúc tuyệt vời của tâm hồn người dân quê tôi những ngày xưa thả hồn trên sông Tiêu Tương. Làng Thị Thôn (Phù Lưu) bên Loa Hồ ngày trước thực sự làm tôi ám ảnh là một nơi sầm uất trên bến dưới thuyền vô cùng tấp nập. Tôi như trông thấy cả bóng dáng các thương nhân người Hoa, người Nhật, người Ấn, người Âu xưa, đã tới quê tôi trao đổi hàng hóa bán mua bằng các thương thuyền. Phải chăng đó là những cái ngọt ngào thương nhớ không thể nào quên được của lòng dân quê tôi với dòng Tiêu Tương huyền tích?

Có lẽ là thế, ôi con sông ân nghĩa ân tình! Dân quê tôi thương nhớ sâu đậm cũng là một cách thân thiết để tri ân với dòng sông yêu thương ấy./.

NGÔ SỞ NGỌC

VÀ CÁC VỊ ĐẠI KHOA LÀNG VĂN XÁ



LÊ VIẾT NGÀ

Tiên sỹ Ngô Sở Ngọc là người được tôn sùng trong gia tộc, ở thôn Văn Xá, xã Phú Hòa, huyện Lang Tài ngày nay, là niềm vinh dự của dân làng Văn Xá nói riêng và của Phú Hòa, Lang Tài nói chung.

Tiên sinh sinh ra và lớn lên vào thời Hồng Đức là thời kỳ phát triển khoa cử và giáo dục mạnh nhất thời Lê Sơ, cũng là thời phát triển thịnh đạt nhất trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam. Việc học hành, thi cử đều dập khuôn theo tinh thần Nho giáo nhằm đào tạo ra những người phục vụ đặc lực cho bộ máy chính quyền phong kiến. Nội dung và mục tiêu giáo

dục đó quán triệt trong toàn bộ các mặt tổ chức học tập và thi cử cho tới nội dung và phương pháp giảng dạy thời bấy giờ.

Vào năm 1428 sau khi thắng giặc ngoại xâm, Lê Lợi đã cho tổ chức các trường học để đào tạo quan lại nhằm xây dựng nhà nước phong kiến. Ông cho xây dựng Quốc Tử Giám ở Kinh Đô và các trường học ở các Đạo, Lộ. Con em của quý tộc và một số ít con em tầng lớp bình dân học hành ưu tú được đưa vào Quốc Tử Giám gọi là Giám sinh. Còn trường học ở các Lộ thì mở cửa rộng đón tất cả con em ở mọi tầng lớp nhân dân có điều kiện học tập - chủ yếu là con em nhà giàu có, địa

chủ - gọi là Lộ Hiệu Sinh. Trên Quốc Tử Giám lại có Thái Học Viện là trường học cao cấp nhất của chế độ phong kiến.

Những người giảng dạy trong các trường ấy đều do nhà nước lựa chọn và bổ nhiệm gọi là Giáo Quan. Giáo Quan ở các Đạo, Lộ thì chọn các nhà Nho ở địa phương sung vào.

Ở thời Lê Thánh Tông (niên hiệu Hồng Đức) các trường được mở rộng và chỉnh đốn quy củ hơn. Ngoài trường công do nhà nước mở, trong nông thôn còn có những lớp học tư do thầy đồ, quan lại về hưu mở ra thu nạp rộng rãi học sinh thuộc nhiều thành phần khác nhau. Song chương trình học là Tứ thư, Ngũ kinh, Tính lý, Bắc sử...

Năm 1467 các trường học cho các học sinh học thuộc lòng các lễ giáo phong kiến, thuộc lòng lịch sử Bắc và Nam. Đó là lối học sôi kinh nấu sử, gò ép mà học sinh phải theo.

Nói tóm lại thời Lê Sơ - Đặc biệt là thời Thánh Tông là một thời thịnh đạt của nền giáo dục và thi cử của chế độ phong kiến Việt Nam. Trong thời Lê Thánh Tông có 12 khoa thi Hội với 501 người đỗ Tiến sỹ, trong đó có 9 Trạng nguyên. Có khoa thi tới 3000 người ứng thí, những người vào thi Hội đó là những công sỹ đã trúng tuyển trong kỳ thi Hương. Trong số hàng vạn người thi để có 501 Tiến sỹ thời Lê Thánh Tông đó có Tiến sỹ Ngô Sở Ngọc. Ngô Sở Ngọc là sản phẩm của xã hội thời

Lê Sơ mà đời vua Lê Thánh Tông là phát triển rực rỡ nhất.

Ngô Sở Ngọc sống ở vùng quê văn hiến lâu đời, có truyền thống văn học và võ học nối nhau từ đời này sang đời khác. Là nơi hội tụ nhiều tinh hoa của dân tộc. Trong đó Văn Xá là một vùng đất chói sáng cho nền văn hiến Kinh Bắc.

Những yếu tố đó đã tác động lớn tới mỗi cá nhân và Ngô Sở Ngọc. Đặc biệt là truyền thống văn học của Kinh Bắc đã có tác động lớn lao. Kể từ thời độc lập tự chủ, khoa thi đầu tiên mở ra từ năm 1075 đến năm Ngô Sở Ngọc thi (1478) có 303 năm với 19 khoa thi và 55 người đỗ Tiến sỹ trong đó ở Lang Tài có 9 người thi đỗ (có Ngô Sở Ngọc). Như vậy có thể nói rằng Ngô Sở Ngọc là sản phẩm của tinh hoa văn hóa Kinh Bắc nói riêng và của Việt Nam nói chung.

Vùng quê Văn Xá vốn nằm trên trục đường Thiên Lý cổ nối liền thành Luy Lâu (Đâu), Thăng Long (Hà Nội) và Nam Định (Đại Lai) với Đại Than, Bình Than để lên Quảng Ninh và ra biển. Những tác động xã hội của các trung tâm cư dân lớn đó đã ảnh hưởng lớn tới gia đình ông. Cha ông là một người làm ăn cần mẫn như bao người nông dân khác ở Văn Xá. Ông hiền lành, chất phác và dộc lòng cho con ăn học mặc dù thời đó ở làng Văn Xá chưa có ai theo đường khoa cử.

Thời tiên sinh còn nhỏ ở Đạo, Lộ Kinh Bắc đã có trường và các giáo khoa,

thầy đồ dạy dỗ. Ông là người thông minh chăm học, lại được người cha dốc lòng chăm lo đèn sách nên ông càng gắng công nấu sữ sôi kinh.

Thời ấy, triều đình định lệ cam đoan trong thi Hương, ra lệnh chỉ cho các thí sinh trong nước, không cứ là dân hay lính, hạn tới nhà giám hay đạo sở ghi tên vào căn cước đợi thi Hương. Ai đỗ thì gửi danh sách lên Lễ Nghi Viện để đến tháng Giêng thi Hội. Do vậy các quan ở sở tại và xã trưởng phải làm giấy bảo đảm cho ông là người có đức hạnh để ông được vào trường thi. Những ai ở loại bất hiếu, bất mục, bất nghĩa, loạn luân, điều toa... thì dẫu học giỏi, văn thơ hay cũng không cho vào thi.

Để được vào thi ông phải làm đúng các phép như sau:

- Nộp căn cước, khai rõ phủ, huyện, xã, tuổi tác, chuyên tâm học kinh nào, lý lịch ông ra sao? Không được gian dối, giả tạo.

Nếu là con nhà phường chèo, con hát hay con nhà phản nghịch, ngụ quan có tiếng xấu thì phải khai rõ để triều đình loại ra kể cả con cháu. Trong kỳ thi Hương ông cùng các sỹ tử phải thi ám tả để loại bớt.

Đề mục thi gồm: Kỳ thứ nhất thi Tứ thư. Kinh nghĩa gồm 5 bài. Kỳ thứ hai thi chiếu, chế, biểu dùng cổ thể hay tứ lục. Kỳ thứ ba thi thơ dùng đường luật, phú dùng cổ thể hay Ly Tao. Văn tuyển từ

300 chữ trở lên. Kỳ thứ tư thi một bài văn sách, đầu đề thi hỏi về Kinh, Sử hay việc đương thời, hạn 1000 chữ. Chữ hý của Quốc triều nếu hai chữ liền nhau thì đều không được dùng, nếu rời ra chữ một thì cũng cho dùng thay chữ khác khuyên ở bên ngoài.

Sau khi làm “Bảo kết thi hương” và sau khi thi đỗ Hương trường - Ngô Sở Ngọc trở thành công sỹ, ông ráo riết ôn tập để bước vào kỳ thi Hội.

Năm Mậu Tuất, niên hiệu Hồng Đức thứ 9 (1478) triều vua Lê Thánh Tông Thuần Hoàng đế (tức là năm Minh Thành Hóa thứ 14) triều đình mở khoa thi Hội vào tháng 3. Ngô Sở Ngọc ứng thi khoa này. 62 người trong cả nước đã đỗ trong đó có Ngô Sở Ngọc.

Đến mùa Hạ, tháng 5 năm đó, Vua ra hiệu, ra đề văn sách hỏi về Đế vương trị trong thiên hạ, duyệt các bài trả lời, cho Lê Quảng Trí đỗ Đệ nhất giáp Tiến sỹ cập đệ Đệ nhị danh (tức bảng nhãn), Trần Bích Hoành, Lê Ninh đều đỗ Đệ nhất giáp Tiến sỹ cập Đệ tam danh (thám hoa) (Quảng Trí người huyện Kỳ Hoa), bọn Nguyễn Địch Tân 9 người đỗ Đệ nhị giáp Tiến sỹ xuất thân. Bọn Nguyễn Nghiễm 50 người đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân. Ngô Sở Ngọc người Văn Xá, huyện Thiện Tài (nay thuộc huyện Lương Tài) đỗ Đệ nhị giáp xuất thân (Hoàng giáp).

Trong kỳ thi này Vua cho đỗ cập đệ và xuất thân theo thứ bậc và có dụ rằng:

“Danh hiệu to quá, ít người xứng đáng, nên khoa này cho cấp đệ mà không cho đệ nhất danh”. Như vậy khoa thi năm 1478 mà Ngô Sở Ngọc thi có 62 người đỗ.

- Hội Nguyên có: Lê Minh người xã Thụ Ích, huyện An Lạc.

- Đình Nguyên có Lê Quảng Trí người xã Thần Đầu, huyện Kỳ Hoa.

- Do Ngô Sở Ngọc có tư cách xuất thân nên lúc mới bổ thì được làm Thư Lại, sau ba năm sẽ được thăng Đại Lại, sau ba năm nữa được thăng Diển Lại, sau nữa sẽ được thăng Đô Lại. Nếu làm nha môn thì làm Á Lệnh Sử, sau ba năm mới thăng Thừa Lệnh Sử. Ngô Sở Ngọc cùng các Tiến sỹ được bộ Lại tuyển bổ các nguyên quan trong triều và các Đạo với các chức Lang Trung, Viên Ngoại ở 6 Bộ, chức Tham Nghị, Hiến Phó ở các sứ theo phẩm trật thứ tự.

Ngô Sở Ngọc, vị Tiến sỹ triều Lê Hồng Đức đã làm bốn phận của mình đến cuối đời một cách trọn vẹn. Bởi thế nên các sách viết về ông đều rất trân trọng.

Chức quan của Tiến sỹ Ngô Sở Ngọc thường ở hàng chánh lục phẩm, chưa lên tới hàng Tự Khanh (tức là chỉ ở hàng Viên Ngoại, Lang trung). Đó là một chức quan làm theo công vụ và bốn phận của mình, do đó mà cuối đời làm quan ông không dự vào hàng Ngũ Phẩm. Song như vậy chứng tỏ ông là người cần mẫn và luôn giữ bốn phận của mình cho tới khi hưu trí.

Tiến sỹ Ngô Sở Ngọc là người mở

đầu cho truyền thống khoa bảng vẻ vang của quê hương Văn Xá, Lang Tài. Tấm gương hiếu học của tiên sinh góp phần động viên khuyến khích cho thế hệ kế tiếp noi theo để quê hương nơi đây thời phong kiến có tới 5 vị đỗ đại khoa:

1. Ngô Sở Ngọc (như đã trình bày phần trên).

2. Nguyễn Tinh (1469 - 1551): Trước khi đi thi đã đỗ làm quan Huấn đạo. Năm 25 tuổi đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân (tên đứng thứ 2), khoa Quý Sửu, niên hiệu Hồng Đức 24 (1493) đời Lê Thánh Tông.

3. Nguyễn Hữu Quan: xuất thân từ châu Giám Sinh, đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân (tên đứng thứ 15) khoa Tân Mùi, niên hiệu Hồng Thuận thứ 3 (1511) đời vua Lê Tương Dực.

4. Đoàn Sư Đức (1490 - 1561): xuất thân Nho sinh, đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân (tên đứng thứ 9), khoa Giáp Tuất, niên hiệu Hồng Thuận 6 (1514) đời Lê Tương Dực. Ông được cử đi sứ sang nhà Minh, làm quan đến chức Thượng thư bộ Hình, tước Văn Lễ hầu, về trí sỹ, thọ 72 tuổi.

5. Nguyễn Tranh (sinh năm 1549): xuất thân Sinh đồ. Năm 32 tuổi ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân khoa Canh Thìn, niên hiệu Diên Thành 3 (1580) đời Mạc Mậu Hợp. Ông làm quan đến chức Giám sát ngự sử, theo nhà Lê, sau lại theo về nhà Mạc.

NGUYỄN PHI Ỡ LAN

VỊ QUAN ẨM BỒ TÁT TRONG LÒNG DÂN CHÚNG

ĐỖ HỮU BẢNG

Lý Thánh Tông, tên thật là Lý Nhật Tôn, là vị Vua thứ ba của vương triều Lý, sinh năm Quý Hợi, niên hiệu Thuận Thiên thứ 14 (1023). Năm Giáp Ngọ (1054) lên ngôi Hoàng đế. Khi đã 40 mươi tuổi, ngài vẫn chưa có con, nên thường đến các ngôi chùa linh thiêng trong nước để cầu tự. Vào năm Quý Mão (1063), nhằm một ngày đẹp trời, ngài tổ chức về chùa Dâu (ở Luy Lâu, Kinh Bắc - nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh) để cầu tự.

Dân chúng các làng xã nô nức ra xem kiệu rước nhà Vua, duy chỉ có một cô gái tên là Lê Thị Khiết (có những tài liệu khác ghi tên là Lê Khiết Nương, Lê Thị Yển) người hương Thổ Lỗi, huyện Siêu Loại, xứ Kinh Bắc (tên Nôm là làng Sủi, nay thuộc xã Phú Thị, quận Gia Lâm, Hà Nội), không đi xem đoàn kiệu rước nhà Vua, vẫn mãi mê cắt cỏ (có tài liệu ghi là hái dâu). Quân lính trong đội túc vệ xa giá nhà Vua lấy làm lạ

mới tiến lại hỏi sự tình. Thấy cô gái có chân dung rất xinh đẹp, mắt phượng mày ngài, vẻ mặt tươi sáng, nói năng dịu dàng, đỉnh đặc rất tự tin, đang tựa vào gốc cây lan, trả lời những câu hỏi của quân túc vệ xa giá nhà Vua... Nhà Vua thấy vậy ước đoán đây là một cô gái thông minh, tháo vát... nên cho vời về Kinh đô.

Về đến triều đình, Vua đặt cho Lê Thị Khiết tên hiệu là Ý Lan (vì khi nhà Vua gặp bà, bà tựa vào gốc cây lan thưa chuyện). Vua cho xây một cung riêng nay là đình Yên Thái, ngõ Tạm Thương phường Hàng Gai, Hà Nội, rồi cử một nữ học sỹ đến giảng dạy cho Ý Lan học hành, chữ nghĩa. Vốn sẵn thông minh, nhanh nhẹn, sắc sảo nên Ý Lan học một biết mười, chẳng bao lâu đã lâu thông kinh sử, kiến thức uyên thâm... Rồi Ý Lan sinh cho Vua Lý Thánh Tông một người con trai, nhà Vua vui sướng đặt tên con trai là Càn Đức. Cũng từ đó Ý Lan

được tôn làm Nguyên phi, Càn Đức được phong làm Hoàng Thái tử.

Năm 1069, khi Vua Lý Thánh Tông cùng Thái úy Lý Thường Kiệt (1019 - 1105) đem quân đi chinh phạt Chiêm Thành, nhằm làm cho biên giới phía Nam của đất nước được yên ổn, nhà Vua giao quyền cho Nguyên Phi Ý Lan cai quản đất nước. Cùng năm đó, nước Đại Việt không may bị lũ lụt lớn, mùa màng mất sạch, dân tình đói kém, loạn lạc nổi lên khắp nơi. Ý Lan đã đề ra những kế sách đúng đắn và những quyết đoán táo bạo, và nhờ tài năng tính toán của bà mà dân đói được cứu sống, loạn lạc được dẹp yên. Chính vì vậy nhân dân các vùng miền trong nước khi ấy tôn vinh bà như một vị Quan Âm Bồ Tát sống. Nhà Vua và Thái úy Lý Thường Kiệt đánh giặc lâu ngày không thắng, Vua giao cho Lý Thường Kiệt quyền thống lĩnh quân đội, đem một cánh quân nhỏ rút về. Khi kéo quân về tới châu Cư Liên (Hưng Yên) thấy dân chúng hết lời ngợi ca tài trị nước của Ý Lan. Rằng bà đã vững vàng chèo lái đưa đất nước vượt qua muôn trùng gian khó, gìn giữ cho giang sơn được thái bình thịnh trị. Nhà Vua suy ngẫm, Ý Lan là đàn bà mà tài giỏi như vậy, ta là đàn ông có sao lại kém cỏi hơn đàn bà? Vì thế, Vua lại đốc thúc quân quay trở lại chiến trường đánh cho kỳ được mới về. Với quyết tâm cao quân đội của nhà Vua lần này đã chiến thắng quân giặc, Vua quan dẫn quân trở về trong niềm hân hoan, phấn khởi vô cùng.

Ba năm sau, vào tháng Giêng năm Nhâm Tý (1072), Vua Lý Thánh Tông qua đời, Thái tử Càn Đức lên nối ngôi, lấy tên hiệu là Lý Nhân Tông, tôn mẹ là Nguyên Phi Ý Lan lên làm Linh Nhân Hoàng thái hậu. Lúc đó Vua mới bảy tuổi, Hoàng thái

hậu đã thay con nhiếp chính, bà đã cùng Lý Thường Kiệt hai lần đánh tan quân Tống xâm lược vào các năm 1075 và 1077. Khi Lý Thường Kiệt bận thao lược điều quân, khiến tướng ngoài mặt trận, Hoàng Thái hậu ở hậu phương cùng với Thái phó Lý Đạo Thành lo lắng việc binh lương rất chu tất.

Xuất thân từ một gia đình nông dân nghèo khó, Nguyên Phi Ý Lan luôn quan tâm đến đời sống của nhân dân, bà hiểu sâu sắc “con trâu là đầu cơ nghiệp”, nên đề ra hình phạt rất nặng đối với những kẻ ăn trộm trâu. Đến khi sắp nhắm mắt, tắt hơi bà còn nhắc nhở Vua: “Gần đây người tại Kinh thành và ở các làng có kẻ chuyên đi ăn trộm trâu, làm cho nông dân cùng quẫn, có nhiều nơi mấy nhà phải cày chung một con trâu. Trước đây ta đã từng nói việc ấy và triều đình đã từng ra lệnh cấm, nhưng nay việc giết trâu lại có phần nhiều hơn trước”. Vua Lý Nhân Tông nghe lời mẹ, đã ra lệnh lùng bắt, trị tội bọn trộm cắp trâu. Từ đó việc giết trâu để làm cỗ bàn, khao vọng cũng bị nghiêm cấm.

Cho đến lúc cuối đời, bà vẫn đau đầu nghĩ đến bà con nông dân. Sinh thời bà quan tâm đến việc hướng dẫn dân chúng trồng dâu, nuôi tằm, cấy lúa, dệt vải, chăn nuôi và nhiều việc khác để đạt được cuộc sống ấm no. Vùng quê nào bị hạn hán, lũ lụt là bà lại không an lòng, tìm mọi cách để cứu giúp người dân. Nguyên phi Ý Lan là người có kiến thức uyên thâm, cũng như các Vua thời Lý bà rất sùng đạo Phật, chăm làm việc thiện, bỏ nhiều công của ra xây dựng nhiều chùa tháp. Bà đã từng cho làm cỗ chay thiết đãi các nhà sư tại chùa Khai Quốc, nay là chùa Trấn Quốc ở Thăng Long. Thiền sư Trí Không khi đàm đạo với Nguyên Phi Ý

Lan đã dẫn lời nhà sư Đàm Thiên đời Tùy (Trung Hoa) nói rằng: “Xứ Giao Châu có đường thông sang Tây Trúc. Khi Phật Giáo chưa vào Trung Hoa, chưa phổ cập ở Giang Đông mà ở Liên Lô (Thuận Thành, Bắc Ninh ngày nay) xứ ấy đã xây hơn 20 bảo tháp, độ được 500 vị tăng và dịch được 15 bộ kinh rồi. Thế là xứ ấy theo đạo Phật trước ta (Trung Hoa). Bấy giờ có các vị sư Ma La Kỳ Vực, Khương Tăng Hội, Chi Cương Lương đến đó truyền đạo”. Qua những câu chuyện của bà với thiền sư Trí Không, mà cho đến ngày nay chúng ta biết đến đạo Phật du nhập vào nước ta như thế nào. Bà cũng là tác giả của khá nhiều bài kinh, bài kệ còn lưu truyền đến ngày nay.

Xuất thân từ con nhà nông dân chân lấm tay bùn, bà hiểu rõ nỗi khổ của người nông dân, nên bà luôn mong muốn làm sao để cho đời sống của nông dân được no ấm, đủ đầy. Hồi đó ở thôn quê có nhiều phụ nữ nghèo, phải bán mình hoặc đem thân thế nợ, vào năm Quý Mùi (1103) bà đã lấy tiền trong ngân khố của Nhà nước ra chuộc nợ cho họ, và cho người đứng ra dựng vợ gả chồng cho những con người tội nghiệp ấy. Việc này, sử thần Ngô Sĩ Liên viết: “Thái hậu đổi đời cho họ, cũng là việc làm nhân chính vậy”.

Trước đây, Vua Lý Thánh Tông từng hỏi Ý Lan về kế trị nước, Ý Lan tâu:

Muốn nước giàu dân mạnh, điều quan trọng là phải biết nghe lời can gián của đáng trung thần. Lời nói ngay nghe chướng tai nhưng có lợi cho việc làm, thuốc đắng khó uống nhưng chữa được bệnh... Phải xem quyền hành là một thứ đáng sợ. Quyền lực và danh vọng thường làm thay đổi con người. Tự mình tu đức để giáo hóa dân thì sâu hơn mệnh lệnh. Dân bắt chước người

trên thì nhanh hơn pháp luật. Muốn nước mạnh hoàng đế phải nhân từ với muôn dân. Phàm xoay cái thế thiên hạ ở nhân chứ không phải ở bạo. Hội đủ những điều ấy nước Đại Việt sẽ vô địch”.

(Theo sách “**Các triều đại Việt Nam**” của các tác giả Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng, NXB Thanh Niên - 2005).

Ngày 25 tháng 7 năm Đinh Dậu, niên hiệu Hội trường đại khánh thứ 8 (1117) đời Lý Nhân Tông, bà qua đời, được hỏa táng, bà được tôn dâng tên thụy là Phù Thánh Linh Nhân Hoàng thái hậu, táng ở “Thọ lăng Thiên Đức” tại Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh.

Nguyên Phi Ý Lan hay Hoàng Thái Hậu Linh Nhân là người phụ nữ rất tài giỏi trong lịch sử nước ta. Tên tuổi và sự nghiệp của bà gắn liền với hai vị minh quân Lý Thánh Tông và Lý Nhân Tông. Bà đã có nhiều cống hiến về kinh tế, văn hóa và chính trị cho đất nước. Ghi nhớ công ơn bà nhân dân ta tại nhiều địa phương đã xây dựng đền thờ bà. Đó là đền thờ bên cạnh chùa Dạm, chùa Phật Tích (Bắc Ninh); Chùa Hoàng Xá (Hà Tây cũ); Chùa Báo Ân (Thanh Hóa)... Nhưng đáng kể hơn cả đó là chùa Bà Tấm (Đương Xá, Gia Lâm, Hà Nội); Đình Yên Thái (Ngõ Tạm Thương, phường Hàng Gai, Hoàn Kiếm, Hà Nội); Đền Ghềnh (Thường gọi là đền Ý Lan, Văn Lâm, Hưng Yên)... Tại các địa phương có đền thờ bà Nguyên Phi Ý Lan, nhân dân ta thường gọi là đền thờ Bà Tấm, ý muốn nói bà có cuộc đời tựa như cô Tấm trong truyện cổ tích xưa./.

TỪ VŨ TỔNG ĐẠI TOÁN VÀ TẤM BIA ĐÁ GHI KHẮC VỀ CÁC VỊ VĂN TÀI VÕ LƯỢC TIÊU BIỂU CỦA QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN VĂN AN

Từ vũ tổng Đại Toán, huyện Quế Dương, phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc được xây dựng vào cuối thế kỷ XIX trên địa phận xã Quế Ổ (nay là thôn Quế Ổ, xã Chi Lăng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh). Từ vũ thờ đức Khổng Tử ông tổ của đạo Nho cùng các vị đỗ Đại khoa, Trung khoa người bản tổng và ba trong số 18 vị Quận Công họ Nguyễn Đức nổi tiếng xứ Kinh Bắc dưới thời Lê - Trịnh.

Từ vũ nằm trên khu đất giữa làng Quế Ổ vốn là nơi đắc địa có núi Lãm sau lưng làm điểm tựa, dòng Thiên Đức án ngữ trước mặt, thế đất hõn hậu mà thoáng đãng. Từ vũ khởi công xây dựng từ năm Canh Thìn (1880) đến năm Nhâm Ngọ (1882) hoàn thành, gồm hai tòa: Tiền tế 5 gian, Hậu đường 3 gian, chính giữa sân xây dựng tòa Phương đình, hai bên xây Tả vu, Hữu vu. Tiếc thay trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ ngôi Từ vũ bị phá hủy hoàn toàn, đến nay chỉ

còn hai tấm bia đá có nội dung chính ghi chép về việc xây dựng Từ vũ và tên tuổi khoa danh của các vị đỗ Tiến sĩ, Hương cống người tổng Đại Toán cùng ba vị Quận Công tiêu biểu họ Nguyễn Đức. Hiện tại một tấm bia đang dựng ở chùa làng Quế Ổ (Hưng Nghiêm tự), tấm còn lại đã được sưu tầm đưa về trưng bày tại Bảo tàng Bắc Ninh. Tấm bia có ký hiệu BTBN 1242 cao 145cm, rộng 78cm, dày 23cm, hoa văn trang trí trên trán bia đề tài “lưỡng long châu nguyệt”, “hổ phù”, xung quanh diềm khắc dây lá và cánh sen cách điệu. Lòng bia khắc chữ Hán kiểu chữ chân phương ở cả hai mặt nét chữ chắc khỏe còn khá rõ ràng. Trong phần nội dung chính không đề cập tới niên đại dựng bia và tên người soạn văn bia nhưng căn cứ vào kích thước, kiểu dáng, hoa văn trang trí, kiểu chữ cho thấy tấm bia này có nội dung tiếp nối tấm bia đặt ở chùa Quế Ổ và đều được dựng khắc vào năm 1882.

Mặt chính tấm bia có tiêu đề “Văn khoa, Võ khoa công điền, tiến điền bi” nội dung phần đầu ghi chép về các vị Tiến sĩ, Hương cống người tổng Đại Toán và 3 vị Quận Công họ Nguyễn Đức làng Quế Ổ. Phần sau ghi chép về việc công đức ruộng đất của bản tổng ở thôn Mai, xã Đại Toán và ruộng đất của xã Quế Ổ phục vụ cho việc tế lễ các vị Văn khoa, Võ khoa vào dịp Thu tế hàng năm. Nội dung phần đầu cho biết:

Các vị Văn khoa triều Lê người tổng Đại Toán gồm: Tứ nguyên Nguyễn Đăng đồ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân khoa Nhâm Dần (1602) từng đi sứ, giữ chức Tả thị lang, tước Đại Nham Hầu, gia phong Đại Vương. Nguyễn Ngạn Sảng đồ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Nhâm Tuất (1562) làm quan tới chức Tham chính. Đào tướng công thụy Đôn Nhã đồ Hương cống khoa Ất Dậu làm quan tới chức Án sát xứ tỉnh Hải Dương. Nguyễn Đức Hiệp (thuộc gia tộc Nguyễn Đức) còn có tên là Chính, tự Thi Văn, hiệu Hòa Trai cư sĩ đồ Hương cống thời Lê làm quan tới chức Tri huyện Kim Hoa (gia phả chép: Nguyễn Đức Hiệp thuộc đời thứ 13 - chi Ất là con trai thứ 3 Phiến Vũ Hầu Nguyễn Đức Bá. Cụ đồ Hương cống khoa Kỷ Mão (1759) đời Lê làm Tri huyện Kim Hoa, huyện Phú Xuân, Kiêm thủ Ngự sử chính lý Từ).

Các vị Võ khoa triều Lê người họ Nguyễn Đức gồm: Ân Quận Công Nguyễn Đức Nhuận, tự Trung Lương, thụy Kiên Dũng làm quan tới chức Đặc tiến phụ

quốc Thượng tướng quân Đô đốc phủ Đô đốc Thiêm sự tằng tả Đô đốc Thái tử, gia phong: Nguyễn Đại Vương. Hiếu Quận Công Nguyễn Đức Uông, tự Dịch Nghi, thụy Trung Dũng, năm Kỷ Dậu (1729) tại trường thi võ Bắc cử trúng Đệ tam giáp đồng Tào sĩ xuất thân, làm quan đến chức Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân hộ quân Bắc quân Đô đốc phủ Đại tư đồ, Thiếu bảo, truy phong: Đại Vương. Hội Quận Công Nguyễn Đức Thân, tự Điền, làm quan đến chức Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân Đô đốc phủ, gia phong: Đại Vương.

Mặt sau có tiêu đề “Bản tổng quyền tiên bi ký” ghi chép về các vị Phó tổng, Lý trưởng, Phó Lý, cự Phó tổng, cự Lý trưởng, Chức dịch, Khóa sinh, Tư văn nội, Phó quản đoàn, Cai tổng, Hương thân, Hương trưởng... tất cả 56 vị là người các xã Quế Ổ, Đại Toán, Đức Tái, Mai Ổ, Ngâm Mặc cung tiền vào việc xây dựng Từ vũ.

Tóm lại tấm bia đá ở Từ vũ tổng Đại Toán là nguồn tư liệu Hán Nôm có giá trị trong việc nghiên cứu, tìm hiểu về các vị Tiến sĩ, Hương cống người tổng Đại Toán. Văn bia còn cung cấp nhiều thông tin quan trọng về tên húy, tên thụy hiệu, chức tước của 3 vị Quận Công họ Nguyễn Đức được phong tước Đại Vương. Tấm bia góp phần vào công tác trưng bày, giới thiệu về truyền thống võ lược về vang của gia tộc Nguyễn Đức nói riêng và xứ Bắc Ninh - Kinh Bắc nói chung tại Bảo tàng tỉnh./.



MAI HOÀNG HANH

Đồng dao một thuở

Khúc đồng dao tuổi thơ tôi
Những trưa trốn ngủ lên đồi hái mây
Tơ trời mắc ở kẽ tay
Con chuồn chuồn ớt vụt bay khi nào?

À ơi mẹ hát đồng dao
Hoa cau trắng nõn chênh chao công trời
Trâu nằm nhai gió thanh thoi
Gốc đa chú Cuội ời ời gọi cha.

À ơi cô Tấm nét na
Từ trong cỏ tích bước ra ngõ chiều
Tuổi thơ đuổi bướm, thả diều
Chạy theo ngọn khói phiêu diêu bến bờ.

À ơi lấm láp tuổi thơ
Tắm trong ký ức ngu ngơ cõi người
Bây giờ tôi hát ru tôi
Đồng dao một thuở... ru hời thế gian...



NGUYỄN XUÂN HÙNG

Cô Tấm của đời tôi

Làm dâu nhà anh khi mười tám tuổi
Vợ lính Trường Sơn chiến đấu xa nhà
Tiền tuyến hậu phương hai đầu Nam Bắc
Bao năm trời vượt bão gió can qua...

Hòa bình nhiều năm... rồi anh lại ôm
Em chính là cô Tấm của nhà ta!
Chăm sóc anh bốn lần lên bàn mổ
Vất vả nhọc nhằn em chẳng kêu ca!

Em còn thay tôi chăm sóc đàn con
Lần lượt trước sau nhận bằng đại học
Tôi đau ốm vẫn thấy mình hạnh phúc
Vợ con chí tình ân nghĩa bên tôi...

Tôi dù mang bệnh của trời
Em như cô Tấm rạng ngời ở bên...

ĐỖ DUY KHÁNH

Đền Hùng

Một nơi thờ phụng thật tôn nghiêm
Một cõi tâm linh thỏa ước nguyện
Mái ấm buổi đầu người Lạc Việt
Từ đường khởi thủy giống Rồng Tiên
Hồn thiêng sông núi cao tầm vóc
Khí phách ông cha vững móng nền
Đưa mắt bốn phương xanh ngút ngát
Nhìn ra tám hướng thế bay lên./.

VŨ VIỆT TÂM

Anh có đợi em

Cuối con đường anh có đợi em?
 Ngọn gió nào có còn dịu êm
 Hương cỏ mật loang xa đồng bãi
 Cái cò cái vạc cái nông
 Trôi dạt chân trời góc bể.

Cuối con đường anh có đợi em?
 Thì thăm lá hỏi, thì thăm mưa tuôn
 Quãng nông nổi bàn chân em vụng dại
 Trầm luân một kiếp người
 Anh có còn đợi em?

Nắng quái chiều hôm mây chạng vạng
 Cuối con đường lá có còn bay?
 Em trở lại nghe chân mình lạ lắm
 Màu thời gian phai pha
 Anh có còn đợi em?

TRẦN THỊ TÍCH

Thời gian

Thời gian như người thợ vẽ
 Xóa đi những mảng màu thường
 Chỉ giữ lại màu duy nhất:
 Sắc đỏ lặng thầm trong tim.

Thời gian như người nhạc sĩ
 Cung thanh bè trầm tài hoa
 Nhưng những dư âm đọng lại
 Là tiếng lòng ngân thiết tha...

Thời gian như nhà điêu khắc
 Đục vào tảng đá- đời người
 Từng nét buồn vui vòn vể
 Nhòa dần... còn trái tim thôi.

Thời gian như là người thầy
 Dạy cho đời bao bài học
 Nhưng bài học dài, khó nhất
 Là chữ Tâm cho một đời.

Thời gian như là mây trôi
 Thời gian như là nước chảy
 Cái gì cũng chỉ một thời
 Nhưng tình người là vĩnh viễn!



MỘT BÀI THƠ HAY CỦA

Nguyễn Phan Hách

NGUYỄN ANH THUẦN

Làng cười

*Không phải làng tên tuổi
Làng quan họ quê người
Sách Dư địa chí cổ
Ghi làng tôi: Làng Cười.*

*Bể lý lối đùa vui
Tổ tiên quen tính nét
Hội làng thi nói khoác
Nói khoác mà thành danh.*

*Nói tiếp bao đời rồi
Cha ông truyền con cháu
Già tài cười quý báu
Nhưng cười để làm gì?*

*Ngày ấy tôi biết chi
Ngày ấy tôi buồn chán
Làng Tranh khắc tranh bán
Làng Đồng đúc trống đồng*

*Một miền quê mênh mông
Làng Tuồng diễn tích cổ
Chỉ một làng tôi đó
Vô tích dạng: Làng Cười!*

*Nhưng đã chót thế rồi
Biết làm sao đổi khác
Ngôn ngữ ai là Hát
Ngôn ngữ tôi là Cười.*

*Cất tiếng cười lấy vui
Đời đáng yêu biết mấy
Tiếng cười ra nước mắt
Cứ là cười mà thôi.*

*Yêu thương với buồn vui
Thăng hoa thành tiếng hát
Cất cánh thành tiếng cười
Làng Cười và Làng Hát
Cũng một hồn quê thôi!*

NGUYỄN PHAN HÁCH

Các làng quê Việt Nam của chúng ta hầu như đa phần đều có hai tên, một tên chữ và một tên nôm. Làng Đông Hồ được gọi là làng Tranh, làng Phong Khê được gọi là làng Giấy, làng Đại Bái được gọi là làng Đồng, làng Kim Đôi được gọi là làng Rủi quan. Nếu như nhiều làng cũng có chung một đặc điểm nào đó thì được gọi là các làng Quan họ, làng Tiến sĩ, làng Rau, làng Hoa... Nhà thơ Nguyễn Phan Hách giới thiệu một kiểu làng rất mới: Làng Cười...

Nhân vật trữ tình trong bài thơ này “kể” về làng mình với hai trạng thái tình cảm khác hẳn nhau. Hay nói một cách chính xác hơn, đây là quá trình nhận thức, đánh giá về làng quê của mình từ khi còn nhỏ đến lúc trưởng thành. Điều kỳ lạ là quá trình nhận thức này được xoay quanh một tiêu điểm: Tên gọi của làng - Làng Cười!

Ở giữa vùng quê mênh mông với bao nhiêu là tên làng nổi tiếng như: Làng Quan họ, làng Tranh, làng Đồng, làng Tuồng... gắn với bao nhiêu là lễ hội và nghề nghiệp rất đáng quý trọng thì làng tôi lại phải mang tên là Làng Cười. Mà nguồn gốc của tên làng cũng chẳng lấy gì làm cao sang, nó được bắt đầu từ những hội thi nói khoác. Nói khoác, bẻ lý sự với nhau cho vui. Ai nói khoác giỏi, lý sự tài cũng có thể thành danh. Nổi tiếng kiểu này, đặt tên làng theo kiểu này, đã khiến cho nhân vật trữ tình trong bài thơ thất vọng:

*Ngày ấy tôi biết chỉ
Ngày ấy tôi buồn chán...
Chỉ một làng tôi đó
Vô tính dạng: Làng Cười!*

Nhưng nếu tên làng chỉ là tên làng thôi thì nó không thể tồn tại lâu dài như thế. Nguồn gốc sâu xa của tên Làng Cười,

của các hội thi nói khoác, nằm ở tầng rất sâu trong lịch sử và bản chất của cộng đồng người Việt. Một dân tộc trong 4000 năm lịch sử đã trải qua muôn vàn gian nan thử thách của thiên tai, địch họa, dân tộc ấy phải có một bản lĩnh rất kiên cường. Dân tộc ấy phải biết Cười trong mọi hoàn cảnh. Nói một cách khác, tinh thần lạc quan chính là một báu vật gia truyền của cộng đồng người Việt. Báu vật ấy hiện hữu thành tên làng, thành các truyện tiểu lâm, thành các con người cụ thể như Trạng Quỳnh, Trạng Lợn. Đó cũng chính là cơ sở nhận thức của nhân vật “Tôi” trong bài thơ này:

*Cất tiếng cười lấy vui
Đời đáng yêu biết mấy
Tiếng cười ra nước mắt
Cứ là Cười mà thôi.*

Từ những nhận thức ban đầu ấy, nhà thơ Nguyễn Phan Hách đã khái quát thành một luận điểm triết học rất chính xác và tài hoa:

*Yêu thương với buồn vui
Thăng hoa thành tiếng hát
Cất cánh thành tiếng cười
Làng Cười và Làng Hát
Cũng một hồn quê thôi!*

Có thể nói rằng, sau thi phẩm nổi tiếng: “**Làng Quan họ**” đã cất cánh bay cao cùng với nhạc của Nguyễn Trọng Tạo, nhà thơ Nguyễn Phan Hách đã có thêm một: “**Làng Cười**” rất đáng được ghi nhận. Thơ của ông chân thành, giản dị, đầy màu sắc và âm hưởng của làng quê xứ Bắc. Sức gợi mở của bài thơ cũng rất rộng và sâu. Nó giúp chúng ta hiểu sâu sắc hơn, yêu thương đậm thắm hơn quê hương Bắc Ninh yêu dấu của mình./.

CẢM XÚC BÂNG QUƠ MÀ ĐONG ĐẦY TRONG BÀI THƠ "BÊN BỜ AO CŨ" CỦA VŨ ANH ĐỨC

VŨ TUẤN ANH

Những kỷ niệm, cảm xúc băng quơ đầu đời của một thời thơ bé luôn in đậm trong mỗi con người. Nó đi theo mỗi người nhiều năm tháng, thậm chí là cả cuộc đời, càng có tuổi kỷ niệm càng đậm nét hơn. Có người trực tiếp kể cho bạn bè con cháu nghe, có người ghi lại trong nhật ký, có người biểu đạt bằng ngôn ngữ của nghệ thuật nào đó. Nhưng gửi và lưu giữ bằng thơ, mà là bài thơ lục bát dung dị, nhuần nhuyễn, giàu hình ảnh để rồi ai đọc một lần cũng đã thấy dâng trào cảm xúc và có thể thuộc ngay thì rất ít. Vũ Tuấn Anh may mắn được gặp một bài thơ như thế mang tên **Bên bờ ao cũ** của nhà thơ đã từng là người lính Vũ Anh Đức, Hội viên Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Bắc Ninh. Nguyên văn bài thơ như sau:

Bên bờ ao cũ

(Tầm xuân lả ngọn ao làng)
Tầm xuân hoa nở mấy màu
Bên bờ ao cũ còn đâu thấy người
Tháng năm từ bấy người ơi
Thăm bờ ao cũ mình tôi... ngập ngừng.

*Còn đôi bướm trắng rộn ràng
Chung vui nhịp cánh nhẹ nhàng vào ra*

*Ao chiều sắc tím tháng ba
Tuổi thơ ngày ấy chơi hoa cùng người*

*Ngõ xưa đổi khác cả rồi
Riêng tôi nổi nhớ một người còn
nguyên*

*Người đi... gửi lại dấu chân
Để người trở lại tàn ngần... Hôm
nay.*

Bài thơ chia làm ba khổ, mỗi khổ là hai cặp lục bát mang một thông điệp khác nhau nhưng kết lại thành một chỉnh thể chặt chẽ lô gic, chuyển tải được toàn bộ những điều thầm kín, sâu đậm tác giả gửi gắm. Con người ta đôi khi phải đợi qua một khoảng thời gian nào đó mới nhận ra những điều trân quý, mới nảy nở những tình cảm đẹp với “đối tác” mà lúc ở bên nhau “chưa thấy gì”.

Đọc khổ thơ đầu người đọc nhận ra ngay tác giả đang muốn nói về kỷ niệm

đẹp của mình với ai đó diễn ra đã rất lâu bên một bờ ao. Ở đó có những bụi tầm xuân với những bông hoa đa sắc màu, tươi tắn trong một ngày cuối xuân. Hoa vẫn còn nhưng người chẳng thấy đâu, một cảm giác hụt hẫng băng khuâng được đẩy đến cao độ không thấy những kỷ niệm hiện hữu nữa rồi, những người bạn cũ đi đâu? Sao mình lại nhớ về người ta đến thế? Câu hỏi hay những tiếc nuối một thời. Tác giả không đánh dấu cuối câu nên bạn đọc có thể hiểu là tác giả đang thấy mình tiếc nuối. Nhưng không chỉ có thế nhà thơ khẳng định mình không thể quên được kỷ niệm đặc biệt ấy với một thời tuổi thơ đã đi qua *“Tháng năm từ bấy người ơi/ Thăm bờ ao cũ mình tôi... ngập ngừng”*. Khi trở về mới có dịp đến thăm bờ ao cũ, nhưng không phải đến bình thường mà đến trong tâm trạng ngập ngừng. Vì đến một mình mà tác giả ngập ngừng chẳng? Điều gì khiến nhà thơ ngập ngừng? Có lẽ đây là câu thơ “đắt nhất” trong khổ thơ đầu. Nó phản ánh trạng thái cảm xúc như của người lần đầu hẹn hò, một cảm xúc thật tinh khôi. Bao nhiêu năm xa cách nơi quen thuộc mà vẫn có cảm giác ngập ngừng mới thú vị làm sao. Có thể nhà thơ sử dụng chữ ngập ngừng còn để diễn tả cảm xúc khác nữa biết đâu lại gặp “người ấy” cũng về thăm lại bờ ao nơi đọng đầy kỷ niệm. Lúc ấy sẽ ứng xử thế nào? Hoặc biết đâu chỗ nhà thơ từng lưu kỷ niệm lại có đôi bạn trẻ nào đó bây giờ “chiếm chỗ” rồi... Bạn đọc cứ suy đoán thoải mái để rồi thông cảm sâu sắc với nhà thơ.

Khổ thơ thứ hai: *“Còn đâu bướm trắng rộn ràng/ Chung vui nhíp cánh nhẹ nhàng vào ra/ Ao chiều sắc tím tháng ba/ Tuổi thơ ngày ấy chơi hoa cùng người”*.

Tác giả khéo léo kể lại kỷ niệm ngày ấy vô cùng đẹp đẽ với một cảm xúc tiếc nuối vừa mơ hồ vừa rất thực. Nhà thơ chỉ dùng có sáu chữ *“Ao chiều sắc tím tháng ba”* nhưng người đọc có thể tưởng tượng ra toàn bộ không gian thời gian đọng đầy kỷ niệm, cảnh sắc những ngày tháng ba đẹp đến nao lòng, trên bờ có hoa tầm xuân, dưới ao là những đám bèo tây hoa ken dày tím tím, đàn bướm trắng rập rờn... cảnh và tình hòa quyện càng làm cho nỗi nhớ da diết và sâu lắng.

Khổ thơ thứ ba: *“Ngõ xưa đôi khác cả rồi/ Riêng tôi vẫn nhớ một người còn nguyên/ Người đi... gửi lại dấu chân/ Để người trở lại tần ngần... Hôm nay”* là một đoạn kết, là một điều khẳng định chắc nịch trong từng chữ. Ngõ xưa đôi khác cả rồi. Đúng vậy thời gian vật đổi sao dời mà không khác sao được, nhưng người ấy ơi! Tác giả vẫn *“Riêng tôi vẫn nhớ một người... còn nguyên”*. Có lẽ chẳng cần phải bình luận gì thêm về câu thơ này. Nó chính là thông điệp của toàn bài thơ, không chỉ mang ý nghĩa giữa tác giả và nhân vật thơ, rộng hơn là tính nhân văn, tình người trong sáng không bao giờ phai theo năm tháng. Vì bất cứ lý do gì khách quan con người phải chia xa thì không ai đáng trách cả. Do vậy, Vũ Anh Đức chỉ *“tần ngần”* tiếc nuối nhớ nhung thôi.

Đọc lại cả bài thơ tôi và bạn đọc sẽ bị cuốn vào mạch cảm xúc của tác giả, dường như cũng băng khuâng, tần ngần. Tôi tin ai có những kỷ niệm đẹp tương tự chắc chắn sẽ chép bài thơ này hoặc học thuộc lòng để có dịp lại “mượn” tác giả Vũ Anh Đức để giải bày. Cảm ơn nhà thơ kể chuyện mình nhưng cũng nói hộ bao người./

Cánh hoa ĐỪNG MŨI CHỊU SÀO



NGUYỄN XUÂN TƯỜNG

Cập tôi vắng vẻ, cô Hiệu trưởng Nguyễn Thị Nội một mình đạp xe qua đoạn đê bên đò Phù Lương (sông Cầu, Bắc Ninh), bị hai tên đồ xe máy chặn đường, gằn giọng:

- Muốn sống thì đưa hết tiền ra!

Hốt hoảng nhưng cô vẫn kịp trấn tĩnh, dừng lại, nói rõ ràng:

- Cuối tháng rồi, tôi làm gì còn đồng lương nào.

- Tưởng tụi tao không biết mày làm Hiệu trưởng, chiều nay được xã Phù Lương thưởng à, lại còn tiền phụ huynh lái đò cảm ơn nhận con họ học trái tuyến nữa, đưa hết ra đây!

Đúng là buổi chiều Ủy ban xã Phù Lương có đến trường. Đang thời buổi khó khăn chung, xã Phù Lương còn khó khăn hơn: Trường cấp 1, cấp 2 của xã vẫn chung trường lớp, vẫn là những căn nhà cấp 4. Học trò cấp I có em đến lớp vẫn chưa có bàn ghế, phải kê tạm lên chiếc thùng úp sập để viết. Ngay cả dãy nhà dành cho giáo

viên cũng rất rệu rã. Xã hội nghèo vẫn có lo chỗ ở cho giáo viên. Quyết sách này giúp đất nước mau chóng thoát nghèo về trí tuệ nhưng hệ thống công quyền cũng theo đó lao đao. Bí thư Đảng ủy xã nhìn cảnh khu nhà ở tiêu điều, cảnh giáo viên, Hiệu trưởng nhếch nhác, cảm cảnh. Ông bàn bạc rồi công bố:

- Làm đơn đệ trình xin kinh phí sửa mái nhà từ lâu rồi, trên nói phải chờ. Chờ đến bao giờ? Nếu hai đồng chí Hiệu trưởng (cấp I, cấp II) ai xin được tiền về xã sẽ có thưởng.

Cô Nội được Phòng giáo dục giúp ký đơn tác động trình phòng tài chính duyệt số tiền sửa chữa khu tập thể, nhưng thay vì nhận tiền thưởng, cô báo cáo để cô nhận thêm mấy cháu hoàn cảnh neo bán ở bên kia sông Cầu (khác huyện) hàng ngày theo đò gia đình sang học nhờ. Dư luận lúc đó lan nhanh, thêm thắt nói cô Nội được hai cái lộc một lúc: Lộc xã thưởng lớn, lộc mấy gia đình có con sang học nhờ, biểu. Thực

chất, người chở đồ chả phải mất đồng nào, cảm ơn cô Hiệu trưởng trẻ nhiều lắm.

Cô Nội giải thích với hai tên chặn xe:

- Tiền thưởng tôi không nhận xã nhập lại quỹ rồi. Mấy gia đình nghèo rớt bên Thắng Cường thì lấy đâu ra mà biếu với chả xén.

Chúng không tin, khám túi, chỉ có mỗi quyển sổ công tác. Lại sờ nắn khắp người, khiến cô giáo phải la to:

- Làm cái gì thế! Anh lái đồ ơi, cứu, em bị cướp, cướp...

Dưới ánh trăng suông tên cướp nhìn cái xe đạp rách, lốp bục phải buộc quần dây cao su thì cáu tiết, văng tục: “Mày có cái đ...éo gì mà bảo chúng tao cướp, người thì tinh xương, cút!”...

Vậy là cô mới chỉ gặp cướp chứ chưa bị cướp.

Đạp xe về đến nhà vẫn còn “tim đập chân run”. Dù không bị cướp chỉ gặp thôi vẫn nhớ để đời. Sau đó không lần nào cô Hiệu trưởng gầy yếu gặp cướp nữa nhưng lai liên tục bị... cướp, bị cướp về... sức khỏe, uy hiếp về tinh thần...

Cô giáo Nguyễn Thị Nội là người làng Thất Gian, xã Châu Phong, Quế Võ. Tốt nghiệp phổ thông hệ 10 năm, học Sư phạm tiểu học có 3 tháng từ năm 1977, ra trường được điều về dạy ở huyện nhà. Sau 4 tháng đứng lớp, kiểm tra thực mục sở thị lãnh đạo phòng đã mạnh dạn đề bạt làm tổ trưởng trẻ nhất huyện, rồi liên tục đạt danh hiệu giáo viên giỏi, đến năm 1984 cô “xuất giá tòng phu”; Năm 1986 vừa sinh con thứ 2 trong hoàn cảnh thiếu thốn mọi bề của cả nước thì chồng cô phát bệnh thần kinh. Căn bệnh người chồng gia tăng đúng vào

lúc cô Nội được đề bạt Hiệu trưởng trường cấp xã Phù Lương nghèo túng. Như cùng phù họa theo, ngôi nhà cô ở với mẹ chồng cũng mỗi ngày mỗi xập xệ mỗi mọt. Đang vét gạo trong buồng chuẩn bị nấu cơm thì nghe có tiếng rắc rắc, cô vội hét toáng: Nhà sập đấy, chạy ra ngoài hết đi!

Người cuối cùng vừa kịp thoát khỏi cửa, căn nhà đổ ụp.

Dạy học ở Phù Lương, cô nhìn lên mái che khu nhà của giáo viên thấy độ chắc chắn không hơn gì... Huyện mới chỉ kịp hỗ trợ mấy chục bộ bàn ghế tạo đà cho Hiệu trưởng mới nâng chất lượng dạy và học, cũng chưa ai nghĩ đến căn nhà tập thể đang rất có thể xảy ra cái cảnh hãi hùng cô vừa phải chứng kiến. Giữa buổi họp trên huyện thì có điện thoại máy cố định gọi: Chị ơi, nhà ở của giáo viên vừa sập mái rồi!

Cuống cuồng hỏi: Có ai việc gì không?

Lúc ấy không có ai trong nhà.

Một buổi đạp xe trên đê lên huyện họp, gió to quá, ngã dúi dụi, lấm láp, cứ thế cô vào phòng họp. Các “sếp” phải tính chuyện hợp lý hóa cho cô giáo gầy yếu chuyển về làm Hiệu trưởng tại quê chồng xã Ngọc Xá để thoát cảnh đường đê công chênh. Nào nghĩ, quê chồng cũng đâu chỉ có chum khế ngọt.

Chồng cô nguyên là quân nhân đơn vị B2, C33 trực thuộc E8, F395 đặc khu Quảng Ninh trong chiến tranh biên giới phía Bắc được đào tạo chuyên hồi cung tù binh TQ; bữa đi rừng bị trượt ngã sưng đầu cùng với lần luyện tập bị va đập và muỗi rừng gây sốt phải nằm Viện quân y



Minh họa: LƯU QUANG LÂM

107... xuất ngũ đi học thủy lợi vận hành máy bơm; do sổ sách hộ khẩu trục trặc và sức khỏe bất bình thường, thần kinh không ổn định, không xin được việc.

“Khoai vò bỏ mẹ lấy con”, cô xác định chung sống với bệnh tật của chồng để chăm sóc 2 con.

Buổi thu hoạch lúa ngoài đồng nghe mấy người đi qua khích bác: Vợ thì ăn trắng mặc trơn vào ngồi mát trong phòng Hiệu trưởng, chồng thì nai lưng ra kéo lúa dưới trời nắng thế này a?

Con đau đầu lại khiến bệnh tình tá hỏa, bỏ lúa ngoài đường chạy vung vẩy về nhà la hét; vợ không có nhà, nghe câu người dung khích tiếp:

- Vào tận trường mà bắt vợ ra đồng kéo lúa mới đáng mặt làm chồng chứ!

Thế là xông thẳng vào tận văn phòng nhà trường khiến loạn xạ. Nhà trường phải nhờ Ủy ban can thiệp, cảnh cáo: Chôn cửa công gây mất trật tự, có muốn dân quân, bảo vệ gô cổ lại không? Cái tội ở nhà vô cớ đánh đập vợ con, pháp luật còn chưa rõ

đến đây. Biết điều thì ra khỏi đây!

Vội vã, tất bật ra khỏi trường gò lưng đi kéo lúa về ngay lúc ấy không phải là ông xã... mà là cô Hiệu trưởng... và cái sự “biết điều” của người bị thần kinh rối loạn lại vẫn thường xuyên tái phát trong ngôi nhà với ba mẹ con cô.

Chồng mang bệnh thần kinh, vợ phải chịu nhiều đắng đót. Người bệnh gây ra hết bất ngờ này đến bất ngờ khác. Ở trường về nhà muộn một chút là bị nghe chồng chửi, đổ lỗi đủ chuyện, thành thử hợp hành bao giờ cô cũng ngắn gọn rõ ràng.

Bản lĩnh của người lãnh đạo trường tiểu học Ngọc Xá buổi ấy vẫn thể hiện vững vàng, tuân tự như tiền, việc nào cũng gọn ghẽ. Những thoáng lặng lẽ phải cố che đi nỗi riêng tư. Yêu trường, yêu nghề, muốn ở lại trường lắm nhưng cái tổ ấm ở nhà lúc nào cũng có vấn đề thúc gọi. Về đến nhà là lại phải đối mặt với cảnh người bệnh hậm hực, quát tháo, cảnh con thơ đợi mẹ. Niềm vui gia thất chẳng có để nhân đôi, nỗi buồn lại không thể san sẻ. Bạn hữu lác đầu, đời người vợ, người mẹ sa vào cảnh bi đát, hụt hẫng hạnh phúc hôn nhân, tai họa rập rình; chăm sóc, chịu đựng như thế “gỡ cho xong nợ còn gì là thân”. Xác định không nhìn thấy chân trời, hoặc giả là thứ chân trời vẽ trong cửa sổ.

Sự cảm thông của đồng nghiệp, của chính quyền thực sự cần thiết, song chưa thể đủ. Nỗi ức chế bị đen đui trong danh phận, của người từng ra mặt trận không được hưởng chế độ bệnh binh (do hồ sơ ngày nằm viện chỉ ghi là sốt rét), luôn thường trực trong tâm khảm chồng cô giáo. Chỗ va đập ở đầu thoáng lại sung

thành vùng bùng bùng gây đau buốt thì không có trong bệnh án. Cuộc sống của bệnh binh này cần có môi trường văn hóa tốt để không bị kích động tinh thần. Hơn thế, là cô giáo còn phải lo cho con cái ăn học, phải tạo điều kiện để một mai chúng phát triển.

Sớm nhận ra điều ấy người anh chồng cô Nội khuyên: “Chú thím nên thu xếp chuyển lên sống ở thị trấn tạo điều kiện học hành cho các cháu và chú ấy bớt bị kích động cũng như đi bệnh viện thuận tiện hơn”.

Bán đất quê, đất đền bù của khu công nghiệp Quế Võ II lấy tiền lên khu 5 thị trấn Phố Mới ở. Hai con của cô đều chăm chỉ học hành nhưng đồng thu nhập thì còn quá eo hẹp và vẫn trông cả vào lương Hiệu trưởng tiểu học ít ỏi cùng gạo thóc tự sản xuất ở mấy sào lúa dưới quê làm sao lo đáp ứng được các yêu theo cầu mặt trái khác của xã hội để chạy chế độ cho người bệnh.

Một buổi cũng vào khoảng chập tối, vết thương ở đầu lại tấy lên, lang thang đi trên hè phố nghe chuyện có nhiều người chẳng chút sứt sỡ cũng được hưởng chế độ trợ cấp người có công với nước, người bệnh binh không được hưởng gì luôn miệng nói một mình: Xã hội bất công, xã hội bất công! Có người đáp lại: Không phải bất công mà là rất trọng công lao đóng góp của nhân dân, chỉ tại nhà mình không biết lựa để hưởng chính sách...

Quay về nhà, nỗi ám ức thua thiệt không nguôi ngoai, lại nhớ chuyện nếu ngày ấy vợ nhận tiền xã Phù Lương thưởng chạy chế độ bệnh binh cho mình thì chắc xong từ lâu rồi... phút chốc bùng bùng la

hét rồi vớ lấy chiếc bơm xe đạp đập đập thẳng vào vợ đang ngồi bên chồng giấy tờ. Cô Nội kịp né người tránh, đến cái vệt thứ 2 nhanh nhoáng nhoàng của người bệnh thần kinh thì cô chịu trận. Thân bơm đập thẳng vào đùi khiến buốt lên tận óc, hoa mắt. Kịp gọi con gái, bố đánh mẹ gãy chân rồi... tôi chết thì ai nuôi con, ai nuôi ông... Dứt lời thì ngã sấp. Bấy giờ người gây chuyện cũng hoảng sợ bỏ chạy ra cánh đồng. Các cháu con người anh chồng và hàng xóm kéo tới xoa dầu bóp. Chỗ bị đánh tím bầm, may mà chiếc bơm mới chỉ gây tổn thương phần mềm...

Người con trai lớn đang ở Hà Nội lúc 10h đêm biết tin mẹ bị bố đánh tức tốc phóng xe về, càng giận bố càng thương mẹ. Tuổi trẻ bồng bột nghĩ mẹ chỉ có thể không bị tai họa khi thoát hẳn khỏi cái ách nghiệt ngã của hôn nhân. Cô khuyên: Con hãy bình tĩnh, bí bầu chung giàn phải cưu mang, huống hồ đây lại là ruột thịt của riêng nhà mình. Chỉ vì đi bảo vệ biên giới bố con mới không may bị thần kinh vậy, chỉ cần anh em con chăm chỉ học hành làm việc là mẹ đủ nghị lực vượt qua!

Tình thương mẹ đã giúp hai con cô xử lý thích hợp với hoàn cảnh. Chúng cùng nhau đi tìm bố về, cảnh báo và ra điều kiện không cho phép chuyện xảy ra một lần nữa. Con cháu hiếu thảo đã tạo một dàn chắn song vừa bảo vệ mẹ, bảo tồn được không khí gia đình thúc bá đệ huynh, vừa không để tự tung tự tác gây ra những việc đau lòng nữa.

Quý trọng gia đình đã được đồng nghĩa với thực hiện nghĩa vụ công dân, với tập thể nhà trường và với nơi cư trú...

Từ năm 1999, cô giáo Nội xin chuyển công tác về gần thị trấn huyện để thuận chăm sóc chồng con. Cô chấp nhận hoặc làm Hiệu Phó, hoặc làm giáo viên. Mọi công tác vẫn được cô hoàn tất chu đáo. Lãnh đạo huyện thấy rõ sự lãng phí cán bộ này cần phải khắc phục. Hai lần cô cự Hiệu trưởng tận mắt, tận tai chứng kiến tờ quyết định tên mình trở lại làm Hiệu trưởng, song chỉ là nhìn để đẩy, nhìn biết vậy bởi hoàn cảnh gia đình lúc này chưa thích hợp. Mỗi khi đó Phòng giáo dục mới biết chồng cô bị tai nạn thiệt thòi, mới cấp hẳn một suất trợ cấp đột xuất. Cuộc sống chẳng thể cầu toàn miễn là con thuyền của ngành cô công tác vẫn đang ra biển lớn. Đổi mới tư duy, mặt trận nào cũng cần tinh thần ấy. Bản thân cô do bệnh tật người chồng làm chậm chuôi đường phấn đấu nhưng cô không vì thế để mọi thứ chậm theo.

Hai con của cô rời khỏi Thủ đô về hẳn thị trấn huyện nhà. Từng làm ở Nhật hai năm nhưng con trai của cô về nước không đi làm cho người Nhật ở trong khu công nghiệp Quế Võ mà quyết định đứng ra lập công ty, dùng kiến thức điện lạnh bách khoa của mình thuê đất lập xưởng nước lọc dầu thu nhập bước đầu mới chỉ xấp xỉ với đi làm cho nhà máy Nhật ở Việt Nam. Cái được là mình tự chủ, độc lập lại ổn định cả sức khỏe tinh thần cho bố mẹ và quê hương cũng thêm một cơ sở sản xuất. Con gái cô học tin học tốt nghiệp xuất sắc, huyện ưu tiên cho về trường thị trấn dạy cũng lấy chồng gần và liên tục đạt danh hiệu giáo viên giỏi... Mấy năm vừa rồi bố của chúng cũng được hưởng chế độ trợ cấp

khuyết tật hang tháng. Từ ba bề bốn phía đang tạo nên một không khí mới khóa lấp nổi người bị thiệt thòi trong cơn chuyển mình của đất nước.

Tình trạng thần kinh của chồng cô thay đổi theo chiều hướng tốt. Có thể do bệnh viện đổi thuốc, có thể do tình hình đời sống tốt lên; trong túi người tâm thần nay cũng đã có đồng tiền rủng rỉnh, không nhẵn như túi của nữ đương kim Hiệu trưởng buổi gặp cướp trên đê sông Cầu. Cô cựu Hiệu trưởng tiểu học nay không còn phải bắt ngờ nhin ăn lên lớp vì suất cơm con vét gạo nấu phần mẹ về muộn bị bỏ nhân lúc vắng vẻ cho hết vào dạ dày mình. Các con cùng có nhận xét: Bây giờ cả bố và mẹ đều khỏe đẹp hơn nhiều.

Phút vui về mọi người nhắc nhớ:

- Ngày mới cưới, rồi ngay cả sau khi sinh hai con, cô giáo làng Thất Gian luôn bị chê mấy điểm: già hơn, xấu hơn chồng. Hiện tại thì sao nhỉ?

Đồng thanh đáp:

- Bây giờ vợ trẻ hơn, đầy đặn, trắng hơn, đẹp ra; chồng già hơn, vêu hơn nhưng cũng đã khỏe hơn, tiến bộ hơn. Không đánh vợ nữa.

Có lúc các con nghe mẹ mách qua điện thoại: “Bố chúng mày lại vừa la mẹ đây này”, thì liền thấy tiếng bố “không la nữa, đừng mách chúng nó nữa, gần chục năm nay có đuổi mẹ nó lần nào nữa đâu”.

Qua nhanh hơn 10 năm di cư lên thị trấn, cô giáo Nội một phương đi về chăm chút chồng con, góp phần nhỏ bé vào công cuộc dựng xây trung tâm huyện lỵ - nay đã là thị xã Quế

Võ. Nữ Hiệu trưởng từng bị gió thổi đổ cả người và xe hiểu mình vượt được lên là nhờ có niềm tin ở ngày mai, tin ở các con sẽ trưởng thành. Chân trời hy vọng với cô như ở ngay trong ngôi nhà nhỏ, tắt tả làm lưng sinh nhai, ẩn trong hình dáng của người thân, buồn vui trong nụ cười tiếng khóc của chúng.

Cô khỏe ra, xinh tươi chẳng nhờ ở mỹ phẩm thần tài hay sự chiều cố nào, thấy đều ở các con ngoan, lảng giềng tốt, cuộc sống mỗi ngày một đầy đủ và quan trọng là sống tốt với người bên cạnh. Nếu không được như vậy đội văn nghệ tập thể cô tham gia từng đạt giải nhất hát quan họ Quế Võ cũng không dễ tồn tại, đừng nói đến phát triển. Và cô trong trách nhiệm cán bộ mặt trận cơ sở cũng sẽ khó thuyết phục các cử tri vui vẻ đi bỏ phiếu bầu cử, ủng hộ Quỹ phòng chống Covid-19. Cuộc sống có văn hóa truyền thống và văn hóa cách mạng kết hợp góp phần làm cho thành quả đạt được bền chắc và ngày một đẹp lên./.



LÊ THỊ HUYỀN

Món quà từ Len Đao

Tay nâng niu món quà
Từ Len Đao bé nhỏ
Cờ tung bay trước gió
Ồ nói lời đại dương.

Dũng cảm và can trường
Vững vàng nơi đầu sóng
Làn da nâu căng bóng
Trong sắc trắng Hải quân.

Ôn biển cả mệnh mông
Bao dung người lính trẻ
Ôn nghĩa tình đất mẹ
Nuôi dưỡng tấm lòng trung.

Giữa sóng biển điệp trùng
Bao hiểm nguy rình rập
Không cho lòng dao động
Bản lĩnh luôn vững vàng.

Tay súng luôn sẵn sàng
Giữ biển trời Tổ quốc
Vững tin và tiến bước
Vì đất nước mến thương.

Nơi ấy có hậu phương
Yêu thương và mong nhớ
Hằng đêm con gái nhỏ
Thỏ thẻ kể chuyện trường.

Lời cảm ơn yêu thương
Nhờ đại dương xanh thẳm
Gửi em - người giữ đảo
Nơi đầu sóng Len Đao!

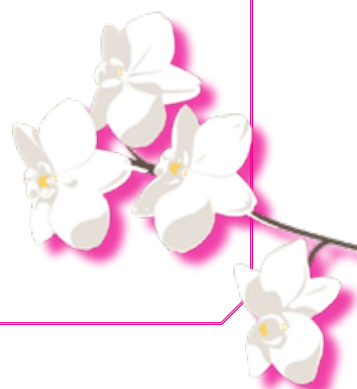
BÙI HỒNG MẶN

Đêm Trường Sa

Biển nổi sóng vỗ vào bờ cát trắng
Lính đảo Trường Sa thầm lặng gác đêm thâu
Dưới ánh trăng bao con sóng bạc đầu
Biển xanh thẳm, bình yên là hạnh phúc

Đảo ngọc ơi! nỗi nhớ nhà thôi thúc
Dòng Ngân Hà ai gạn đục khơi trong?
Cho ta gửi về miền quê Kinh Bắc
Biển đảo - Quê hương... mãi mãi ở trong lòng!

Càng nhớ quê càng quyết tâm giữ đảo
Trường Sa ơi! Máu thịt nước non mình
Trai Kinh Bắc hương về sao Bắc Đẩu
Đảo vững bền cùng Tổ quốc quang vinh!



Chiều nay nắng hạ oi ả còn đi ngang ngõ, thoát cái mưa về ào ạt. Mưa tinh nghịch hay bày trò mang lại cho kẻ khác bất ngờ. Người đi đường chỉ kịp hối hả tạt vào một mái hiên. Mưa đầy uy lực khiến cho lòng đường xe cộ đang qua lại như mắc cửi bỗng chốc không một

bóng người. Chỉ còn vũ điệu mưa giữa bản giao hưởng nồng nàn của gió khi dồn dập khi lắng đọng khiến đất trời không kịp trở tay...

Ngồi đợi mưa ngọt với bao ngẫm ngợi:

Những cơn mưa muôn hình vạn trạng

TẢN MẠN MƯA

LƯƠNG THÌN

đi ngang đời ta mang về bao hoài niệm thiết tha. Mưa phún trong những ngày cuối đông, đầu xuân đã trở nên quen thuộc với người miền Bắc. Mưa làm cho cái rét thấm sâu vào bên trong da thịt. Mưa vẽ hình lên từng ô cửa kính mờ hơi nước. Mưa đánh thức hạt thóc nứt vỏ tí tách bật mầm thành những ô mạ mơn mớn. Mưa gọi dậy chồi xanh, vuốt ve má hồng he hé nụ đào phai đào bích. Mưa len lỏi vào tâm thức bao người con xa xứ không kịp về quê đón Tết nhớ da diết thời khắc giao mùa lắc rắc hạt buồn hạt nhớ...

Những cơn mưa rào đầu hạ lại phẳng phất dấp dấp một người đầy cá tính, sôi nổi và nồng nàn, thậm chí thẳng thắn đến mất lòng. Có lần mưa không hẹn trước, chẳng nói chẳng rằng ào ào trút xuống

nhân gian bao khúc mắc sau đó lại chẳng để bụng điều gì. Người ta có thiện cảm với mưa rào. Mưa xoa dịu cái nóng nực giống như gỡ được cái nút thắt của sự hiểu lầm nên sau mưa trời mát mẻ nhẹ nhõm, thậm chí nắng tươi lại bùng lên rạng rỡ. Cũng có những cơn mưa rào được báo trước. Khi ấy trên cánh đồng màu chúng tôi đang cùng mẹ nhổ cỏ lạc thì mây đen sì sầm kéo đến. Mẹ nhìn trời rồi bảo "*Con đừng Đứng vừa trông vừa chạy*" mấy mẹ con chỉ kịp hối hả rào bước về tới nhà thì mưa cũng sập xuống... Mưa vô tình hay hữu ý làm cho con người gần lại. Một tấm áo mưa của người thân bạn bè mang đến cho mình lúc đang mắc kẹt giữa trận mưa ào ạt bỗng thấy lòng ấm áp biết bao nhiêu...

Tôi nhớ con đường từ trường về nhà

gặp trận mưa rào, bọn trẻ cùng xóm chẳng đứa nào trú, chạy ra giữa tấm màn nước trắng xóa mà reo hò nhảy múa, có đứa còn ngửa mặt lên để hứng những hạt mưa xiên xiên, đứa nào đứa nấy ướt sũng từ đầu đến chân, tóc bết lại. Khi tôi về tới nhà là lúc mẹ cũng vừa đi chợ về. Mẹ đặt vội đôi quang gánh xuống, lấy chiếc gáo dừa hứng dưới giọt gianh đầy một gáo trong vắt cho tôi uống để khỏi bị cảm. Từ ấy mỗi lần dầm mưa tôi đều uống một ngụm nước mưa, chẳng bao giờ ốm...

Nhà tôi có một chiếc bể hình bán nguyệt cứ đến mùa hè khi mưa rào trút xuống lại đầy ắp nước. Nước về bể từ tàu cau, từ mái lá trong vắt. Bố tôi dành riêng nước mưa để pha trà. Nước trà xanh óng thơm đượm hương nhài. Bố tôi và chú Huân hay ngồi đánh cờ dưới mái hiên, nhấp từng ngụm trà nhỏ. Có lần không đánh cờ thì ngồi ngâm thơ lấy Kiều, kể tích xưa. Mỗi lần như thế bố nhìn màn mưa đọc câu của tiền nhân mà đến bây giờ tôi vẫn nhớ: *Vũ vô kiềm tỏa năng lưu khách* (Mưa không có then khoá mà giữ được khách)... Bây giờ bể nước vẫn còn ở đầu nhà nhưng bố tôi không còn hứng nước mưa. Khói bụi công nghiệp tích tụ thành mưa axit có hại cho sức khỏe nên từ lâu nhà tôi không còn dùng nước mưa để sinh hoạt nữa. Chỉ còn chiếc bể cổ nằm đó qua bao mùa mưa nước vẫn không đầy...

Những cơn mưa ngẫu lại như thử thách sự kiên nhẫn của con người. Mưa lách rách suốt cả tuần. Mưa gieo bao suy tư hạnh ngộ. Mưa cho dài nỗi lòng con cháu nhớ về ông bà trong lễ Vu Lan tháng Bảy. Bao nhiêu nước sông Ngân chảy ngược thành giọt lệ trong lòng Ngưu Lang Chức

Nữ rơi xuống nhân gian. Những cơn mưa dứt quãng tựa phím đàn buồn, lặng lẽ thấm dầm vào mái lá, đọng thành giọt trong vắt trên tàu cau. Mưa chuyển lời tâm sự của trời đến với đất, mưa tí tê như kể lại huyền thoại ngày xưa có chàng chăn trâu yêu cô nàng dệt vải con gái nhà trời mỗi năm chỉ được gặp nhau ngày thất tịch. Mưa vỗ về cây cỏ sau tháng ngày nắng như đổ lửa. Đã có mưa tưới lúa màu, nhà nông nhàn hơn chỉ việc mang đó ra đồng, loáng cái đó lớn đó bé, đó mẹ đó con đã ấm ắp cá tôm.

Có lần, giữa buổi sớm ở vùng cao, tôi nghe tiếng lộc cộc trên mái tôn, tiếng lộc cộc mau dần như đám đông đồng loạt gõ. Rồi mưa đá hạt to bằng ngón tay cái rơi trắng xóa mặt đất, mấy tàu lá chuối rách tướp mái bloxi măng thùng lỗ chỗ chỗ. Mấy cô cậu thanh niên lần đầu thấy mưa đá còn thích thú nhón lấy mấy viên đá bỏ vào tách cà phê. Thời gian cơn mưa đi qua chỉ chừng mười phút như một bản nhạc rốc với tiết tấu gấp gáp mãnh liệt. Sau đó trời dần hừng nắng và ráo hoảnh như không hề có chuyện gì. Nhìn từng vốc từng vốc hạt mưa đá tan dần trên mặt ruộng loang nước, chảy trên những vòng cải giập nát thấy nghèn nghẹn thương cho bao mồ hôi công sức của người trồng cấy.

Cuộc đời mỗi người không đếm nổi bao lần đi qua những cơn mưa. Có cơn mưa mang đến niềm vui, có cơn mưa gọi lên nỗi nhớ niềm thương man mác.

Mưa như người đi xa sau chặng hành trình dài phiêu lãng lại trở về nơi nguồn cội. Mỗi lần trở về thêm trong trẻo mát lành mang những ân tình hòa vào giếng nước dòng sông quê hương xứ sở...

TIẾNG HÁT CHÈO

TỪ MỘT LÀNG NGHỀ MÂY TRE ĐAN

NGUYỄN HUY BÁCH

Dự liên hoan văn nghệ tiếng hát người cao tuổi huyện Gia Bình kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu và kỷ niệm truyền thống người cao tuổi ngày cách đây gần một năm. Tôi như trong mơ, lạc giữa thế giới thần tiên.

Như một ngày hội các ông, các bà của 14 xã, thị trấn dồn về nhà văn hoá Trung tâm huyện, trên khuôn mặt hân hoan, rạng rỡ. Họ quên cả tuổi già, quên cả một thời vất vả vì chồng con, lo toan, bươn trải, mà chính họ có một thời là hậu phương vững chắc cho người ra trận

Trên sân diễn, họ là mùa xuân, là những anh hai, chị hai, liền anh, liền chị e ấp trong vành nón ba tầm, khăn xếp áo the ngồi tựa mạn thuyền, chia tay nhau dùng giăng hát câu già bạn. Hẹn mùa tới hội sau. Họ hoá thân thành cô Tấm thực hiện chịu khó chịu thương, mẹ đốp hóm hình hay Thị Mầu chao trát đong đưa làm nghiêng ngả mái đình chiếu Chèo đêm hội.

Tiếng vỗ tay không ngớt với liên khúc Chèo của Xuân Lai. Tiết mục tự biên hát thật có giàn nhạc dân tộc, để lại ấn tượng trong lòng bạn bè và khán giả. Người chỉ huy biểu diễn là ông Trần Hữu Nhi. Tuổi ngoài 80 nhưng vẫn gắn bó với phong trào, gắn bó với Chèo như hình với bóng, như cơm ăn nước uống. Tôi thật ngỡ ngàng ở một làng nghề mây - tre - đan lại có những giọng ca Chèo ngọt ngào đến thế. Trong đầu tôi bật lên ý định phải về nơi ấy một chuyến.

Trời oi nồng. Nắng hè như đổ lửa xuống những cánh đồng vừa mới gặt xong chỉ còn trơ gốc rạ. Như một gã lang thang tôi tìm về Xuân Lai. Người đầu tiên tôi cần gặp là ông Trần Hữu Nhi mà tôi đã nhắc ở trên. Sau những cốc nước mát tiếp khách niềm nở, chân thành của ông bà Nhi. Tôi vào chuyện. Tôi nói với ông, tôi không phải là phóng viên nhà báo, nhà văn gì cả mà chỉ là người yêu tiếng hát Chèo của Xuân Lai mà tìm đến Xuân Lai, để có

câu trả lời thoả đáng cho chính mình, tại sao Chèo có sức hút kỳ lạ nó như bùa mê vậy? Chẳng thể ông cha ta có câu: “*Ăn no rồi lại nằm khoèo/ Nghe tiếng trống Chèo bé bụng đi xem*”.

Ông nói với tôi, Chèo Xuân Lai có từ năm ông 16 tuổi, năm nay ông 86. Vậy Chèo Xuân Lai có tuổi đời 70. Qua tiếp xúc tôi được biết trong những năm tháng kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ông là bộ đội phòng không, không quân chiến đấu bảo vệ nơi trọng điểm hay những cung đường cho những chuyến hàng ra tiền phương. Và có cả thời gian chiến đấu, công tác tại nước bạn Lào. Có chút năng khiếu, ông tham gia văn nghệ xung kích của sư đoàn đi biểu diễn động viên tinh thần chiến đấu của bộ đội, ngay trên trận địa pháo, trận địa tên lửa... Vào những năm 1962 - 1963, đoàn Chèo Hà Bắc về thành lập đoàn Chèo nghiệp dư Gia Lương. Như một vết dầu loang, hát Chèo đã về tới các xã các thôn. Và Xuân Lai đã có đoàn Chèo. Lúc ấy ông Nguyễn Văn Phùng làm đoàn trưởng. Xuân Lai đã có những vở diễn: Đào Lương tự nghĩa, Trần Quốc Toàn ra quân, chị Dậu trích tác phẩm **Tắt đèn** của Ngô Tất Tố. Đoàn đi biểu diễn nhiều nơi trong huyện, gây được tiếng vang được khán giả mến mộ. Bây giờ hình thức không còn được như ngày xưa nữa mà chuyển sang câu lạc bộ văn hoá văn nghệ của thôn. Hát có nhiều thể loại nhưng chủ yếu vẫn là hát Chèo. Các tiểu phẩm hoạt cảnh Chèo xuất hiện nhiều chuyển tải thông điệp chống nghiện hút

ma túy, bảo vệ môi trường, xây dựng gia đình văn hoá ở khu dân cư... Phục vụ hội hè đình đám của làng phục vụ đại hội sơ kết, tổng kết, các ngành của xã, của thôn.

Công việc nhà nông, công việc làng nghề có bao giờ hết việc. Dù bận bịu đến mấy xong các ông, các bà, anh chị em vẫn bố trí thời gian thích hợp tập luyện. Hề nghe tiếng trống Chèo là các diễn viên đã có mặt đông đủ tại nhà văn hoá của thôn. Tiếng nói, tiếng cười, tiếng đàn, tiếng hát làm vui đi nổi vất vả trong mỗi ngày lao động. Bà Thu Như “kép” của Xuân Lai, giữ phách nhịp, uốn nắn cặn kẽ, tỉ mỉ từng làn điệu cho các diễn viên. Bà có duyên với Chèo và hát văn. Bà sinh ra trong một gia đình có 4 thế hệ hát Chèo. Các thành viên trong gia đình từ anh chị em đến các cháu của bà có thể sắm đủ vai cho các hoạt cảnh hay một vở diễn. Bố của bà ngày xưa là tay trống có hạng trong vùng. Cho nên bà thừa hưởng được cái “gen” Chèo từ người cha để lại. Chính vì Xuân Lai có kép đàn, kép hát nên Xuân Lai có lợi thế về nghệ thuật Chèo truyền thống. Trong các kì hội diễn sân khấu không chuyên của tỉnh Bắc Ninh tổ chức, Xuân Lai đã đóng góp diễn viên, nhạc công cho đoàn của huyện Gia Bình đoạt được giải cao. Riêng cá nhân bà có 2 huy chương Vàng, 3 huy chương Bạc và một giải A Hát văn.

Về Gia Bình bạn muốn mua hàng mây tre đan hãy về Xuân Lai chuyên sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ. Vật liệu chính là tre, nứa, song mây, với bàn tay khéo léo tài hoa của người thợ, nghệ nhân

nơi đây, họ đã làm ra những tác phẩm tranh tre mang đậm hồn quê dân tộc, hay những vật dụng đồ dùng được người dân trong nước ưa chuộng. Xa hơn nữa xuất đi cả thị trường EU, mang về nhiều ngoại tệ làm giàu cho Xuân Lai.

Về Xuân Lai bạn còn đắm mình vào các giọng ca Chèo của cô Kim Xinh, Kim Xuyến, Thùy Dung, của anh Văn Hùng, Văn Châm, Đức Ngưỡng, Văn Kì, cháu Đức Hiếu... Đó là những lớp hát Chèo kế cận hôm nay.

Tuy phong trào có lúc thăng lúc trầm nhưng Xuân Lai có những hạt nhân như ông Trần Hữu Nhi, bà Thu Nhù là người nặng lòng với Chèo, là người giữ lửa cho Chèo Xuân Lai, tồn tại cháy mãi.

Chia tay ông Trần Hữu Nhi tôi cứ miên man trong niềm suy nghĩ: Từ xưa. Từ thuở khai sơn phá thạch, khai hoang lập ấp, ai đã đặt tên cho làng là Xuân Lai để Xuân Lai lúc nào cũng là mùa xuân: Xuân Lai xuân đến Xuân Lai để Xuân Lai vượng khí, hanh thông. Một Xuân Lai ý Đảng lòng dân xây dựng quê hương giàu đẹp.

Âm thanh rộn rã từ một làng nghề. Trong veo của tiếng hát Chèo vang mãi bay xa./.

VŨ THỊ PHÚC

Bàn tay con

Bàn tay xòe ra giống mẹ
Từ khi con mới lọt lòng
Cánh điều tuổi thơ no gió
Con thuyền cười sóng biển Đông.

Bây giờ đã sang mùa hạ
Trời cao nắng rất cả ngày
Mong con đá mềm chân cứng
Mẹ ngồi bấm đốt ngón tay.

Sắn khoai con trồng bữa trước
Thảo thơm hương lúa quê nhà
Ăn no mới giành chiến thắng
Gạo làng cô bác gửi ra.

Tay con vững vàng tay súng
Mắt ngời nhằm thẳng quân thù
Mỗi khi se se ngọn gió
Lòng mẹ thao thiết lắng nghe.

Ước mong đến ngày toàn thắng
Ngắm con đi dưới bóng cờ
Vòng tay thân thương dang rộng
Ôm con xanh về tuổi thơ./.

NGUYỄN VĂN HỌC

Đôi mắt

Lúng liếng nụ cười
Thắm yêu câu Quan họ
Nổi nhớ đầm trên mí mắt
Em gọi mình sang sông.

Mùa cải tro xuân
Kính Bắc một cơn mưa đi vắng
Ai vừa qua hội làng vui lắm
Thấy yêu thương khe khẽ hát bên mình.

Đứng ở chợ Chờ, em sáng với bình minh
Màu áo trắng lẫn vào sương mỏng quá
Đôi mắt cười niềm xuân bùng thức
Thấp trong ta một vàng nắng nguyên lành.

LƯƠNG DUY CÁN

Khởi chiều

Tôi thường nhớ quê vào những buổi chiều
Ấy là lúc lửa bếp vui
nồi cơm vừa chín tới
Mẹ ra chờ đầu ngõ
Khói lam chiều vờn trên mái tranh
Tóc mẹ như chiều sương.

Một đời tảo tần
Chiều chiều mẹ ra đầu ngõ chờ con
Những bước chân tan trường
Bếp lửa vừa tàn
Cơm vừa chín tới.

Hình bóng mẹ suốt đời con là vậy
Không mong gì hơn
Con gắng sống làm người./.

NGUYỄN THỊ BÌNH

Gửi câu lục bát

Gửi vào câu lục bát em
Vọng xa xưa nỗi lắm lem phận người
Có nước mắt, có nụ cười
Nắng mưa bão gió từ thời hồng hoang.

Gửi câu lục bát dịu dàng
Lấp đầy cái nhớ võ vàng ngày xa
Còn không ơi cái thật thà?
Đồng tiền má lúm mận mà môi xinh.

Gửi câu lục bát nặng tình
Gói vào sâu thẳm bóng hình quê hương
Đã rằng chín nhớ mười thương
Men câu lục bát tìm đường... về nhau.

Gửi câu lục bát lắng sâu
Làm duyên có bắc cây cầu sang sông
Cho dù biển rộng mênh mông
Vịn câu lục bát sẽ không... lạc bờ.

Gửi câu lục bát hẹn chờ
Đò xưa bến cũ... ngăn ngor tìm về
Cho dù thăm thẳm đường mê
Nhờ câu lục bát lời thề vẹn nguyên./.

NGUYỄN BÁ MƯA

Ba lời cảm ơn

Tay em bung bát cơm thơm
 Càng thấy cảm ơn cây lúa
 Chắt chiu gạn từng giọt sữa
 Hiến dâng hạt gạo nuôi người

Lòng em xao xuyên bồi hồi
 Ôn người sớm trưa vất vả
 Mặc cho mưa đông nắng hạ
 Chăm cho cây lúa trở bông

Mỗi khi đứng ngắm cánh đồng
 Lúa vàng mênh mông bát ngát
 Càng nhớ công ơn Đảng - Bác
 Cho em cuộc sống hôm nay./.

HỒNG THỨC

*Thăm Gành Đá Đĩa**Tuy An*

Phú Yên biển biếc chiều nay
 Ngắm nhìn sóng vỗ mê say tâm hồn
 Thăm Gành đá đĩa Tuy An
 Quê hương rạng rỡ, kỳ quan tuyệt vời
 Nước xanh, mây trắng lưng trời
 Tàu thuyền tấp nập, núi đồi nhấp nhô
 Bãi kia ai xếp bao giờ
 Hàng hàng đá đĩa bên bờ biển xanh
 Cảnh quan như một bức tranh
 Dáng duyên phong cảnh hữu tình đẹp sao
 Càng đi càng thấy tự hào
 Việt Nam đất nước - Nơi nào đẹp hơn !





Cô Út

TỔ QUYÊN

Cuối cùng cô Út cũng lấy chồng. Cả nhà tôi mừng lắm. Ông bà tôi sinh được ba người con, bố tôi là cả, sau đến chú tôi, cô là Út. Năm nay cô sang tuổi ba mươi tư kể cả tuổi mụ. Cô Út vốn xinh gái, là giáo viên của trường tiểu học tí ngoài thị trấn, ở làng cô được xếp vào dạng gái ế chồng. Tuổi ấy có người lấy cho là may lắm rồi, may hơn nữa chồng cô tuy hơn cô gần chục tuổi, nhưng vẫn là trai tân. Chú là thương binh, người huyện bên. Chú có một cửa hàng chuyên buôn bán, sửa xe máy, xe đạp các loại. Đám cưới hỏi diễn ra rất nhanh một phần vì hai cô chú tuổi đã cao, một phần cũng là do mai mối, quan trọng nhất là hai người cảm mến nhau ngay trong lần gặp mặt lần đầu tiên. Chú tuy dùng chân giả, đi hơi khập khiễng, nhưng không làm mất đi vẻ đẹp trai, điềm đạm pha chút phong trần đến nỗi bọn trẻ trâu chúng tôi ngưỡng mộ lắm. Sáng chủ nhật hàng tuần sau ngày cưới, vợ chồng cô chú đèo nhau trên chiếc xe máy về làng. Ông bà tôi gọi gia đình chú hai sang, mẹ tôi và thím tất bật nấu cơm, cả đại gia đình

tập trung ăn uống vui vẻ. Rồi những ngày cô chú về làng cũng thưa dần, lý do cô Út đang có bầu, ai cũng vui vì cô chú vậy là mau mắn.

Bỗng một hôm cô Út về một mình vào buổi trưa tháng Bảy nắng chói chang. Ông bà tôi cuống quýt gọi tôi mang cốc nước mát cho cô uống. Nhìn mặt cô có vẻ lo lắng và bồn chồn. Hơi thở của cô có vẻ nặng nề, bụng cô phập phồng sau lớp áo. Bà tôi ngồi sát cạnh xoa lưng cho cô gắng hỏi có chuyện gì. Cô nức nở. Thì ra lấy chồng về một thời gian nghe hàng xóm nói chuyện cô mới biết, chú chẳng phải trai tân gì, họ nói chú có một đời vợ rồi, ở tỉnh khác. Họ đã có với nhau hai đứa con, hàng tháng chú vẫn chu cấp tiền cho mẹ con họ, sở trợ cấp thương binh của chú, họ cũng cảm. Thoạt nghe cô không tin lắm, tiền mừng đám cưới chú đưa cô giữ, cuối tháng chú vẫn đưa tiền cho cô đều đặn, chú bảo chú không giữ tiền cá nhân làm gì, giờ lấy vợ, vợ quản. Có lần cô cũng nói xa gần hàng xóm đưa chuyện vợ nọ con kia, chú chỉ cười xòa, vợ chồng tin nhau là chính, nghe

gì thiên hạ. Vậy nên cô bỏ qua, không nhắc đến nữa. Nhưng vừa sáng nay, có một phụ nữ đến trường xin bộ hồ sơ chuẩn bị cho con vào học trường cô, cô ấy là cán bộ xã. Tình cờ nói chuyện, biết cô là vợ chú, cô ấy ngỡ ngàng vì có một người phụ nữ khác, trạc ngoài bốn mươi, thỉnh thoảng vẫn đến lĩnh lương thương binh của chú. Nghe cô ấy nói vậy, cô Út sững sờ, nhưng vẫn mỉm cười, tuy nhiên sau đó cô xin phép nghỉ về thẳng ông bà luôn. Ông tôi đảm chiều, nhắc chén nước lên rồi đặt xuống. Trước khi gả cô sang đó, dù có qua bà mối, ông đã đến tận nơi tìm hiểu gia đình nhà chú. Ông đã gặp một số hàng xóm xung quanh, ai cũng khẳng định, gia cảnh chú hơi khó khăn một chút vì cha mẹ mất sớm, chú tuy thương binh nhưng vẫn xoay xở học nghề, mở hàng sửa xe kiếm tiền nuôi em ăn học thành người, nay cũng là sĩ quan phục vụ trong quân đội. Em chú ở xa, lấy vợ cùng nơi công tác, cũng ít về, hôm cưới cả gia đình cô chú ấy có mặt đầy đủ. Ông khẳng định ông tin chàng rể là người tử tế, không thể có chuyện vợ nọ con kia được. Bà vừa ôm cô Út vừa bảo cô bình tĩnh, nhưng bà giục ông phải gọi con rể sang nói chuyện đầu đuôi. Ông không đồng ý. Ông bảo bà vội vàng, việc đó là việc của vợ chồng cô chú, cô chú cũng lớn tuổi rồi, có phải mười tám đôi mươi đâu mà xen vào có khi hỏng chuyện. Tôi lúc đó chỉ là đứa trẻ vẫn đang tuổi “tin” nên nghe lỏm chuyện hồi hộp lắm, vừa thương cô Út, vừa cầu mong đó chỉ là tin đồn vớ vẩn về chú. Cô Út đang thút thít thì có tiếng chuông điện thoại réo vang. Là chú gọi. Cô cố gắng bình tĩnh bảo

trưa nay ở nhà ngoại, chiều tối mới về, chú không phải đợi cơm. Cuối buổi chiều khi nắng bắt đầu tắt, cô chắc cũng ngoài ngoài nên ông bà giữ thế nào cũng không ở lại. Cô về rồi mà ông bà tôi vẫn đi lại ngoài sân có vẻ bồn chồn. Lúc sau ông gọi điện hỏi chú, chú bảo cô về đến nhà rồi mới thấy ông bà yên tâm. Bẵng đi hai tuần, vào cuối tháng Bảy, cô Út về nhà từ sớm, hai mắt sưng mọng. Ông bà tôi lại được phen hốt hoảng. Cô là út ít mà. Bố mẹ chiều, hai anh chiều. Giờ lấy chồng chưa được năm tháng mà nay khóc, mai khóc thế này. Cô về đúng ngày chủ nhật, bố mẹ tôi đều ở nhà. Bố tôi thấy em gái mắt sưng vì khóc định lôi điện thoại định gọi em rể sang cho rõ ngọn ngành. Ông ngăn bố tôi lại để nghe cô nói đầu đuôi. Thì ra sau vụ việc lần trước, người hàng xóm đó cũng kể chuyện chú có sổ thương binh nhưng đưa cho vợ cũ nuôi con từ lâu rồi, kể từ khi chú mở cửa hàng sửa xe, rồi buôn bán xe cũng phát đạt, nghe nói mỗi tháng ngoài sổ lương thương binh, chú còn gửi thêm tiền cho vợ cũ nuôi con ăn học. Họ còn nói thực ra chú thế cũng tốt, nhưng việc giấu cô chuyện đó là không được, dù là trước kia lấy vợ làng xóm không ai biết, lại không đăng ký kết hôn nữa. Họ quả quyết có người từng bắt gặp chú từng đến bệnh viện, nơi người phụ nữ đó sinh đứa con thứ hai, việc đó xảy ra lâu lắm rồi, từ cuối năm bảy chín. Giờ chắc chúng đã lớn cả rồi. Cũng chỉ vì chú im chuyện đó nên chú mới không lấy được vợ ở xã, ở huyện nên phải đi lấy vợ “thiên hạ” là cô tôi đây. Mà cưới cũng rõ nhanh không lại vỡ lờ chuyện đã từng có vợ. Xã hội giờ

Trần Phương Thảo Vy - Lớp 5A1



phức tạp lắm, vợ nọ, con kia mai này tranh dành đất đai không khéo giết nhau chứ không chừng. Những lời của bà hàng xóm đó với những “bằng chứng” được nghe kể lại mới có hơn hai tuần mà làm cô Út tôi héo hon cả người. Nhưng chỉ là nghe họ kể thôi, chứ cô thấy chú rất tốt. Chuyện tiền nong chú cũng rất đàng hoàng. Nhưng quả thật cái sổ trợ cấp thương binh cô không nhìn thấy bao giờ và chú cũng không nhắc tới, cô cũng không hỏi vì thực ra cô cũng không muốn mang tiếng cái gì cũng quản lý. Vấn đề là ở chỗ, hôm qua cô vừa đi siêu

âm về, bác sỹ bảo cô có thai đôi. Tin của cô làm cả nhà quỳnh quáng hết cả lên, hỏi cô đã nói với chú chưa, chắc chú mừng lắm đấy, lấy nhau muộn mà sinh một lúc hai đứa tốt quá còn gì. Mừng cái nỗi gì, cô khóc, chú đưa cô đi chứ ai đưa, nhưng từ lúc biết tin đến đêm qua, chú không nói gì cứ lẳng lặng ra sân, thậm chí không cả vào ngủ nữa, cô lại nghĩ đến bà hàng xóm, chắc họ nói đúng. Nếu không vợ nọ con kia làm gì phải thế, cô tủi thân lại khóc. Bố tôi hỏi giờ chú ở đâu? Cô bảo ngủ dậy là cô đi luôn, cô không nói gì với chú cả.

Bỗng có tiếng xe máy rền vang. Chú xuất hiện ở cổng. Ông tôi tay nắm chặt chén nước trà, bố tôi chau mày nhìn chú, bà tôi ôm cô Út mặt trắng bệch như người mất hồn. Tôi thì thót tim vì sắp chứng kiến cảnh đau lòng nhất mà tôi không muốn chút nào. Cuối cùng thì chú cũng chịu nói. Câu chuyện bắt đầu từ năm chú mười tám tuổi, vừa học xong cấp ba thì nhập ngũ, huấn luyện chưa được bao lâu thì chiến tranh biên giới nổ ra, chú cùng đơn vị giữ chốt, đơn vị chú đã chiến đấu quyết liệt bảo vệ chốt, nhưng lúc đó địch đông lắm, tiểu đội chú được lệnh rút xuống chân đồi. Mọi người rút dần, còn lại chú, tiểu đội trưởng và một chú đồng đội nữa rút sau để yểm trợ cho anh em. Rồi chú bị thương, ngất đi, khi tỉnh dậy chú đã nằm ở bệnh xá rồi. Sau này nghe kể lại, khi đồng đội lên đến nơi, chú nằm dưới thoi thóp, người bê bê máu được che chắn bởi người đồng đội và đồng chí tiểu đội trưởng nằm bên trên, họ còn chuyển lại cho chú tấm ảnh chụp gia đình đồng chí tiểu đội trưởng mà chú nắm chặt trong tay khi được tìm thấy. Theo như những gì xảy ra khi chú bị thương ngất đi, người đồng đội cũng hy sinh, tiểu đội trưởng bị thương nặng nhưng trước tình hình địch tràn đến, để bảo toàn tính mạng cho chú, chú ấy đã dùng thân mình cứu chú thoát khỏi tay địch và kịp dúi vào tay chú bức ảnh vợ con chú ấy trước khi nhắm mắt. Chú kể đến đây thì cả nhà tôi rơi nước mắt, ông tôi ôm chầm lấy chú, bảo sao chú không nói sớm. Nếu vậy, cô Út có là người đến sau cũng không sao. Giờ thì đến lượt chú nhìn mọi người kinh ngạc. Chú bảo,

chú có mỗi người vợ là cô Út, sao lại trước với sau? Lúc này mọi việc mới được sáng tỏ. Thì ra việc chú giao sổ trợ cấp thương binh cho một người phụ nữ nuôi con là thật. Đó là vợ của chú tiểu đội trưởng người đã hy sinh thân mình cứu chú. Sau này, khi rời quân ngũ chú đã tìm về quê của hai người đồng đội đã hy sinh. Nhưng hoàn cảnh của đồng chí tiểu đội trưởng rất khó khăn, bố mẹ già, con còn nhỏ, vợ đang mang bầu đứa con thứ hai thì chồng hy sinh. Vậy là sau khi ổn định cuộc sống, chú đã hỗ trợ, giúp đỡ gia đình người tiểu đội trưởng đó. Lẽ ra hôm cưới chú, vợ con chú ấy đã dự định về và giao lại cuốn sổ trợ cấp thương binh của chú vì các cháu cũng đã trưởng thành, nhưng vì bố của chú ấy mất nên họ không thể đến được. Chú nói, sau khi biết cô có thai đôi, chú mừng khôn tả và không thể không nhớ tới những đồng đội đã hy sinh, nhất là người đồng đội đã hy sinh trên chốt năm đó, thậm chí còn chưa có cả người yêu.

Khỏi phải nói những gì diễn ra sau đó. Ông bà tôi phấn khởi lắm, bố tôi thì bảo sao chú không nói sớm để cả nhà về thăm quê của chú tiểu đội trưởng, của cả người đồng đội đã hy sinh? Tôi thở phào nhẹ nhõm. Tôi chắc chắn cô Út sẽ hạnh phúc với một người chồng như vậy. Còn cô Út tươi tỉnh hẳn lên nhìn chú đầy trìu mến, thỉnh thoảng cô lại cúi nhìn xuống bụng mình, nơi hai sinh linh nhỏ bé chắc cũng nghe được câu chuyện về tình người sâu thẳm giữa chốn nhân gian này./.

Hồi ức trường xưa

VƯƠNG HIỀN NAM

Gió xạc xào đem theo những hồi ức ấu thơ. Năng lung linh chiếu rọi qua khung cửa lớp học, gọi về những dấu yêu cùng ngôi trường cũ. Trống tan trường vẫn chưa làm tan hồi ức băng khuâng.

Lối nhỏ thân thương, hàng cây rợp bóng sân trường đã gắn bó với đám học trò lam lũ chúng tôi thuở ấy. Nhớ con đường nho nhỏ dẫn vào trường trơn như bôi mỡ sau những trận mưa. Tay dắt xe, dép cài dưới nút dây chun chằng cặp sách, chân đưa nào cũng bám chắc mười ngón xuống mặt đường như dấu ấn bàn chân Giao Chỉ truyền kiếp. Năm tiết học trôi qua, ống quần cũng đã khô dần. Nhớ bữa cơm tập thể. Chỉ có vài miếng thịt rang với cùi dừa thơm thơm ngầy ngậy, cùng bát canh rau ngót loãng thoáng vài lá vẩy mà thi nhau chén bát sục sạo, cho đến cuối bữa chậu cơm “di tản” hết, nhìn kĩ mới thấy vài hạt sót lại nem nép bên thành chậu. Một bơ gạo với 500 đồng đem từ nhà đi góp cho

bếp ăn mỗi sáng mà chúng tôi có cảm giác những bữa ăn trưa ngon hơn bất cứ món “sơn hào hải vị” nào. Và buổi học chiều chúng tôi lại dư sức “chén bát” ngon lành những kiến thức từ trang sách giáo khoa và lời thầy cô giảng bài.

Trường cũ trong tôi là những dãy nhà lớp học có bốn bức tường vôi tróc lở, có mái ngói rêu phong gọi lũ chim sẻ từ đâu bay đến tranh nhau tìm hốc xây tổ khi mùa về. Trong khoảng sân trường ngập nắng, những tiết thể dục vẫn cứ diễn ra chẳng cần điều kiện về sân tập như bây giờ. Vui vẻ, háo hức nhưng cũng đầy âu lo trong ánh mắt của 13 đứa con gái lớp Văn khi thấy bóng dáng của thầy dạy thể dục đi đến. Một cú “ném bóng trúng đích” của cô học trò làm kính thầy rớt xuống đất. Nghẹt thở chờ thầy xét xử.

Trường cũ dấu yêu là âm ập những buồn vui tuổi học trò bên thầy cô, bè bạn, bên những kì thi đỏ rực sắc phượng tháng Năm. Đó là hình bóng cô chủ nhiệm yêu



thương học trò hết thầy. Cô nghiêm khắc là thế nhưng luôn quan tâm từng đứa học trò. Từng chút, từng chút một tôi đã học được ở cô sự chu đáo, tỉ mỉ, tận tâm. Giờ đây, cô học trò lớp văn thưở ấy về lại trường cũ giảng dạy, cô chủ nhiệm kính yêu đã xa nơi cội tam. Mỗi lần đứng trên bục giảng, hướng ánh mắt nhìn về phía nhà cô giáo, vẫn hình dung lời dặn dò yêu thương của cô với trò (khi đã trở thành đồng nghiệp), về cách quản lý lũ “nhất quỷ nhì ma”, về cách ghi sổ sách, chỉ tiêu làm sao cho khoa học khi đồng lương ít ỏi. Rồi cả những buổi tan trường, cô lại gói cho vài quả dưa gang đầu vụ cô vừa nén, hay bát xôi gạo nếp cái thơm lừng... Hình ảnh cô trong mắt trò tựa

như một bà mẹ chồng vừa nghiêm khắc, lại vừa tâm lí, gần gũi.

Bánh xe thời gian vẫn không ngừng quay theo quỹ đạo, trường cũ giờ đây đã khác xưa nhiều lắm. Chẳng còn tìm thấy vết tích của những bức tường rêu phong thưở ấy. Học trò được đến trường bằng xe buýt, được ăn những bữa trưa đầy đủ dinh dưỡng trong bếp ăn sạch sẽ. Trường xưa đã trở thành hồi ức trong chặng hành trình đàng đẵng của một đời người. Những dấu yêu về ngôi trường cũ, cô học trò năm xưa gói ghém niềm tin yêu gửi vào lớp học trò hôm nay, vào những hạt mầm từng ngày cô đang vun xới./.



PHẠM THANH NHÀN

LỚP 8B - THCS VŨ KIỆT

VŨ KHÁNH DUY

LỚP 7C - THCS VŨ KIỆT

Mưa rào

Mưa rơi tí tách
Rồi phi rào rào
Từng hạt lượn lách
Lá cười lao xao.

Chị mây duyên dáng
Trút lớp bạch y
Mặc áo xù xì
Màu đen huyền bí.

Rồi đến bé chớp
Thì cùng gió, mây
Trốn tìm tinh nghịch
Đằng Đông, đằng Tây.

Mặt đỏ hây hây
Ì ầm bác Sấm
Đánh chiêng, gõ trống
Đội vang tung bùng.

Mưa chạy một vòng
Từ sông ra biển
Nơi nào mưa qua
Lúa ngô trĩu hạt.

Ruộng đồng xanh mát
Nhờ ơn mưa rào
Chúng mình muốn nói:
Yêu bạn biết bao!

Cây cầu ước vọng

Cầu bắc qua sông Đuống
Nối đôi bờ Quan họ
Nghiêng nghiêng theo câu hát
Cầu - "Hoá thành bài thơ".

Giữa ngày thu gió lộng
Cầu mới được đặt tên
Kính Dương Vương thủy tổ
Niềm tự hào nước Nam.

Cây cầu dài thương nhớ
Nối đôi bờ thân yêu
Cầu mang bao khát vọng
Chứa chan biết bao điều...





NGÔ BẢO NGỌC

LỚP 8B - THCS VŨ KIỆT

KHÁNH PHƯƠNG

LỚP 8B - THCS VŨ KIỆT

Gà Hồ quê ta

Gà Hồ quê ta
Thân cao ngực nở
Cánh vươn vạm vỡ
Tiếng vang xóm làng.

Gọi ánh ngày sang
Gọi mùa xuân tới
Gọi mùa mong đợi
Đánh thức u minh.

Gà Hồ quê ta
Bước vào nghệ thuật
Nét màu dân tộc
Sáng bừng thời gian./.



Nhớ tiếng gà

Nhớ tiếng gà
Em vào Tây Nguyên
Thức cùng Đam San
Bỗng dội tiếng gà
Tan vào vách núi.

Em vào Cần Thơ
Thức cùng châu thổ
Lại nghe tiếng gà
Gọi nước triều lên.

Em ra Phú Quốc
Tiếng gà tiếng gà
Nhớ tiếng gà quê
Đánh thức u mê.

Đánh tan đêm tối
Gọi mặt trời lên
Cho em tới trường
Tiếng gà quê hương
Tiếng gọi yêu thương
Theo em suốt đời!

SỰ THẬT VÀ TRUYỆN THUYẾT

THÁI SƠN

Mùa đông năm nay gió bắc cứ thổi về đeo đẳng, đêm xuống sương muối ngậm cháy những mầm cỏ. Từ đầu tháng Chạp đến giờ, làng Muối đã có ba người rời chốn dương gian. Cả ba người đều không đợi được đến ngày nắng đẹp. Họ ra đi trong mưa gió, trên lầy lội của đường làng. Cờ tam tài, cảnh phan, câu đối ướm sùng. Tiếng khóc, tiếng trống, kèn, khuất chìm cùng tiếng gió xát xào, kéo kẹt, nặng nhọc, đồng điệu theo những khóm tre. Cả ba người, dân làng đều bảo: “có tiền thì chưa chết”. Còn một người nữa. Ông Lương đang ốm rất nặng, dân làng quả quyết: “có cả núi tiền vẫn chết”. Thế mới biết phận người mù mịt làm sao.

Chiều đã muộn, Thái mới nhớ ra, lời ông Lương dặn tuần trước: “Từ nay tới rằm khi nào rảnh anh sang, tôi nhờ tý việc”. Nghe người đang ốm nặng nhờ vả, Thái nôn nóng: “Việc gì ông nói ngay với con đi, làm sao mà phải đợi đến lúc rảnh”? Ông Lương khua khua bàn tay gầy khẳng: “Không, không có gì gấp gáp quan trọng lắm đâu, cứ từ nay đến hôm ấy là được”. Thái yên tâm, tin không có chuyện gì hệ trọng, nên quen

khuấy. Hôm nay đã là rằm, anh vội đi tắt bờ ao sang ngõ nhà ông...

Ông Lương là em họ của bố Thái, anh gọi ông bằng chú. Ông năm nay khoảng sáu hai, sáu ba. Tuổi ấy chưa phải đã già, nhưng dân làng ai cũng tin, ông sẽ ra đồng trước Tết, vì bệnh ung thư ở ông đã vào giai đoạn muộn. Mà ung thư giai đoạn muộn, làng Muối chưa ai sống được quá ba tháng bao giờ. Ông có ba con, hai gái một trai, vợ mất từ ngày anh con trai út sinh ra còn đỏ hỏn. Ông ở một mình ngoài xóm Trại, những ngày ốm đau này, hai cô con gái thay nhau đến chăm nom. Còn anh con trai cứ đến là ông đuổi: “Xin ông đi đi cho, ông vào tôi sẽ cắn lưỡi chết ngay”. Họ hàng, dân làng rất nhiều người bức xúc, họ bảo ông là người cố chấp, chuyện từ hồi nào, hồi nào, mà không đại lượng bỏ qua được cho con cháu.

Đúng là chuyện từ hồi nào, hồi nào, nhưng người làng Muối, vẫn nhiều người còn nhớ. Năm ấy, Luận con trai ông hai mươi ba tuổi. Đêm tất niên rượu liêng biêng, ông Lương bảo: “Bằng tuổi này làng này khói đứa đã có con rồi đấy, mà sao chẳng thấy mày dẫn đứa

con gái nào về”? Hai cô chị nhìn bố tìm: “Nó đến đây suốt, mà bố không biết à”? Ông Lương trừng mắt: “Chúng mày tưởng ông đùa phổng”? “Chúng con nói thật, chứ đâu có đùa. Bố chuẩn bị lợn, gạo đi là vừa”. Hai cô con gái không còn cười nữa. Ông Lương nửa tin, nửa ngờ: “Đứa nào”? “Cái Hoa, thế bố không biết thật à”? “Sao? Cái Hoa con lão Thân á? Nó là người trong họ đấy”? “V...â...n...g...” Ông Lương loạng choạng đứng lên, hắt chai rượu xuống nền nhà vỡ choang: “Chúng mày mà chim chuột nhau thật thì ông từ, ông sẽ đốt nhà ra trại ông ở”. Ba chị em run lật bật nhìn nhau. Tưởng đây là lời nguyền, mà Luận không bao giờ dám bước qua. Ai ngờ chưa đầy hai tháng, Luận dẫn Hoa về ra mắt ông Lương: “Họ đã bốn đời rồi bố ạ, theo luật là kết hôn được”. Ông Lương sững sờ, mặt nóng lên giàn giụa: “Luật với lệ cái gì. Nói không nghe, ông sẽ đốt hết”. Hai đứa quỳ xuống xin, nhưng chẳng khác gì đổ thêm dầu vào lửa. Ông Lương kiên quyết hơn: “Chúng mày có uống thuốc chuột, có nhảy xuống sông tự tử ông cũng không thay đổi”. Mặt Luận tím ngắt, còn Hoa nước mắt nhạt nhoà. Đôi tình nhân dìu nhau ra khỏi nhà. Sau lần ấy, Luận không về, thay vào đó là: Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ và cả ông trưởng họ lúc đó là bố của Thái, đến vận động. Ông Lương vẫn vững như núi. Dịp tết ông Công, ông Táo, tính đi tính lại đây là thời cơ tốt, Luận và Hoa xuất hiện. Lần này Luận làm việc đã rồi. Anh dẫn cô bạn gái vác cái bụng to như úp rổ, đến trước mặt ông Lương: “Chúng con đã đăng ký kết hôn rồi bố ạ. Từ nay chúng con là vợ chồng. Bố không thừa nhận nhưng

pháp luật thừa nhận”. Ông Lương chỉ còn biết đứng trơ ra, như người câm điếc nhìn con. Đêm ấy vào lúc rạng sáng, nhà ông Lương bỗng nhiên bùng cháy. Lửa thiêu rụi bếp, đến ba gian nhà ngang. Cũng may dân làng kịp tới hò nhau chặn được, khi nó chưa kịp lan sang năm gian nhà chính.

* *

*

... Thái đến bên giường ông Lương. Ông đang nằm lẫn trong đồng chăn, chỉ lộ cái đầu nhỏ như quả bưởi ra ngoài. Gương mặt rõ từng vết lõm, nơi tiếp giáp của những phần xương. Hai hốc mắt sâu, tối hút, tóc phủ xuống lẫn hàng lông mày bạc một màu lơ phơ. Thái có cảm giác, ông Lương nằm bất động ở đó từ rất lâu rồi, không còn đau đớn, không còn ý niệm về ngày đêm.

- Ông ơi, mấy hôm nay ông thấy trong người thế nào? Thái hỏi một câu mà anh biết rất thừa thãi, nhưng không tìm được câu nào hơn.

Ông Lương cự mình:

- Anh Thái đến đây à? Ngày, tôi đã phải tiêm đến sáu mũi mooc phin, chắc là sắp đi theo bố anh thôi. Hôm nay là rằm phải không?

- Vâng. Hôm nay là rằm, con sang xem ông có gì chỉ bảo?

- Ồ, ờ. Anh thấp cho tôi nén hương trên ban thờ các cụ. Khẩn hộ, xin các ngài về phù hộ độ trì cho tôi sớm được quy tiên.

Thái thấp hương, chấp tay thành kính khấn cầu. Ông Lương tự kê thêm cho mình cái gối, để đầu cao lên. Không gian yên ắng, gió bắc giạt từng hồi, cụm tre già trước nhà xơ xác, chao đảo như đưa võng.

Kèo kẹt, trút nốt những chiếc lá vàng úa cuối cùng. Cô con gái ông Lương ghé vào tai Thái:

- Chắc anh và bố em còn nói chuyện lâu. Nhân tiện anh trông hộ ông cụ, để em đi đàng này tý nhé.

Thái gật đầu, đến ngồi xuống cạnh ông Lương. Chỉ còn lại hai người. Chiều nhập nhoạng, tối xạm một màu mây. Đã có tiếng vạc đi ăn đêm kêu thao thác trên bầu trời:

- Anh đã bao giờ nhìn thấy ma, ở chỗ cây mọc miên bên sông chưa?

Thái bật cười, anh không hiểu ông Lương định nói gì:

- Con chỉ nghe người ta nói. Cứ đêm thanh vắng lại có tiếng khóc và thấp thoáng bóng người treo cổ trên cành cây mọc miên. Chứ tận mắt thì con chưa bao giờ nhìn thấy.

- Tôi cũng chưa nhìn thấy, nhưng tôi nghĩ chuyện ấy là có thật. Trong làng, trong họ chỉ mình tôi biết. Chuyện sống để dạ, nhưng chết không thể mang đi. Tôi sắp chết, tôi phải kể lại chuyện này với anh vì anh là trưởng họ cần phải biết.

Giọng ông Lương khe khẽ, thúc thắc như nhịp bước chân chú cò kiếm mồi trên đồng vắng, bỗng nhiên thu hút sự chú ý của Thái. Anh có linh cảm những gì ông sắp nói ra, không phải đơn giản chỉ là việc nhờ vả đơn thuần. Thoáng chút hoang mang, Thái ngại ngần:

- Ấy chết, trong họ còn các cụ, các ông cao tuổi, để con mời họ đến cùng nghe, chứ con là trưởng họ thật nhưng lại là bậc con cháu...

Thái chưa nói hết câu, ông Lương đã cắt ngang:

- Chuyện này chỉ mình anh biết là đủ. Cũng như mấy chục năm nay, chỉ một mình tôi biết. Anh không ngại thì nằm xuống đây, tôi kể anh nghe.

Không thể làm trái ý ông Lương, Thái kéo chăn nhẹ nhàng nằm xuống. Ngoài trời gió bắc vẫn thổi ù ù. Giọng ông Lương thúc thắc, như tiếng du mật nhọc, làm Thái thiêu thiêu chìm vào mộng mị. Anh thấy mình đang ngồi dưới gốc cây mọc miên, ngay cạnh thấp nhất có người treo cổ. Ông đang oằn mình đẩy dụa như cá mắc câu. Và ở gần đó một người đàn bà mặc chiếc áo màu hồng ướt sũng, vật vờ đi lại gào khóc thê thảm. Anh run bần bật, muốn kêu lên, muốn đến cứu người đàn ông, mà không hiểu sao hàm cứ cứng lại, chân nặng như đeo đá, bước rồi lại khụy xuống. Không gian chập chờn, nửa hư, nửa thực, mà bên tai vẫn có tiếng của ông Lương:

- Đòi tôi khổ lắm anh ạ. Tôi còn nhớ như in, năm mười tuổi: Hôm ấy trời còn sớm, mẹ lay tôi: “Dậy, dậy ra lều vó với ông bà để bố mẹ sang quê ngoại, chiều về chúng tao mua quà cho”. Tôi kèm nhèm dụi mắt bước thấp, bước cao, chạy ra bên sông chỗ cây mọc miên, ở đó cái vó bè của ông bà tôi. Chiều, rồi cho tới tận hôm sau, không thấy bố mẹ tôi về. Ông nội bảo: “Ở nhà với bà để ông đi đón bố mẹ cháu”. Quả thật, lúc ấy tôi chẳng biết lo lắng gì, ngoài mong bố mẹ về cho những bắp ngô nếp thơm lừng của đồng bãi. Hai ngày đã qua, sang ngày thứ ba, tôi ra tận đầu làng ngóng đợi. Đúng lúc đó bố mẹ tôi về. Họ về, không chỉ có hai người mà cả một đám đông, tôi không sao nhận ra họ, chỉ nhận ra ông tôi. Tôi lao đến tận nơi, cũng không

thấy bố mẹ, chỉ thấy một chiếc xe trâu chở hai cái quan tài. Một người ôm lấy tôi nức nở: “Khổ thân cháu, từ nay thành kẻ mồ côi”. Rồi ông giải thích: “Bố mẹ cháu và mười hai người nữa qua sông, đò nhỏ, nước lớn, sóng to, đi đến giữa sông thì đò bị nhấn chìm, mười người chết, chỉ còn bốn người sống sót”. Đến lúc ấy tôi mới biết chuyện gì đã xảy ra.

Thái vẫn chìm trong ác mộng, anh nhìn rất rõ những bông hoa mộc miên rụng đỏ mặt đường. Và không hiểu sao, người đàn ông lại rời khỏi được cành cây, ông đang đi như trôi lơ lửng trên mặt đất. Thoảng có tiếng khóc, rồi tiếng của ông Lương đều đều:

- Sau khi bố mẹ mất tôi ở với ông bà nội, nhưng chưa được bao lâu, thì bà nội chết. Bà chết khi đang ăn cơm bỗng nhiên gục xuống. Sau này tôi mới biết, như thế là bà bị nhồi máu cơ tim. Nhà năm người còn lại hai. Ông tôi ngày đêm phải bám lấy cái vó bè, còn tôi mười ba tuổi bắt đầu quen với những công việc của bố mẹ và bà tôi đã làm. Năm tôi mười bảy, ông nội bảo: “Cháu phải lấy vợ để nó gánh vác đỡ cho”. Tôi nghe ông, lấy vợ. Không cưới xin hôn thú gì cả, chỉ làm dăm mâm ra mắt họ hàng. Năm mười tám tuổi, tôi có con gái đầu lòng. Năm hai mươi tuổi, tôi có con gái thứ hai. Sau đó băng đi một thời gian đến gần sáu năm, không thể nói hết được niềm vui, vợ tôi có mang đứa thứ ba. Lúc sinh nở nó lại là con trai cả họ mừng. Tôi mở lợn mời làng ngày đầy cữ. Hôm ấy vợ chồng tôi làm hai mươi mâm. Rượu vào lời ra, đám đàn ông không còn nề nang

ai nữa. Có người say khướt, lè nhè, giọng nhót: “Sáu năm mới lại có con, chắc đêch gì đã phải con của mình mà làm cỡ to thế này”. Câu nói ấy ai cũng nghĩ đấy là của thằng say, không chấp. Nhưng không hiểu sao nó lại ám ảnh tôi. Khi cỗ bàn xong, mọi người đã ra về hết, ngồi ngẫm lại. Ít học tôi chỉ tính được: người ta chín tháng mang nặng đẻ đau, vậy vợ tôi có mang vào khoảng cuối tháng sáu. Tôi bàng hoàng, cả thời gian ấy tôi đi dân công làm gì có nhà? Không kìm nén được sự nghi ngờ và máu ghen tuông đang hừng hực bốc lên. Tôi vào dựng vợ dậy: “Cô nói thật đi, đứa con này là của thằng nào”? Vợ tôi mắt nhắm, mắt mở, như một lúc mới hiểu ra, nhìn tôi trân trân: “Điên à, con anh chứ còn con ai”? Lôi cô ta ra khỏi giường, tôi rạch ròi: “Thằng Luận sinh ngày mười tám tháng hai, tháng sáu, tháng bảy năm ngoái tôi đi dân công, vậy cô chữa nó có bảy tháng à”? Vợ tôi không giải thích được run lên, vội quỳ xuống: “Lậy anh, lậy anh, em có tội”.

Thái nghe và hiểu hết câu chuyện ông Lương đang kể. Anh lặng người đi, sững sờ biết những lời ông Lương nói là sự thật mà lòng vẫn đầy hoài nghi. Mắt anh mở, mà không nhìn thấy mái nhà, lại thấy mình ngồi dưới cây mộc miên, trước mặt là dòng sông đục ngầu một màu phù sa, lác đác có những khóm lộc bình trôi nổi. Người đàn ông đã biến đâu mất, thấp thoáng có chiếc lều vó lợp mo nang, trông như chiếc mui xe ngựa dưới mép nước. Còn người đàn bà thì chập chờn ngay trước mặt. Tóc cô rất dài gương mặt trắng hồng, mũi cao hai bờ môi mỏng hơi cong lên. Cô không gào

khóc nữa, hình như đang nói với anh. Thái cố lắng nghe. Đúng cô đang nói, giọng nheo nhéo như tiếng gió:

- Không phải thế. Lương vào giường giặt thẳng Luận ra khỏi vú, rồi lôi tôi ra quần tóc vào cột. Tát tôi năm sáu cái, anh ta rít lên: “Nó là con của thằng nào, nó là con của thằng nào”? Tôi biết, sớm muộn gì cũng đến ngày này, và đã chuẩn bị, nếu anh ta gắng hỏi tôi sẽ quỳ xuống xin anh tha tội. Nhưng sau mấy cái tát tai tôi ù đi, tôi quên hết lỗi lầm, chỉ thấy căm giận. Tôi hét lên, thách thức cho bố tức: “Nó là con của tôi, chứ đêch phải của đứa nào nữa cả. Giỏi anh cứ đánh đi”. Lương buộc hắt tóc tôi vào cột, lột hết quần áo: “Khai thì mày được sống, còn không, ông sẽ cho mày chết”. Lương đâm đập tôi không thương tiếc. Người tôi bầm dập đau đớn vô cùng, tôi nghiêng rãng chịu đựng. Dù phải chết cũng không thể nói ra người ấy. Tôi quyết căm lặng, Lương càng ra đòn hung dữ hơn, tôi ngất đi. Đêm đã khuya, tỉnh lại không thấy Lương đâu, tôi tự gỡ mớ tóc quần quanh cột ra, vào cho con bú. Tâm trạng lúc ấy, rối bời, thất vọng, chán chường. Đúng là tội lỗi tôi đã gây ra, không thể tha thứ được. Không nói thì tôi sẽ chết với những trận đòn liên miên, nhưng nói thì gia đình cũng tan nát, không còn mặt mũi nào để sống. Đợi cho thằng Luận ngủ lại tôi xuống nhà ngang, nhìn hai đứa con đang ngủ mê mịch. Tôi hôn chúng nó lần cuối rồi ra bên sông.

Giọng nói nheo nhéo bỗng nhiên tắt hẳn, Thái không nhìn thấy người đàn bà đâu nữa. Dòng sông vẫn chảy thao thiết, hoa mộc miên rụng xuống cả vai anh. Lại

nghe thấy giọng nói của ông Lương:

- Đêm đó tôi như con thú cùng đường, mà không thể làm um sùm lên được. Tôi dốc cả chai rượu vào miệng, say rồi ngủ ngay ở góc sân, sáng dậy không thấy vợ tôi đâu. Tôi nghĩ chắc cô ta về bên ngoại. Thằng Luận đói sữa khóc ngằn ngặt. Nhìn nó tức giận trong tôi lại bốc lên ngàn ngút, tôi muốn bóp chết nó. Như biết được ác ý của tôi, nó im bất, tức giận trong tôi chùng xuống. Hai ngày, rồi ba ngày, không thấy vợ về. Ba bố con chạy đôn chạy đáo kiếm đủ thứ cho thằng Luận ăn, kể cả cho đi bú trực, nhưng không gì thay thế được cái vú của mẹ nó. Nó vẫn khóc. Tôi bắt đầu lo lắng. Đêm không ngủ được, sợ có việc chẳng lành xảy ra, tôi ra chỗ vó bè mang theo ý định sẽ kể hết với ông nội. Mùa nước mặt sông vơi vơi, ông tôi sai tay đều đều theo sợi dây thừng, kiên nhẫn kéo từng mẻ vó. Ngồi một lúc lâu tôi vẫn chưa dám nói. Bỗng ông reo: “Có cá to, có cá to, mày giữ vó để ông ra bắt, nhanh không rách vó”. Ông tôi nhanh nhẹn bước xuống thuyền nan, có lẽ chỉ khoảng năm phút sau, ông đã hét hoảng kêu: “Ồi trời ơi”, và chiếc thuyền tròn trĩnh lật úp xuống dòng sông. Không kịp tính toán, vẫn nguyên quần áo, tôi lao xuống bơi lại chỗ ông. Tay ông đang bám vào cái thuyền bị lật úp. Tôi hỏi: “Cái gì đấy hở ông”? Giọng ông ngọng lịu: “Có xác người”. Toàn thân tôi lạnh toát, té cứng. Với bản lĩnh của người đã quá quen với sông nước ông tôi bình tĩnh lại ngay, ông trấn an: “Không có gì phải sợ, mày lại đây với ông để mang cái xác này lên”. Tôi đã bị chìm xuống, nước xộc vào mũi làm tỉnh táo lại. Tôi bơi đến cùng ông, hì hụi

đưa cái xác lên bờ. Đêm cuối tháng, tôi nhập nhòa, dễ đến gần hai mươi phút hai người mới kéo được cái xác lên bờ. Ông bật lửa để nhận dạng. Như cùng lúc, tôi và ông khụy xuống mặt đường. Cái xác là vợ tôi. Cô ấy biết bơi, để chết được, đã dùng thùng trói hai chân mình lại. Ông tôi hiểu ngay, tay chân ông run lên, nhìn tôi: “Nó tự tử à”? Tôi không thể giấu ông: “Vâng. Cháu cũng nghĩ thế, vì đêm hôm kia cô ấy đã thú nhận, thằng Luận không phải con của cháu rồi bỏ đi”. Ông tôi ôm lấy đầu lão đảo, miệng làm nhảm như người tâm thần: “Sao lại khốn nạn thế này, sao... lại... khốn... nạn.... thế... n...à...y...”.

Thái cố tập trung tinh lực nhìn thật kỹ, cái khoảng trời trước mặt xem thực hay hư. Đúng là cây mọc miên, vì thân nó xù xì có gai và hoa như búp tay trẻ con đỏ cháy. Người đàn ông đã quay lại, Thái chỉ nhìn thấy mái tóc bạc phơ và một bờ vai rộng. Ánh sáng lấp loé trên những mắt lưới vó. Giọng ông Lương nghe vắng vắng, xa xôi:

- Vợ chết, một mình nuôi ba con còn nhỏ, tôi lâm vào hoàn cảnh “tiên thoái lưỡng nan”. Cúng bốn mươi chín ngày vợ xong, tôi bàn với ông nội gửi thằng Luận về quê ngoại để họ nuôi hộ. Thực tình tôi cũng không muốn nó luôn hiện diện, làm nhức nhối thêm nỗi đau trong thâm tâm tôi.

Ông Lương cự mình. Thái nghe có tiếng nói trầm đục, liu riu, của người đàn ông đang trôi về phía cây mọc miên:

- Mà y mang thằng Luận đi đổi lấy hai chỉ vàng, chứ đâu phải gửi con sang quê ngoại?

Nói xong, người đàn ông biến mất. Như có mặt trời vừa ra khỏi đám mây sáng

loà. Thái bừng tỉnh, ngơ ngáo nhìn lên, ngay trước mắt anh là cái bóng điện. Anh đã cự được mình thoát khỏi trạng thái nửa tỉnh, nửa mơ, người nhẹ hẫng.

Ông Lương vẫn kể tiếp câu chuyện của mình:

- Như đã hẹn. Một buổi chiều nhập nhòa giống hôm nay, tôi đi tắt cánh đồng mang thằng Luận sang quê ngoại.

Trong đầu Thái vẫn ám ảnh câu nói của người đàn ông, anh bất ngờ bật ra:

- Không phải thế, ông mang con đi đổi lấy hai chỉ vàng.

Ông Lương giật mình, phản ứng rất bản năng:

- Anh cũng biết chuyện này à? Mà tôi đã đổi đâu?

Thái thật thà:

- Con vừa mơ thấy thế, chứ con nào có biết.

Ông Lương xoắn xuýt:

- Mơ thế nào, mơ thế nào? - Con chỉ mơ thấy thế thôi, ông kể tiếp đi.

Ông Lương ngần ngừ rồi kể tiếp:

- Đến bãi tha ma tôi giật bắn người, khi thấy một bóng đen lù lù đến trước mặt. Tôi lùi lại để thế thủ, nhưng người đó cứ tiến đến. Tôi định bỏ chạy, thì có tiếng gọi. Tiếng của ông tôi. Thở phào, tôi bảo: “Góm ông ra đây làm gì, để cháu sợ hết hồn”? Ông tôi không đáp mà quỳ ngay xuống: “Lương ơi, ông lạy cháu, hãy mang thằng Luận về, nó là con của ông đấy”. Ông khóc lên hu hu gục sát đầu xuống mặt đường, như không thể đứng lên được nữa.

Thái ngồi bật dậy:

- Thật thế hả ông?

Ông Lương rướn người lên:

- Tôi thề, tôi nói điều hai con tôi chết. Lúc ấy anh biết không? Tôi ngây người ra mất một lúc. Tức tối, khinh bỉ kêu lên “trời ơi” rất to vọng cả cánh đồng. Bất lực, nhục nhã ê trề, bỏ mặc ông ở đấy, tôi bế thằng Luận chạy như kẻ mất trí về nhà. Cả tuần tránh mặt ông, tôi không ra bến sông. Việc đưa cơm nước giao cho đứa con lớn. Một hôm đưa cơm cho ông về, nó bảo: “Ông dặn tôi bỏ ra, ông có chuyện gì đấy”. Tôi định không ra, nhưng khuya thấy nóng ruột mới vội vàng chạy ra. Đêm ấy trăng suông, sóng vỗ ì oạp, ra đến nơi tôi vào ngay lều vó, không thấy ông, tôi chạy tới chỗ cây mộc miên. Chẳng phải tìm kiếm gì lâu, đập ngay vào mắt tôi là xác một người đàn ông, đang treo thông thướt trên cành. Tôi như phát điên, nhưng rất may vẫn đủ tỉnh táo đưa ông về cái lều vó rồi mới gào khóc, để không ai biết ông tôi đã treo cổ trên cành mộc miên.

Ông Lương dừng lại mím chặt môi, chắc con đau lại đến:

- Bây giờ thì anh biết, tại sao tôi không đồng ý cho ông Luận lấy cái Hoa rồi chứ? Tôi không cho lấy vì ông Luận là chủ ruột của tôi, họ với con Hoa chưa đến bốn đời. Anh đang viết tiếp gia phả phải không? Cái chi này nó là thế đấy. Anh phải viết đúng, phải cho ông Luận biết thứ bậc của mình thay tôi, vì tôi không đủ dũng khí nói ra điều ấy.

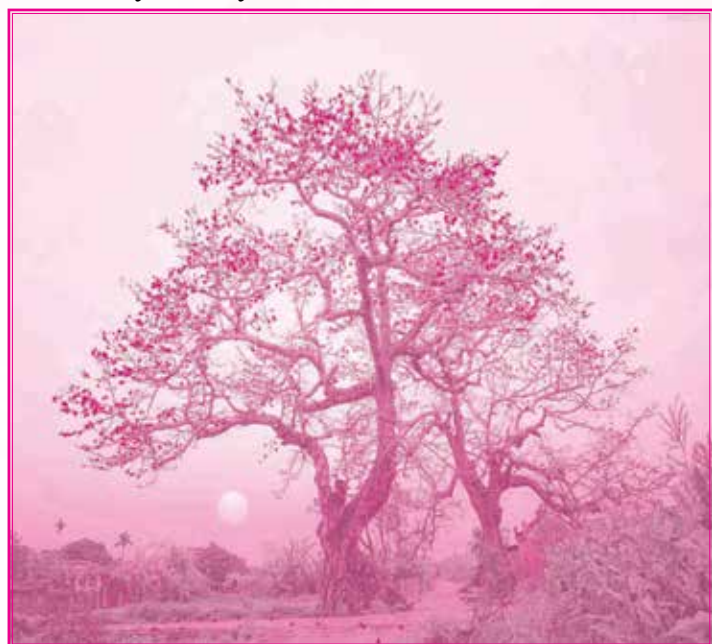
Giọng ông Lương bỗng nghẹn lại, mắt ông ầng ậc nước. Thái không biết trả lời thế nào cho phải, anh lấy khăn lau nước mắt đang chảy tràn trên má ông. Hờ hững như kẻ mộng du. Thái gật đầu:

- V... à... n... g... ạ...

* * *

Đúng như dân làng dự báo, ông Lương không sống được đến Tết. Ông ra đi cũng vào một ngày mưa gió. Thái không đủ cam đảm, làm theo lời ông trăng trối. Luận vẫn mặc áo xô, đội mũ rơm, chống gậy tre, đi sau cái xe tang, theo tục lệ “cha đưa mẹ đón”.

Thái bản thân, ai ra đi cũng mang theo những điều bí mật của riêng mình, chỉ có ông Lương điều bí mật của ông được giao lại cho anh. Anh sẽ viết gì vào gia phả? Có lẽ, Thái cũng chỉ làm được việc như ông đã làm: sống để bụng, chết không thể mang đi. Một ngày nào đó lúc hấp hối, anh sẽ kể lại cho con, cậu con cả nối anh làm trưởng họ câu chuyện hôm nay: Có một mùa hoa mộc miên ở bến sông. Hoa như búp tay trẻ con đỏ chấy rụng kín mặt đường, và rụng xuống cả vai người... Cứ thế, cứ thế, đời này qua đời khác, chuyện có thật nhưng sẽ thành truyền thuyết.



TIN BUỒN



Hội Văn học nghệ thuật, Tạp chí Người Kinh Bắc,
Chi hội Thơ và gia đình vô cùng thương tiếc báo tin:

Nhà thơ: **VŨ ĐÌNH ÚNG**

Năm sinh: 1941

Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam

Quê quán: Số 90, Khu 3, P. Đáp Cầu, Tp. Bắc Ninh,
T. Bắc Ninh.

Hội viên Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Bắc Ninh đã
từ trần vào hồi 22 giờ 00 phút ngày 13 tháng 04 năm 2024, tức ngày mùng 5 tháng 3
năm Quý Mão, hưởng thọ 83 tuổi.

CÁC TÁC PHẨM CHÍNH VÀ GIẢI THƯỞNG:

- Tuyển tập thơ "Khúc ngẫu hứng", NXB Hội Nhà Văn - 2004
- Tuyển tập thơ "Khúc giao mùa", NXB Hội Nhà văn - 2009
- Tuyển tập thơ "Nhịp thời gian", NXB Văn học - 2013.

*Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, Tạp chí Người Kinh Bắc thành kính chia buồn
cùng gia quyến!*



Hương sắc Thiên Thai

Tình cảm - Tha thiết

Nhạc : Quý Thăng

Lời thơ : Xuân Vẽ

Quê em hương sắc Thiên Thai. Miền quê yêu dấu rộng dài ven
sông. Phù sa tưới mát ruộng đồng xanh tươi ngô lúa trở bông chín
vàng. Xa xa đồi núi xóm làng may màu áo mới giải ngang nắng ư
chiều. Thiên Thai miền đất ta yêu Gia Bình tươi sáng sớm chiều đổi
thay. Nào là nhà máy dệt may. Nào là tre trúc khéo tay làng
nghề. Quê em đồng đúc đề huề tranh đồng thêu dệt gửi về người
thân. Thiên Thai hương sắc trong ngần xóm làng nhộn nhịp vang ngân tiếng
cười. Hội làng chiêng trống nơi nơi. Miền quê Quan họ đợi mời người
thương. Thiên Thai hương sắc còn vương anh về thăm nẻo đường quê em anh
Rall...(Chậm lại để kết)
về thăm thăm nẻo đường quê ư em.

THƯƠNG CÂU QUAN HỌ

Nhạc: Chiêu Thanh

Thơ : Thanh Tầm

Nhịp vừa - Tình cảm

The musical score is written on ten staves in 2/4 time. It features a melody with various note values including quarter, eighth, and sixteenth notes, as well as rests. The lyrics are written in Vietnamese and are aligned with the musical notes. The score is enclosed in a pink border.

Nhớ thương một khúc sông quê. Nhớ thương câu hát lời thề năm
xưa. Câu ca Quan họ trong mưa, thuyền ai rồi bến sao chưa thấy về.
I í a í a chín đời mười chờ.. Còn không nổi nhớ bây giờ còn
không. Thuyền tình có nhớ bến sông. Nhớ câu ước hẹn qua đông sẽ về. Sông
oi dẫu cách đôi bờ bắc cầu dải yếm em chờ người sang. Nghiêng che chiếc nón ba
tầm..Dùng dằng câu hát cho lòng vẫn vương. Sông quê sông quê con nước đôi
dòng áo the khăn xếp má hồng làm duyên. Mạn thuyền đầy nước trắng soi lẻ loi chim
nhạn năm canh đợi chờ. I í a í a loan phượng sánh
bây í a Quan họ một ngày nên duyên. I í a í
a loan phượng sánh bây í a Quan họ nên duyên một i thời.

SỔ TAY TẠP CHÍ

Trong số này, Tạp chí Người Kinh Bắc đã nhận được tác phẩm tham gia cộng tác của các tác giả:

*** Trong tỉnh:** Duy Đắc, Trần Vọng, Phạm Huy Chương, Lê Xuân Me, Nguyễn Đình Tự, Hoàng Giá, Nguyễn Xuân Tường, Trần Thị Tích, Nguyễn Thanh Nga, Đặng Lợi, Thái Khoát, Mai Hoàng Hanh, Nguyễn Xuân Hùng, Đỗ Duy Khánh, Vũ Thị Phúc, Nguyễn Thị Hồng Nhung, Dương Hoàn, Lê Việt Nga, Nguyễn Anh Thuần, Vũ Việt Tâm, Trần Thị Tích, Nguyễn Hà Hải, Nguyễn Lộc, Vũ Tuấn Anh, Lương Thìn, Bùi Hồng Mận, Lê Thị Huyền, Hồng Thức, Nguyễn Huy Bách, Nguyễn Bá Mưa, Vương Hiền Nam, Phạm Thanh Nhân, Khánh Phương...

*** Ngoài tỉnh:** Trần Văn Thiên (TP Hồ Chí Minh), Lê Ngọc Sơn, Vũ Tuyết Nhung (Thanh Hóa), Nguyễn Thị Liên Tâm (Bình Thuận), Lê Việt Hùng, Đào Thanh Nghị (Hải Phòng), Lê Hứa Huyền Trân (Bình Định), Bùi Việt Phương (Hòa Bình), Nguyễn Minh Thuận (Bạc Liêu), Nguyễn Duy Hà (Lâm Đồng), Trần Thị Kỳ Duyên, Huỳnh Thị Kim Cương (Kiên Giang), Vũ Hoàng Nam (Bắc Giang), Nguyễn Thanh Bình (Long An), Nguyễn Thanh Tuấn (Quảng Nam), Kim Liên, Bùi Văn Phẩm (Phú Thọ), Nông Tử Lệnh Anh, Ngọc Linh, Nguyễn Thị Hòa, Lê Thị Kết, Nguyễn Văn Chiến, Nguyễn Thị Loan, Nguyễn Thị Hải, Ái Nhân (Hà Nội), Huỳnh Thạch Thảo (Phú Yên), Nguyễn Văn Toàn, Ngô Công Tấn (Thừa Thiên Huế), Lê Trần Trường An, Lê Thị Hồng Châu, Trần Thị Thùy Linh (Sóc Trăng), Hồ Ngọc Diệp (Quảng Bình), Ngô Thế Lâm (Khánh Hòa), Đoàn Trung Phong, Đinh Hạ (Nghệ An), Nguyễn Ngọc Chiến (Quảng Trị), Bùi Nhật Lai (Thái Nguyên), Đặng Đức...

Tạp chí xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của quý tác giả và mong muốn thường xuyên nhận được những ý kiến đóng góp của hội viên, cộng tác viên, độc giả ở trong và ngoài tỉnh về chất lượng, nội dung, hình thức... của Tạp chí để từng bước nâng cao hơn nữa chất lượng Tạp chí Văn nghệ tỉnh nhà.

Ban Biên tập Tạp chí Người Kinh Bắc trân trọng kính báo tới Hội viên Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, cộng tác viên trong và ngoài tỉnh chủ đề Tạp chí số 7 năm 2024: Kỷ niệm 76 năm Ngày Truyền thống văn nghệ cách mạng Việt Nam (25/7/1948 - 25/7/2024); Kỷ niệm 77 năm ngày thương binh, liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2024); Học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh... Kính mong Hội viên, cộng tác viên và độc giả gửi tác phẩm về Tòa soạn Tạp chí Người Kinh Bắc trước ngày 10/6/2024.

Bài viết gửi về email: tapchinguoiKinhBac@gmail.com hoặc qua Bưu điện theo địa chỉ: Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh (Số 01, Lý Thái Tổ - TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh). Truy cập Website nguoiKinhBac.vn để xem nội dung của Tạp chí hàng tháng.

Trân trọng cảm ơn!

BBT